

**TỈNH ỦY TUYỀN QUANG
BAN TUYỀN GIÁO**

NỘI DUNG CỐT LÕI

**CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ, CHỈ THỊ, ĐỀ ÁN CỦA TỈNH
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG,
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XVII, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**



TẬP 2

(Tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập, tuyên truyền)

Tuyền Quang, năm 2022

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY TUYÊN QUANG

BAN BIÊN TẬP

TRƯỞNG BAN:

Nông Thị Bích Huệ

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

PHÓ TRƯỞNG BAN:

Đỗ Hồng Thanh

Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

La Hồng Hải

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

THÀNH VIÊN:

Lã Văn Hào

Nguyễn Thị Hoa

Phan Thanh Bình

Nguyễn Văn Đức

Bùi Đức Lượng

Đào Việt Dũng

Trần Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thanh Thủy

LỜI BAN BIÊN TẬP

Thực hiện Kế hoạch số 100-KH/TU ngày 30/8/2021 và Kết luận số 299-KL/TU ngày 14/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; các đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhằm tuyên truyền sâu rộng nội dung cốt lõi các nghị quyết, chỉ thị, đề án của tỉnh trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên tập, phát hành Tài liệu ***“Nội dung cốt lõi các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, đề án của tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII”***.

Tài liệu gồm 02 tập, trình bày tóm tắt dưới dạng infographic và những nội dung cốt lõi các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, đề án.

Xin trân trọng giới thiệu Tài liệu với các đồng chí.

BAN BIÊN TẬP

**ĐỀ ÁN SỐ 02-ĐA/TU NGÀY 23/5/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức
hoạt động của Mặt trận Tổ quốc
và các tổ chức chính trị - xã hội**

**MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có sự đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; tham gia thực hiện các việc mới, việc khó, việc phát sinh của tỉnh

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương

Thực hiện giám sát và phản biện xã hội, góp phần giải quyết các vụ việc phức tạp ở cơ sở

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

HẠN CHẾ

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nội dung còn hạn chế, chậm được đổi mới



Công tác xây dựng và phát triển tổ chức của các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều hạn chế



Tỷ lệ và chất lượng việc tập hợp đoàn viên, hội viên chưa đáp ứng được yêu cầu.



Việc theo dõi, bám nắm tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc của Nhân dân có lúc chưa kịp thời.



Thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở còn lúng túng

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN

Nhận thức của một số cấp ủy đảng về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đầy đủ

Công tác tuyên truyền, vận động, bám sát chức năng, nhiệm vụ của tổ chức có việc, có lúc còn hình thức, dàn trải, hiệu quả thấp

Nội dung sinh hoạt của đoàn, hội nhiều nơi chưa thực sự thu hút với đoàn viên, hội viên

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân và sinh hoạt còn hạn chế

Năng lực, trình độ một số cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

CHỈ TIÊU HÀNG NĂM

Có trên **90%** cán bộ, đoàn viên, hội viên được học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Người đứng đầu và cán bộ chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện **01** việc làm mới, đột phá có hiệu quả

Mỗi cơ sở đoàn, hội xã, phường, thị trấn: Giúp đỡ ít nhất **01** hộ thoát nghèo; xây dựng ít nhất **01** mô hình về phát triển kinh tế

Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang trong tỉnh tham gia các hoạt động ở thôn, bản ít nhất **01** ngày/tháng

PHẦN ĐẦU ĐẾN NĂM 2025

Duy trì tỷ lệ tập hợp, thu hút quần chúng tham gia vào tổ chức chính trị - xã hội bình quân đạt trên **80%** (riêng Đoàn thanh niên đạt trên **75%**)

Có trên **70%** Trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng các chi hội là đảng viên (riêng bí thư chi đoàn trên **50%**)

Trên **80%** chi đoàn, chi hội, Ban công tác Mặt trận ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong quản lý đoàn viên, hội viên trong sinh hoạt và tổ chức các hoạt động

100% chi đoàn, chi hội xây dựng được quỹ hội để phục vụ hoạt động



ĐỀ ÁN SỐ 02-ĐA/TU NGÀY 23/5/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức
hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức
chính trị - xã hội

I- ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC,
BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

1. Ưu điểm

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Bình đẳng giới, Pháp lệnh Cựu chiến binh và các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quy định... của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của đoàn viên, hội viên. Cấp ủy các cấp đã tăng

cường kiểm tra, giám sát các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trách nhiệm đối với công việc và thái độ phục vụ Nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đã có những đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, cụ thể như: Tham gia thực hiện các việc mới, việc khó, việc phát sinh của tỉnh; chủ động, tích cực đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên gắn với mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; tọa đàm, phát động các cuộc thi tìm hiểu nhân các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước,... Qua đó giáo dục đạo đức, truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức cách mạng, vượt khó vươn lên trong cuộc sống.

Các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động đã

từng bước đáp ứng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, đồng thời gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ của tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ động tham mưu cho cấp uỷ đảng, chính quyền các chủ trương, nghị quyết về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện giám sát và phản biện xã hội. Tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị; tham gia xây dựng các văn bản có liên quan đến quần chúng Nhân dân. Tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và trong việc giải quyết các vụ việc phức tạp ở cơ sở.

Hệ thống tổ chức, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh được củng cố, kiện toàn, bổ sung. Đội ngũ cán bộ đa số có năng

lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, năng động trong công tác. Chất lượng tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp được nâng lên. Bước đầu đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc triển khai các nhiệm vụ và tập hợp đoàn viên, hội viên.

2. Hạn chế

Vai trò lãnh đạo của một số cấp ủy đảng ở cơ sở trong việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế; chưa chú trọng công tác lãnh đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, giao nhiệm vụ cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và phân công cán bộ, cấp ủy viên phụ trách. Sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên của Mặt trận Tổ quốc và giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền các cấp có lúc, có việc chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp. Vai trò là trung tâm, phối hợp hành động của Mặt trận Tổ quốc với các đoàn thể và các tổ chức thành viên có lúc, có việc chưa được rõ nét. Một số tổ chức thành viên

của Mặt trận Tổ quốc hoạt động còn hạn chế, chưa phát huy hết được vai trò, vị trí của mình trong các hoạt động xã hội để tập hợp đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nội dung còn hạn chế, chậm được đổi mới; chưa thu hút được đông đảo đoàn viên, hội viên tham gia. Việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành nhiệm vụ của đoàn, hội có việc còn hạn chế. Công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu.

Công tác xây dựng và phát triển tổ chức của các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ và chất lượng việc tập hợp đoàn viên, hội viên chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc quản lý đoàn viên, hội viên có nơi chưa chặt chẽ. Việc theo dõi, bám nắm tâm tư, nguyện vọng và những bức xúc của Nhân dân có lúc chưa kịp thời; chưa phát

huy được vai trò đại diện, bảo vệ, chăm lo quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho đoàn viên, hội viên.

3. Nguyên nhân của hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Cơ sở vật chất cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa; kinh phí chi thường xuyên còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động. Một số chế độ, chính sách, điều kiện, kinh phí có thay đổi đã tác động đến hoạt động một số hội, đoàn thể tại thôn, bản.

Do nhu cầu việc làm, thu nhập, nhiều lao động trong độ tuổi tham gia các tổ chức hội đi lao động tại các đô thị, khu công nghiệp đã ảnh hưởng đến việc thu hút tập hợp và tham gia các phong trào, tổ chức sinh hoạt của đoàn viên, hội viên.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của một số cấp ủy đảng về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đầy đủ. Chưa có cơ chế kiểm soát, đánh giá hiệu

quả việc thực hiện các chương trình phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền các cấp. Công tác phối hợp trong giám sát giải quyết ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân chưa chặt chẽ.

Công tác tuyên truyền, vận động, bám sát chức năng, nhiệm vụ của tổ chức có việc, có lúc còn hoạt động hình thức, dàn trải, hiệu quả thấp; nội dung sinh hoạt của đoàn, hội nhiều nơi chưa thực sự thu hút với đoàn viên, hội viên. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân và sinh hoạt còn hạn chế. Việc đánh giá, rút kinh nghiệm, nhân rộng một số mô hình hay, cách làm tốt chưa kịp thời. Năng lực, trình độ một số cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn hạn chế, đặc biệt là khả năng tham mưu cụ thể hóa các chủ trương, chính sách vào thực tiễn. Cơ chế, chính sách để thu hút người có đức, có tài, có phẩm chất và năng lực, có uy tín để làm công tác vận động quần chúng còn thiếu hấp dẫn.

II- MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đổi mới hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh vững mạnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; mở rộng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

Hàng năm: Có trên 90% cán bộ, đoàn viên, hội viên được học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người đứng đầu và cán bộ chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đăng ký với

cấp ủy hoặc cấp ủy giao ít nhất 01 việc làm mới, đột phá và thực hiện có hiệu quả. Mỗi cơ sở đoàn, hội xã, phường, thị trấn: Giúp đỡ ít nhất 01 hộ thoát nghèo; xây dựng ít nhất 01 mô hình về phát triển kinh tế. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tham gia các hoạt động ở thôn, bản ít nhất 01 ngày/tháng.

Phấn đấu đến năm 2025: Duy trì tỷ lệ tập hợp, thu hút quần chúng tham gia vào tổ chức chính trị - xã hội bình quân đạt trên 80% (*riêng Đoàn thanh niên đạt trên 75%*). Có trên 70% trưởng Ban công tác Mặt trận, trưởng các chi hội là đảng viên (*riêng Bí thư chi đoàn trên 50%*). Trên 80% chi đoàn, chi hội, ban công tác Mặt trận ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong quản lý đoàn viên, hội viên trong sinh hoạt và tổ chức các hoạt động. 100% chi đoàn, chi hội xây dựng được quỹ hội để phục vụ hoạt động của chi đoàn, chi hội.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

(1) Cấp uỷ các cấp ban hành văn bản chuyên đề lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp uỷ, tổ chức đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện tốt Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(2) Hằng năm, thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ, công việc cụ thể cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu và cán bộ chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện những nội dung, phần việc trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(3) Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất, Thường trực cấp ủy làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để tiếp thu ý kiến góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đồng thời nghe báo cáo kết quả hoạt động, phản ánh tình hình Nhân dân, dư luận xã hội, từ đó lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất chính đáng của Nhân dân và những vướng mắc, phát sinh ở cơ sở.

(4) Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Đề án số 16-ĐA/TU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ*; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Chi bộ phân công các đồng chí trong chi ủy dự sinh hoạt định kỳ với ban công tác Mặt trận và các chi hội, đoàn thể. Sinh hoạt hằng tháng của chi bộ, chi ủy mời trưởng thôn, trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng các chi hội, đoàn thể (*không phải là đảng viên*) dự nội dung mở rộng (*trừ các nội dung nội bộ của Đảng*).

(5) Thực hiện nghiêm Quy chế số 11-QC/TU ngày 26/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *người đứng*

đầu cấp ủy tỉnh tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; tăng cường đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giải quyết những vấn đề liên quan đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Chỉ đạo nâng cao vai trò, chất lượng giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đặc biệt là giám sát việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; giám sát việc thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của đảng viên đang công tác ở nơi cư trú gắn với việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

(6) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác mặt trận, đoàn thể.

(7) Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch, tạo nguồn, giới thiệu quần chúng ưu tú để bồi dưỡng phát triển Đảng; quan tâm phát triển Đảng đối với trường ban công tác Mặt trận, bí thư chi đoàn, chi hội tại thôn, bản, tổ nhân dân. Xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong vùng đồng bào có đạo, vùng dân tộc thiểu số và trong các doanh nghiệp. Phân công đảng viên có trình độ, năng lực tham gia cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

(1) Tổ chức ký kết và thực hiện tốt Quy chế phối hợp hoạt động giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2026; Chương trình phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh giai đoạn 2021 - 2026. Hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, xác định nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu cụ

thể cần phối hợp trong thời gian tiếp theo; giải quyết những vướng mắc, kiến nghị theo thẩm quyền và đề xuất với cấp ủy giải quyết những kiến nghị chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

(2) Phối hợp thực hiện một số chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của từng tổ chức chính trị - xã hội để tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên.

(3) Phối hợp để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện chức năng giám sát hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, giám sát việc giải quyết những kiến nghị của cử tri, Nhân dân; phản biện dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, dự án quan trọng của địa phương, đơn vị liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

(4) Phối hợp chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị

- xã hội; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung đảm bảo yêu cầu thực tiễn.

(5) Tiếp tục bố trí các nguồn vốn hỗ trợ cho các quỹ: Quỹ hỗ trợ nông dân do Hội Nông dân tỉnh quản lý; Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh quản lý; Nguồn vốn hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp do Tỉnh đoàn Thanh niên quản lý để hỗ trợ đoàn viên, hội viên vay vốn khởi nghiệp, phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước

(1) Mặt trận Tổ quốc chủ trì, phối hợp với Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan xây dựng Đề án xóa nhà tạm dột nát trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Ký kết chương trình phối hợp với các ngành liên quan để thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua gắn với các phong trào thi đua do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

(2) Thống nhất nội dung, hình thức thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua; mỗi năm lựa chọn ít nhất một nội dung cụ thể, thiết thực, phù hợp với từng đoàn thể, từng cấp để phát động thi đua và thực hiện. Tăng cường ký kết phối hợp theo chuyên đề gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị; nội dung ký kết các chương trình phối hợp cần có trọng tâm, trọng điểm, cụ thể để đánh giá, phân công rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, khắc phục tình trạng chồng chéo, hình thức.

(3) Trong quá trình thực hiện, quan tâm tổ chức thí điểm, xác định nội dung thi đua trọng tâm, trọng điểm và chỉ tiêu cụ thể, có phân công lãnh đạo, chỉ đạo, có kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện, từ đó triển khai nhân rộng.

(4) Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến cách làm hay, sáng tạo; làm tốt công tác tuyên truyền và kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động, mô hình “Dân

vận khéo“ trên tất cả các lĩnh vực để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng, đời sống xã hội.

(5) Hằng năm, vào dịp tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư, Mặt trận Tổ quốc chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tiến hành bình xét, lựa chọn, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua, trong thực hiện quy ước, hương ước, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân nơi cư trú và trong tham gia các hoạt động ở khu dân cư.

4. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục; đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên và Nhân dân; đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt

4.1. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục đảm bảo thiết thực, hiệu quả

(1) Tập trung quán triệt những nội dung cơ bản của văn kiện và những nội dung có liên quan trực tiếp tới trách nhiệm, quyền và lợi ích của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu trực tuyến trên mạng Internet, thi tìm hiểu bằng hình thức

trắc nghiệm; biên soạn tài liệu phù hợp dưới dạng hỏi, đáp; tổ chức tọa đàm, giao lưu có khách mời là những người có chuyên môn, am hiểu và uy tín trên các lĩnh vực mà đoàn viên, hội viên quan tâm.

(2) Thành lập câu lạc bộ, nhóm nghề sở thích, đội văn nghệ,... để thông qua đó kết hợp tuyên truyền nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tới đoàn viên, hội viên,...

(3) Ký kết chương trình phối hợp để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về hoạt động của đoàn, hội. Tăng cường đưa tin trực tuyến trên mạng xã hội phù hợp xu hướng mới như: Zalo, facebook, fanpage,...; tuyên truyền qua hệ thống bản tin và website của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

4.2. Đa dạng hoá các hình thức tập hợp đoàn viên và hội viên

(1) Đa dạng hoá các hình thức tập hợp Nhân dân

phù hợp với lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân, như: Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế; các tổ, nhóm tiết kiệm vay vốn; câu lạc bộ theo sở thích về văn hóa, văn nghệ, thể thao; mô hình tự quản để thu hút đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia.

(2) Chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ, tạo điều kiện cho đoàn viên, hội viên khởi nghiệp. Chi đoàn, chi hội căn cứ điều kiện từng địa phương, tổ chức xây dựng quỹ hội để phục vụ hoạt động của chi đoàn, chi hội.

(3) Phát huy vai trò chủ trì hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc trong các hoạt động với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên. Trong từng thời điểm, xác định những công việc chung cần phối hợp thực hiện, phân công nhiệm vụ của từng đoàn thể. Định kỳ tổ chức giao ban, đánh giá và xác định nhiệm vụ tiếp theo.

(4) Người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tiếp xúc, gặp

gỡ, trao đổi với đoàn viên, hội viên và Nhân dân; đề xuất cấp ủy, chính quyền phối hợp giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt trong việc phát huy dân chủ, thực hiện giám sát, phản biện xã hội, lấy ý kiến Nhân dân.

(5) Vận động đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã về thôn, bản ít nhất 01 ngày/tháng theo phương châm “3 cùng” (*cùng ăn, cùng ở, cùng làm*) với Nhân dân.

4.3. Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt

(1) Thường xuyên hướng dẫn, đổi mới nội dung sinh hoạt chi đoàn, chi hội để tổ chức sinh hoạt thiết thực, đáp ứng nhu cầu, lợi ích và gắn với trách nhiệm của đoàn viên, hội viên:

- Ở khu vực nông thôn, đô thị: Nội dung sinh hoạt tập trung vào tuyên truyền chủ trương của Đảng,

chính sách của Nhà nước về lao động, việc làm, hướng nghiệp, dạy nghề, tạo thu nhập. Định hướng cho đoàn viên, hội viên tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khôi phục các ngành nghề truyền thống, phát triển các mặt hàng đặc sản có lợi thế của địa phương, liên kết hợp tác sản xuất và kết nối tiêu thụ sản phẩm; thực hiện Chương trình giảm nghèo; vệ sinh môi trường; thực hiện nếp sống văn hoá trong việc cưới, việc tang, lễ hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang: Chủ động phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; tích cực tham gia cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên; đánh giá kết quả vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị;

trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Khu vực doanh nghiệp: Hướng các hoạt động vào việc phối hợp với chủ doanh nghiệp tổ chức các phong trào thi đua lao động sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; nắm bắt tình hình, tư tưởng của người lao động; phát huy vai trò chủ động, tích cực của Công đoàn cơ sở trong tổ chức thương lượng, ký kết, giám sát thực hiện Thỏa ước lao động tập thể. Tổ chức các cuộc tiếp xúc, đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động nhằm giải quyết những kiến nghị, đề xuất chính đáng, những mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ lao động, góp phần hạn chế đình công, ngưng việc tập thể và xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

(2) Đổi mới hình thức sinh hoạt, chỉ đạo, điều hành bằng việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin:

- Thí điểm và từng bước nhân rộng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tổ chức sinh hoạt chi đoàn, chi hội và tổ chức các hoạt động.

- Đổi mới hình thức sinh hoạt đối với đoàn viên, hội viên đi làm ăn xa (không có nơi sinh hoạt): Tùy vào điều kiện từng nơi có thể thực hiện việc trao đổi thông tin hoặc gửi nội dung sinh hoạt, báo cáo hằng tháng bằng thư điện tử để đoàn viên, hội viên đóng góp ý kiến.

- Đối với đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp, công ty, đơn vị sản xuất làm việc theo ca, kíp thực hiện việc sinh hoạt bằng hình thức lập nhóm trên mạng, chia sẻ thông tin, nội dung sinh hoạt trên mạng, từ đó đoàn viên, hội viên nắm được thông tin, có thể đóng góp ý kiến qua tin nhắn, bình luận, chia sẻ quan điểm trong nhóm.

(3) Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tập

trung vào các nội dung thiết thực như: Các giải pháp về giải quyết việc làm; về vay vốn phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và đời sống; các giải pháp về tiêu thụ sản phẩm nông sản; cải cách hành chính; khởi nghiệp; tham quan, học tập mô hình.

(4) Xây dựng và triển khai thực hiện quy định về việc cán bộ cấp trên định kỳ dự sinh hoạt cùng với ban công tác Mặt trận, chi đoàn, chi hội thôn, bản, tổ dân phố, gắn với nắm tình hình đoàn viên, hội viên, Nhân dân và thực hiện có hiệu quả; chủ động tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và giải quyết những vấn đề phát sinh ở cơ sở.

(5) Định kỳ tổ chức gặp mặt cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên ở cơ sở để nắm tình hình, định hướng tư tưởng; tổ chức tuyên dương đội ngũ trưởng ban công tác Mặt trận, cán bộ chi đoàn, chi hội tại thôn, bản, tổ dân phố, già làng, trưởng bản, người có uy tín ở khu dân cư có nhiều thành tích.

5. củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển tổ chức

(1) Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí những cán bộ có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, năng khiếu phong trào làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

(2) Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) và Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện*.

(3) Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước của tỉnh. Định kỳ tiến hành rà soát, phân loại doanh nghiệp có đủ điều kiện để hướng dẫn, giúp đỡ doanh nghiệp thành lập tổ chức đoàn thể theo

Luật định, tiến tới thành lập các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước.

(4) Quan tâm công tác phát triển đoàn viên, hội viên khu vực nông thôn, đô thị, trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước. Tích cực xây dựng, củng cố Ban công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể ở khu dân cư vững mạnh, quan tâm đến khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước. Tiếp tục rà soát, hướng dẫn chỉ đạo sáp nhập các tổ chức đoàn, hội có quy mô nhỏ, khó hoạt động, thành lập tổ chức đoàn thể liên cơ quan, đơn vị, liên thôn, xóm, tổ dân phố để tăng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các chi đoàn, chi hội.

(5) Coi trọng việc kết hợp, phát huy đội ngũ cán bộ chuyên trách và người hoạt động không chuyên trách tham gia công tác Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của mô hình tự quản ở khu dân cư. Hình thành các nhóm cốt cán uy tín của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở cơ sở làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân.

(6) Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; quan tâm bồi dưỡng các kỹ năng cho cán bộ đoàn, hội như: Kỹ năng tổ chức các hoạt động, kỹ năng tập hợp quần chúng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm..., để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

6. Tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền

(1) Nâng cao hiệu quả trong thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, nhất là giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước; việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để xảy ra “điểm nóng” ở địa phương, cơ sở. Quan tâm hướng dẫn nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện của cấp cơ sở theo hướng Mặt trận Tổ quốc chủ trì phối hợp tổ chức các cuộc giám sát, phản biện, tập trung vào các nội dung như: Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; các khoản đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi cộng đồng; chính

sách với người có công; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; giải phóng mặt bằng.

(2) Tăng cường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết những việc mới, việc khó ngay tại cơ sở. Vận động và tổ chức để Nhân dân thực hiện dân chủ thông qua các cơ quan, tổ chức đại diện và thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở.

(3) Nâng cao chất lượng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để thông báo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tăng cường theo dõi, giám sát và đôn đốc việc các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết và thông báo đến cử tri và Nhân dân.

(4) Tiếp tục tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị. Tham gia ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước các cấp.

(5) Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt

động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, tăng cường công tác phối hợp trong công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Phối hợp, xây dựng và củng cố lực lượng hòa giải ở cơ sở góp phần giảm thiểu các mâu thuẫn, tranh chấp tại địa bàn khu dân cư, từ đó giảm khiếu kiện đông người, đơn thư vượt cấp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lộ trình thực hiện

1.1. Công tác triển khai

- Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai Đề án; thời gian hoàn thành trong tháng **6/2021**, gắn với tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến toàn thể các đồng chí huyện ủy viên, bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở; cán bộ, công chức được phân công phụ trách, theo dõi các chi đảng bộ cơ sở.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến toàn thể các đồng chí Ủy viên ban chấp hành đoàn thể, thành viên Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện, cấp trưởng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Thời gian hoàn thành trong tháng **6/2021**.

Các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ cấp huyện tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến toàn thể các đồng chí ủy viên ban chấp hành, bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội, thành viên Mặt trận Tổ quốc cấp xã. Thời gian hoàn thành trong tháng **7/2021**.

Các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở tổ chức quán triệt, triển khai Đề án đến toàn thể đảng viên chi bộ, trưởng ban công tác Mặt trận, chi hội trưởng các chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố. Thời gian xong hoàn thành trong tháng **7/2021**.

1.2. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm

- Định kỳ 6 tháng và 01 năm, cấp ủy các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

- Tổ chức hội nghị cấp tỉnh sơ kết đánh giá kết quả triển khai Đề án: Thời gian thực hiện **quý II/2023**.

- Tổ chức hội nghị cấp tỉnh tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án: Thời gian thực hiện **quý IV/2025**.

2. Kinh phí thực hiện

2.1. Căn cứ nội dung của Đề án và lộ trình triển khai thực hiện Đề án, các cơ quan, tổ chức theo nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí chi tiết trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định về sử dụng ngân sách của Đảng.

2.2. Về sử dụng nguồn kinh phí

2.2.1. Ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán từng năm

- Công tác tuyên truyền, quán triệt, kiểm tra thực hiện và sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

- Biên soạn tài liệu; tập huấn nghiệp vụ; tham quan, học tập kinh nghiệm cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

- Tổ chức Hội thi “Cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội giỏi”.

2.2.2. Các nguồn kinh phí khác theo đặc thù từng tổ chức.

3. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức

3.1. Ban Dân vận Tỉnh ủy: Tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện Đề án; hằng năm lập dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện Đề án; phối hợp tham mưu thẩm định tài liệu bồi dưỡng do Trường Chính trị tỉnh soạn thảo; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3.2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

Trường Chính trị tỉnh, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ và nhiệm vụ được giao theo Đề án đảm bảo tiến độ, chất lượng.

**ĐỀ ÁN SỐ 03-ĐA/TU NGÀY 12/6/2021
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu
của tổ chức cơ sở đảng, củng cố hệ thống chính trị
ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ
cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ
trong tình hình mới**

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Đa số các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở đoàn kết, thống nhất, xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cấp ủy viên cấp cơ sở được nâng lên

Chính quyền cấp cơ sở cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở được củng cố, có sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động

Đa số cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn phẩm chất đạo đức, tâm huyết với công việc

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

HẠN CHẾ

Việc thực hiện quy chế, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có nơi chưa nghiêm

Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả chưa cao

Chất lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số cơ quan, đơn vị có mặt chưa đáp ứng yêu cầu

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, quản lý điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế

NGUYÊN NHÂN

1

Một số cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng

2

Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng chưa nghiêm túc, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới

3

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên về sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ở một số nơi chưa được coi trọng

4

Một số cấp ủy cơ sở, chi bộ chưa thực hiện nghiêm quy chế làm việc và nguyên tắc tập trung dân chủ

5

Trình độ, năng lực của một số đồng chí trong cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa thực sự năng động, sáng tạo, quyết liệt trong công việc

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

QUAN ĐIỂM

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt cả trước mắt và lâu dài trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: **"Chuyên nghiệp, kỷ cương, liêm chính, sáng tạo, hiệu quả, phục vụ Nhân dân"**

MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ

Hoàn thành các mục tiêu của Đề án số 16-ĐA/TU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2020 - 2025

Hằng năm, có **90%** tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị; **85%** đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên; xếp loại Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

Phấn đấu đến năm 2025, đạt **100%** bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận

Đến năm 2025, có trên **80%** trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên; trên **70%** trưởng các chi đoàn, chi hội là đảng viên (riêng bí thư chi đoàn trên **50%**)

Thực hiện chủ trương khuyến khích việc bố trí bí thư cấp ủy cấp xã và chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không là người địa phương

Tiếp tục thực hiện mô hình bí thư cấp ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân. Bí thư cấp ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (trừ chức danh chủ tịch hội cựu chiến binh), trong đó có trình độ cao đẳng, đại học từ 90% trở lên; có 97% đảng viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên

Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (có trình độ trên đại học 30%) và trên 93% viên chức đạt chuẩn về trình độ (30% đạt trên chuẩn)

Duy trì tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số bảo đảm khóa sau bằng hoặc cao hơn khóa trước

NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng: Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng

Củng cố hệ thống chính trị cơ sở: Đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức

**ĐỀ ÁN SỐ 03-ĐA/TU NGÀY 12/6/2021
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XVII)
về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu
của tổ chức cơ sở đảng, củng cố hệ thống
chính trị ở cơ sở và nâng cao chất lượng
đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu
nhiệm vụ trong tình hình mới**

**I- THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG,
HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ VÀ ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

1. Thực trạng

1.1. Về tổ chức cơ sở đảng

Tính đến 31/12/2020, Đảng bộ tỉnh có 10 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (trong đó 07 đảng bộ huyện, thành phố, 03 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy); 138 xã, phường, thị trấn; 1.733 thôn, tổ dân phố, trong đó có 63 xã, 123 thôn đặc biệt khó khăn; có 448 tổ chức cơ sở đảng, trong đó: Đảng bộ cơ sở là 250 (124 xã, 10 phường, 04 thị trấn, 112 loại hình khác), chi bộ cơ sở là 198 và 3.071 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

1.2. Các tổ chức khác trong hệ thống chính trị cơ sở

Toàn tỉnh hiện có 138 xã, phường, thị trấn (trong đó: 124 xã, 10 phường, 04 thị trấn).

1.2.1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã

Tính đến 31/12/2020, có 3.501 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, giảm 189 người so với đầu nhiệm kỳ 2016-2021 (3.690 đại biểu), trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng nhân dân cấp xã bầu nhiệm 15 đại biểu; miễn nhiệm 116 đại biểu; bầu bổ sung 44 Chủ tịch, 60 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của người đại biểu nhân dân ở cấp cơ sở. Về trình độ chuyên môn của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Trên đại học 17/3.501 đại biểu, chiếm 0,48%; Đại học 911/3.501 đại biểu, chiếm 26,02%; Cao đẳng: 194/3.501 đại biểu, chiếm 5,5%; Trung cấp 910/3501 đại biểu, chiếm 26%; chưa qua đào tạo 1.496/3.501 đại biểu, chiếm 42%.

1.2.2. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở

Thời điểm tháng 12/2020, Mặt trận Tổ quốc có 138 cơ sở; Công đoàn có 961 cơ sở; Hội Nông dân có 138 cơ sở; Đoàn Thanh niên có 347 cơ sở; Hội Liên hiệp phụ nữ có 162 cơ sở; Hội Cựu chiến binh có 188 cơ sở. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có đổi mới và chất lượng có mặt được nâng lên.

1.3. Về đội ngũ đảng viên

1.3.1. Về đảng viên

- Đến tháng 12/2020, tổng số đảng viên toàn tỉnh là 56.760 đồng chí (tăng 4.217 đảng viên so với năm 2016) chiếm 6,68% so với tỷ lệ dân số; trong đó: Đảng viên dự bị chiếm 2,28%; đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 44,56%; đảng viên là phụ nữ chiếm 38,96%; đảng viên là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chiếm 13,82%; đảng viên là người có đạo chiếm 1,01%; đảng viên được miễn công tác, sinh hoạt chiếm 10,50%; tuổi đời bình quân 45,94 tuổi.

- Tổng số đảng viên ở các chi bộ thôn, tổ dân phố là 37.781/56.760 chiếm 66,56%, trong đó: Đảng viên dự bị chiếm 1,6%; dân tộc thiểu số chiếm 49,26%; phụ nữ chiếm 32,29%; đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chiếm 11,94%; đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nghỉ hưu chiếm 28,34%; đảng viên được miễn công tác, sinh hoạt chiếm 15,64%.

1.3.2. Về đội ngũ cấp ủy cấp cơ sở

Cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025 (thời điểm 31/12/2020): Toàn tỉnh có 3.531 đồng chí cấp ủy viên, trong đó nữ 984 đồng chí, chiếm 27,87% (*tăng 4,24% so với khóa trước*), dân tộc thiểu số 1.432 đồng chí, chiếm 40,56%, tuổi trẻ dưới 40 tuổi 1.374 đồng chí, chiếm 38,91%. Số cấp ủy viên có trình độ trung cấp chuyên môn 299 đồng chí (*chiếm 8,47%*); cao đẳng, đại học và trên đại học 3.060 đồng chí (*chiếm 86,66% tăng 13,46% so với khóa trước*). Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp và cử nhân 735 đồng chí (*chiếm 20,80% tăng 18,55% so với khóa trước*); trung cấp 2.384 đồng chí (*chiếm 67,52% giảm 3,6% so với khóa trước*).

1.4. Về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1.4.1. Về cán bộ, công chức cấp xã

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quy định là: 2.821 người. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã tính đến thời điểm 31/12/2020 có 2.708 người, trong đó: Cán bộ 1.371 người, công chức 1.337 người.

- Tính đến thời điểm 31/12/2020 có 10 cán bộ cấp xã chưa đạt chuẩn (là chủ tịch cựu chiến binh); 39 công chức cấp xã bố trí chưa phù hợp với chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Ủy ban nhân tỉnh.

- Số cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật từ năm 2016 đến năm 2020: 91 trường hợp (46 cán bộ, 45 công chức) với các hình thức kỷ luật: Khiển trách 50, cảnh cáo 32; giáng chức 01; cách chức 05; bãi nhiệm 02, buộc thôi việc 01.

1.4.2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Tổng số hiện có 1.060 người cho 13 vị trí không

chuyên trách cấp xã; trong đó nữ là 339 người, chiếm 31,98%, đảng viên 925 người, chiếm 87,26%. Có trình độ trung học phổ thông là 970 người, chiếm 91,51%; đại học trở lên là 402 người, chiếm 37,92%, chưa qua đào tạo chuyên môn là 159 người, chiếm 15,00%; có trình độ từ trung cấp lý luận chính trị trở lên 380 người, chiếm 35,85%.

1.4.3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Tổng số hiện có 4.254 người/1.733 thôn, tổ dân phố với 3 chức danh là bí thư chi bộ, trưởng thôn (tổ dân phố), trưởng ban công tác mặt trận thôn (tổ dân phố); trung bình là 2,45 người/ thôn (tổ dân phố).

1.4.4. Về cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh: Tổng số biên chế được giao là: 18.024 biên chế, trong đó:

- Biên chế cán bộ, công chức: 2.441 biên chế (khối Đảng: 441 biên chế; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 280 biên chế; khối chính quyền: 1.720 biên chế).

- Biên chế viên chức (số lượng người làm việc): 15.583 (khối Đảng: 121 người; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: 40 người; khối chính quyền: 15.422 người (trong đó: Sự nghiệp giáo dục 12.249 người, sự nghiệp y tế 2.112 người, sự nghiệp khác 1.061 người).

- Số cán bộ, công chức, viên chức có mặt (thời điểm 31/12/2020): 16.469 người, trong đó: Cán bộ, công chức 2.160 người (Khối Đảng: 394 người, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội 250 người, khối chính quyền 1.516 người). Viên chức: 14.309 người (Khối Đảng 97 người, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội 32 người, khối Chính quyền 14.180 người (Trong đó: Sự nghiệp giáo dục 11.530 người; sự nghiệp y tế 1.732 người; sự nghiệp khác 918 người).

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

- Cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm, chú trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu

của tổ chức cơ sở đảng; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, vì vậy chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng lên, vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện toàn diện và rõ hơn, việc cụ thể hóa, ban hành nghị quyết, kế hoạch công tác đảm bảo sát thực tiễn, trúng, đúng hơn; tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; đại đa số các cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở đoàn kết, thống nhất, xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng.

- Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, công tác cán bộ, cụ thể hóa đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp thiết thực cụ thể trong việc xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng

đội ngũ cán bộ, đảng viên; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên.

- Đội ngũ cấp ủy viên cấp cơ sở được nâng lên về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt kỷ luật của Đảng, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, trong các phong trào thi đua yêu nước, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới.

- Chính quyền cấp cơ sở (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã) thường xuyên được kiện toàn, cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tiếp tục được đổi mới, chất lượng từng bước được nâng lên; chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở luôn được củng cố, có sự đổi mới nội dung,

phương thức hoạt động, chủ động, tích cực, đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân. Các phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động đã gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; luôn chú trọng thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ, nhất là đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bố trí, sử dụng cán bộ. Đại đa số cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn được phẩm chất đạo đức cách mạng, tâm huyết với công việc.

2.2. Hạn chế, khuyết điểm

- Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy còn chậm đổi mới; tính chủ động, sáng tạo còn hạn chế,

việc thực hiện quy chế, chấp hành các nguyên tắc, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình có nơi chưa nghiêm; có cấp ủy chưa thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; việc nắm bắt dư luận xã hội, giải quyết các vấn đề nảy sinh ở cơ sở có việc chưa kịp thời, chưa dứt điểm; việc đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ chuyển biến chậm; còn một số tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ và có tổ chức đảng và đảng viên phải xử lý kỷ luật...

- Công tác đánh giá chất lượng, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên hằng năm có mặt còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát của một số chi, đảng bộ cơ sở chất lượng, hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số cơ quan, đơn vị có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, chưa ngang tầm với nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Vai trò lãnh đạo của một số cấp ủy đảng ở cơ sở đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã

hội còn hạn chế; việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm. Thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở còn hạn chế. Công tác xây dựng và phát triển tổ chức của các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều khó khăn nhất là trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, vùng nông thôn.

- Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của một số cơ quan, đơn vị còn khó khăn nhất là cấp xã; thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức còn bất cập; chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố còn hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, quản lý điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ và liên thông giữa các cơ quan của Đảng, đoàn thể và cơ quan khối Nhà nước.

2.3. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

2.3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu

chưa nhận thức và hành động đúng, đầy đủ nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng; về vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ cơ sở, của chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở. Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng chưa nghiêm túc, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên về sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ở một số nơi chưa được coi trọng, chưa thực sự quan tâm công tác tổ chức xây dựng Đảng; chưa đề ra được giải pháp khắc phục những yếu kém trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng, hệ thống chính trị cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Một số cấp ủy cơ sở, chi bộ chưa thực hiện nghiêm quy chế làm việc và nguyên tắc tập trung dân chủ; chưa lắng nghe ý kiến của đảng viên và quần chúng; năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên có nơi chưa sát, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa

phương, cơ quan, đơn vị. Trình độ, năng lực của một số đồng chí trong cấp uỷ, cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa thực sự năng động, sáng tạo, quyết liệt trong công việc.

- Một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, chưa làm hết trách nhiệm trước Đảng và Nhân dân. Việc xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên vi phạm có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, thiếu kiên quyết.

2.3.2. Nguyên nhân khách quan

Là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, quy mô kinh tế nhỏ; nguồn lực cho phát triển hạn hẹp, trình độ dân trí chưa đồng đều; một số chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, thiếu nhân lực trẻ ở thôn, bản do chuyển dịch lao động từ nông thôn về đô thị, các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động ra nước ngoài; các yếu tố đó đã tác động ảnh hưởng đến việc củng cố tổ chức đảng, hệ thống chính trị cơ sở và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng nhằm tạo được chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức cơ sở đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ, giải pháp không thể tách rời với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đây là những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt cả trước mắt và lâu dài trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, toàn diện,

quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị nhất là công tác xây dựng Đảng, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ, giúp đỡ của Nhân dân; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng để tiếp tục khẳng định và giữ vững vai trò lãnh đạo, vai trò hạt nhân chính trị của Đảng ở cơ sở; củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh hoạt động hiệu lực, hiệu quả đảm bảo lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở; các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp cơ sở được củng cố, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, tham gia tích cực việc giải quyết những phát sinh, khó khăn, vướng mắc ngay tại cơ sở.

Xây dựng hình ảnh đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang thực sự: ***“Chuyên nghiệp, kỷ cương, liêm chính, sáng tạo, hiệu quả, phục vụ Nhân dân”***; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất, đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh; có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt; có trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, khát vọng cống hiến; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển chung của tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng, có cơ cấu phù hợp, có sự kế thừa liên tục, vững vàng, lâu dài cho tỉnh, đủ sức lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Đề án số 16-ĐA/TU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2020-2025, đó là:

- + Hằng năm, 100% chi bộ thực hiện đúng quy định về sinh hoạt định kỳ (mỗi tháng 01 lần), sinh hoạt chuyên đề (ít nhất mỗi quý 01 lần).

- + Tỷ lệ đảng viên thực hiện sinh hoạt tại mỗi kỳ sinh hoạt chi bộ đạt từ 90% trở lên (trừ số được miễn sinh hoạt đảng).

- + 100% chi bộ thực hiện nghiêm túc, đánh giá sát thực chất lượng sinh hoạt chi bộ thường kỳ; đến năm 2023 có trên 80% chi bộ được đánh chất lượng sinh hoạt chi bộ Tốt; đến năm 2025 có trên 90% chi bộ được đánh chất lượng sinh hoạt chi bộ Tốt.

- + Hằng năm các chi bộ kết nạp được đảng viên mới (trừ chi bộ không còn nguồn để phát triển đảng viên mới); phần đầu không còn chi bộ có dưới 05 đảng viên (trừ đơn vị có số lượng người làm việc dưới 5 người).

- + Phần đầu 100% tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,

thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp làm bí thư cấp ủy. Đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc (giám đốc) đồng thời là bí thư cấp ủy.

- Thực hiện nghiêm túc, đánh giá, xếp loại sát thực chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Hằng năm, có 90% tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị; 85% đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Hằng năm, tỷ lệ xếp loại Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Mặt trận Tổ quốc đạt trên 90%; Hội Cựu chiến binh đạt trên 90%; Hội Nông dân đạt trên trên 90%; Hội Liên hiệp phụ nữ đạt trên 85%; Đoàn Thanh niên đạt trên 85%; Công đoàn đạt trên 90% khu vực Nhà nước và trên 60% khu vực ngoài Nhà nước.

- Phân đấu đến năm 2025, đạt 100% bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận; phân đấu trong năm 2021 hoàn thành mục tiêu trưởng thôn là đảng viên.

- Đến năm 2025 có trên 80% trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên; trên 70% Trưởng các chi đoàn, chi hội là đảng viên (riêng bí thư chi đoàn trên 50%).

- Thực hiện chủ trương khuyến khích việc bố trí bí thư cấp ủy cấp xã và chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không là người địa phương (nơi có điều kiện).

Tiếp tục thực hiện mô hình bí thư cấp ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân. Bí thư cấp ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có điều kiện).

- Phấn đấu hằng năm ít nhất: Kết nạp được 50 đảng viên; thành lập mới 01 tổ chức cơ sở đảng; 01 tổ chức Hội Cựu chiến binh cấp cơ sở; 03 tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp cơ sở; 05 tổ chức công đoàn cấp cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

- Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (trừ chức danh chủ tịch hội cựu chiến binh), trong đó có trình độ

cao đẳng, đại học từ 90% trở lên; có 97% đảng viên có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Đến năm 2025, 100% công chức được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức hiện giữ và tiêu chuẩn ngạch công chức của chức danh, vị trí được quy hoạch.

- Đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (có trình độ trên đại học 30%) và trên 93% viên chức đạt chuẩn về trình độ (30% đạt trên chuẩn).

- Đến năm 2025 rà soát xong và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Duy trì tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp bảo đảm khóa sau bằng hoặc cao hơn khóa trước.

III- CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

1.1. Chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; đổi mới nội dung, hình thức nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ

- Trong sinh hoạt đảng phải thực sự phát huy dân chủ, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật Đảng, thực hiện tốt các nguyên tắc, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; trong sinh hoạt đảng đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức đảng; người đứng đầu phải tạo không khí sinh hoạt cấp ủy, chi bộ thực sự dân chủ, để đảng viên được thể hiện chính kiến, dám nói thẳng, nói thật; các chủ trương, biện pháp lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ đều được dân chủ, bàn bạc, thảo luận kỹ lưỡng trước khi tập thể quyết định.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 16-ĐA/TU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2020 - 2025.

- Cấp ủy, tổ chức đảng phải chấp hành, duy trì có nền nếp chế độ sinh hoạt đảng, phải chuẩn bị kỹ nội dung sinh hoạt, xác định được những nội dung trọng tâm và những vấn đề phải tập trung giải quyết tại địa phương, đơn vị; nội dung sinh hoạt phải thiết thực, ngắn gọn, lựa chọn nội dung sinh hoạt chuyên đề phải phù hợp với tình hình, điều kiện của chi bộ. Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng thành một nội dung sinh hoạt thường xuyên của chi bộ.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên hằng năm; việc đánh giá phải sát, đúng thực chất, không làm lướt, làm tắt, không chạy theo thành tích; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự vững mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng

viên để đánh giá chất lượng tổ chức đảng; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống làm thước đo và tiêu chí đánh giá chất lượng đảng viên. Cấp ủy phải kiểm tra, thẩm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc, đồng thời tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm để nhân rộng.

- Cấp ủy cơ sở phải nắm chắc tình hình, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở cơ sở; quan tâm củng cố tổ chức đảng, nhất là những cơ sở đảng yếu kém; thực hiện việc phân công công tác cho đảng viên, bảo đảm đảng viên đều được phân công công tác phù hợp. Cấp ủy, bí thư cấp ủy phải làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ và chịu trách nhiệm về mọi mặt công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị nếu để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ hoặc mất ổn định chính trị thì cấp ủy, bí thư cấp ủy phải bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định.

1.2. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng gắn với việc sắp xếp tinh gọn bộ máy bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các lĩnh vực.

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, chủ doanh nghiệp và người lao động về yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

- Thường xuyên bồi dưỡng đề cập ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp phát huy được vai trò lãnh đạo, định hướng hoạt động để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đảng viên, đoàn viên, người

lao động và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đúng pháp luật; ở những nơi khó khăn, có thể cử cán bộ, đảng viên của đảng ủy cấp trên về sinh hoạt cùng với chi bộ tại doanh nghiệp, làm hạt nhân để xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên.

- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể về phát triển tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp; chú ý phát triển đảng viên trong công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý, người lao động giỏi, có uy tín trong doanh nghiệp. Chủ động tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng, kết nạp các chủ doanh nghiệp đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Đảng.

1.3. Nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên mới; thường xuyên rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng

Các cấp ủy đảng nhất là cấp cơ sở phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên, đặc

biệt chú trọng đến các thôn, tổ dân phố, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng người có đạo, vùng đặc biệt khó khăn, các doanh nghiệp ngoài Nhà nước, chi bộ có dưới 5 đảng viên, chi bộ nhiều năm không kết nạp được đảng viên. Trong đó cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cấp ủy, cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân về công tác phát triển đảng viên, đây là nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác xây dựng tổ chức đảng, nhằm củng cố, xây dựng các chi bộ đảng bảo đảm sự kế thừa và phát triển liên tục của Đảng.

- Xác định rõ công tác phát triển đảng viên là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của mỗi cấp ủy đảng, bí thư các chi, đảng bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, bí thư chi đảng bộ. Việc kết nạp đảng viên và công nhận đảng viên chính thức phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục theo quy định, không chạy theo số

lượng và xem nhẹ chất lượng. Chỉ xem xét kết nạp những quần chúng thực sự ưu tú, có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức trong sáng, được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn, có nhận thức và động cơ vào Đảng đúng đắn.

- Từng chi, đảng bộ căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên, đề ra các giải pháp cụ thể từ khâu phát hiện, lựa chọn giới thiệu nguồn; bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú; hướng dẫn lập hồ sơ, lý lịch của người xin vào Đảng, công tác thẩm tra, xác minh lý lịch và trình tự, thủ tục kết nạp đảng viên mới... đảm bảo nhanh, gọn và chặt chẽ phù hợp với thực tiễn.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước theo hướng thiết thực, cụ thể, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên góp phần xây dựng và củng cố tổ chức đoàn, hội ngày càng vững mạnh, qua đó góp phần tích cực, có hiệu quả vào việc phát

hiện, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú để bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng.

- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và phát triển đảng viên; coi trọng chất lượng kết nạp đảng viên mới; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, coi đây là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng, có tính thường xuyên để nâng cao chất lượng của tổ chức đảng và đảng viên. Phát huy tính tiên phong gương mẫu, chủ động, sáng tạo của đảng viên; có biện pháp cụ thể để phòng ngừa, giáo dục, giúp đỡ cũng như xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên sai phạm; giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của đảng viên và quần chúng; bảo vệ những cán bộ, đảng viên trung thực, thẳng thắn dám đấu tranh chống tiêu cực và

những cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, đổi mới vì sự phát triển và lợi ích của Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

1.4. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng

- Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của các chi bộ, đảng bộ cơ sở, trong quy chế phải phân công nhiệm vụ một cách cụ thể, rõ ràng, hợp lý, đảm bảo từng lĩnh vực, từng bộ phận đều có cấp ủy viên, đảng viên theo dõi phụ trách, quy định rõ trách nhiệm cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng việc cụ thể hóa và ban hành nghị quyết, khi xây dựng nghị quyết phải dựa trên cơ sở căn cứ khoa học và thực tiễn, nội dung cần ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát và có tính khả thi cao; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải cụ thể, phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương, đơn vị; phân công nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân gắn với cơ chế theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ đánh giá, sơ kết và đúc rút bài

học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Các cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc, sâu sát cơ sở, coi trọng chất lượng, hiệu quả công việc, tránh hình thức, lãng phí, bệnh thành tích.

1.5. Thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị

- Các tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng, trọng tâm là đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, nắm tình hình Nhân dân, nhất là việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận chính quyền; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, đứng đầu cấp ủy, chính quyền ở cơ sở phải tăng cường đối thoại, tiếp xúc, kịp thời giải quyết quyền,

lợi ích chính đáng của Nhân dân; xử lý kịp thời, dứt điểm vấn đề nảy sinh ngay tại cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đồng tình ủng hộ, tích cực, chủ động tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới và giữ vững an ninh, trật tự; thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách liên quan đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

1.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng

- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu phải quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng; nắm vững các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có

hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Hằng năm 100% cấp ủy cơ sở, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở thực hiện ít nhất 01 cuộc kiểm tra và 01 cuộc giám sát chuyên đề.

- Xây dựng, thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm có trọng tâm, trọng điểm, sát với nhiệm vụ chính trị tránh chồng chéo, trùng lặp. Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ nảy sinh sai phạm, tiêu cực như: Việc quản lý đất đai, tài nguyên, quản lý ngân sách, tài sản công; về trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý; trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong quản lý địa bàn, cơ quan, đơn vị, việc giải quyết đơn thư, thực hiện các việc đột phá, đổi mới do cấp ủy giao...; việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của cấp ủy.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện tốt công tác phòng ngừa, phát hiện sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ đầu, giải quyết sớm, không để vi phạm nhỏ, tích tụ thành vi phạm lớn. Xử lý nghiêm minh, kịp thời những tổ chức, cá nhân vi

phạm qua đó góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự trong sạch, vững mạnh.

2. củng cố hệ thống chính trị cơ sở

2.1. Thường xuyên xây dựng tổ chức cơ sở đảng thực sự trong sạch, vững mạnh

- Các tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu ở điểm 1, mục III, phần thứ ba của Đề án này.

2.2. Đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã

- Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo luật định, xem xét quyết định những vấn đề theo thẩm quyền; giám sát chặt chẽ theo quy định các hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã và những công việc thực hiện trên địa bàn,

nhất là các vấn đề mà nhiều cử tri quan tâm. Phát huy vai trò của Thường trực, các ban Hội đồng nhân dân cấp xã và trách nhiệm của người đại biểu dân cử.

- Nâng cao năng lực đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ngay từ đầu nhiệm kỳ cần tổ chức bồi dưỡng kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; thường xuyên có các chương trình bồi dưỡng, tập huấn cho đại biểu với cách làm linh hoạt, đa dạng, phù hợp với thực tế tình hình cơ sở, sát nhu cầu của các đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, chú trọng vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa; đồng thời mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã phải thường xuyên tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân, năng động, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn.

- Đổi mới nâng cao chất lượng các kỳ họp, các hoạt động giám sát, các cuộc tiếp xúc cử tri, kịp thời phản ánh những kiến nghị của cử tri những vấn đề tồn

tại ở cơ sở, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định, nhất là những vướng mắc, phát sinh trong cộng đồng dân cư.

2.3. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; xây dựng ban hành quy chế làm việc, phân công cụ thể nhiệm vụ của chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên ủy ban; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Ủy ban nhân dân cấp xã phải có giải pháp khắc phục tình trạng việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước còn chậm, hiệu quả không cao, quản lý nhà nước địa bàn chưa tốt.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước ở cơ sở, nhất là công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, trật tự xây dựng, giải quyết đơn thư, an ninh, trật tự..., nắm chắc tình hình mọi mặt ở địa phương, xử lý, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề

phức tạp, nảy sinh ngay tại cơ sở; thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với nhân dân.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức cấp xã; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân; xử lý nghiêm cán bộ, công chức cấp xã tặc trách, gây phiền hà, nhũng nhiễu, vi phạm đạo đức công vụ, tư cách người đảng viên, cán bộ, công chức.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chú ý bồi dưỡng theo chức danh cán bộ, công chức cấp xã, nội dung bồi dưỡng cần trang bị những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, quản lý đất đai, vấn đề dân tộc, tôn giáo, giải quyết đơn thư...và kỹ năng xử lý các tình huống ở cơ sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp trên, kịp thời đưa ra kế hoạch, biện pháp cụ thể giúp địa phương tháo gỡ những khó khăn,

vướng mắc. Đối với các địa phương yếu kém, cần xác định đúng nguyên nhân để có biện pháp xử lý thích hợp, giải quyết dứt điểm những nơi nội bộ mất đoàn kết, yếu kém kéo dài.

- Thực hiện chủ trương bí thư đảng ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã và chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là người địa phương (ở nơi có điều kiện); có kế hoạch luân chuyển cán bộ cấp huyện về đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo chính quyền cơ sở để đào tạo, rèn luyện cán bộ.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết công việc ở cơ sở. Đưa công tác cải cách thủ tục hành chính trong thời gian tới trở thành một trong những động lực của sự phát triển và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở, qua đó góp phần quan trọng vào quá trình hội nhập, thu hút đầu tư, tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2.4. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật và Điều lệ, nhất là tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát, phản biện xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án số 02-ĐA/TU ngày 23/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chú trọng một số nội dung sau:

+ Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

+ Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Lựa chọn hình thức

tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng với hình thức dễ thực hiện và hiệu quả cao; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo.

+ Thực hiện tốt sự phối hợp công tác giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, nhất là phối hợp thực hiện một số chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của từng tổ chức chính trị - xã hội để tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên; việc giải quyết những kiến nghị của Nhân dân.

+ Đa dạng hoá các hình thức tập hợp Nhân dân phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, phát huy khả năng sáng tạo, giải quyết hiệu quả những lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; chú trọng tập hợp thông qua các hình thức như: Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế; các tổ, nhóm tiết kiệm vay vốn; câu lạc bộ theo sở thích... Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao

trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên. Chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn lực, sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước để hỗ trợ, tạo điều kiện cho đoàn viên, hội viên khởi nghiệp.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức

3.1. Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức

- Các cấp ủy, tổ chức Đảng thực hiện nghiêm các nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Từng đồng chí cấp ủy, ủy viên ban thường vụ, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị các cấp phải thực sự tâm huyết, trách nhiệm, tự giác, gương mẫu đi đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm

vụ được giao, phong cách ứng xử, đạo đức, lối sống nhất là đảng viên phải gương mẫu trước quần chúng, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới và đảng viên giữ chức vụ càng cao thì càng phải nêu gương.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên để tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng; việc phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động và các thông tin xấu độc. Ban Tuyên giáo cấp ủy và các cơ quan báo chí trong tỉnh chủ động, tích cực tham gia có hiệu quả Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (*giải Búa liềm vàng*) theo kế hoạch hằng năm của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

- Các cấp ủy Đảng và các ngành chức năng phải luôn chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền với nội dung thiết thực, hình thức phong phú, đa dạng, hấp

dẫn và phù hợp với từng đối tượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và thực tế ở từng cơ sở. Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội, nhất là ở cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp để nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị trong Trường Chính trị tỉnh, trung tâm chính trị các huyện, thành phố.

- Thực hiện tốt quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên, nhất là chủ trương, quan điểm mới của Đảng, các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp để cán bộ, đảng viên hiểu, thấm nhuần và tự giác, tích cực thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

3.2. Đổi mới việc tuyển dụng công chức, viên chức

- Xây dựng đề án thi tuyển chung công chức, viên chức toàn tỉnh, tổ chức tuyển dụng công chức, viên

chức đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, công bằng và chọn được người có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt vào công tác tại cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

- Ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học giai đoạn 2022 - 2026 để thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại tỉnh.

3.3. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Hằng năm rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý theo quy định, hướng dẫn của Trung ương đảm bảo số lượng, chất lượng, có cơ cấu hợp lý các ngành nghề, lĩnh vực, chuyên môn đào tạo với vị trí, chức danh quy hoạch. Quan tâm phát hiện nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực

nổi trội, có triển vọng phát triển để đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành.

- Trên cơ sở kế hoạch đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, hằng năm rà soát, xây dựng kế hoạch để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của chức danh, vị trí việc làm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn mới.

- Lựa chọn cử cán bộ trẻ cấp huyện, cấp tỉnh (dưới 35 tuổi) có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt tham gia các chương trình đào tạo nâng cao về chuyên môn, ngoại ngữ do Trung ương tổ chức nhằm thực hiện được mục tiêu đến năm 2030, phần đầu có khoảng 25% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

3.4. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ

- Thực hiện nghiêm quy định về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên hằng năm, nhiệm kỳ và trước khi đề bạt, bổ nhiệm đảm bảo đúng thực chất. Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ

theo hướng: Xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí, bằng sản phẩm, nhất là kết quả thực hiện các việc đổi mới, đột phá được cấp ủy giao; việc cải cách hành chính, kết quả tăng thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị; gắn đánh giá cá nhân người đứng đầu với kết quả thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Xác định cụ thể các công việc, lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao làm thước đo chủ yếu để đánh giá phẩm chất, năng lực của cán bộ. Tiêu chí đánh giá phải bổ sung những yếu tố định lượng về công việc, thời gian hoàn thành và những đổi mới, đột phá, giải pháp sáng tạo, chất lượng, hiệu quả trong giải quyết công việc được giao.

3.5. Sắp xếp, bố trí, sử dụng đúng cán bộ

- Thường xuyên sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức các cấp phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường của cán bộ theo yêu cầu chức danh, vị trí việc làm.

- Hằng năm các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý, trong đó quan tâm luân chuyển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số để đào tạo nguồn cán bộ lâu dài cho tỉnh và các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Luân chuyển cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) ở các cơ quan cấp tỉnh về giữ chức danh lãnh đạo, quản lý cấp huyện và luân chuyển cán bộ cấp huyện về các ban, sở, ngành cấp tỉnh; tăng cường, biệt phái cán bộ, chuyên viên (dưới 40 tuổi) ở các cơ quan cấp tỉnh bố trí xuống cơ sở.

- Nghiên cứu, thực hiện thí điểm thi tuyển để bổ nhiệm một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trước mắt thí điểm thi tuyển một số chức danh như lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương; lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện.

- Ngoài việc thí điểm thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý, các chức danh khác thực hiện việc

ứng viên trước khi bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý phải trình bày chương trình hành động và cam kết trách nhiệm thực hiện; nếu thực hiện không đúng hoặc không hoàn thành chương trình hành động như cam kết thì xem xét điều động, bố trí, phân công công tác khác, không chờ hết nhiệm kỳ và thời hạn bổ nhiệm.

- Tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn đảm bảo bố trí người đứng đầu có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và uy tín; thực hiện nghiêm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Lựa chọn, giới thiệu đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín để nhân dân bầu làm trưởng thôn, tổ dân phố, sau đó bồi dưỡng, kiện toàn giới thiệu bầu giữ chức bí thư chi bộ.

3.6. Đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức

- Rà soát, nâng cấp, xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị, nhất là trụ sở làm việc, trường học, trạm y tế xã, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố đảm bảo đầy đủ, phù hợp, là nơi cho nhân dân học tập, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và để cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã và người tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố... yên tâm công tác, làm việc, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; nghiên cứu tăng mức hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố.

- Cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết, trách nhiệm với công việc, năng động, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, có thành tích xuất sắc, nổi trội thì được ưu tiên xem xét trong

quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí giữ chức vụ cao hơn.

- Tôn vinh và khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có thành tích đặc biệt xuất sắc, có nhiều đóng góp, cống hiến cho sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị.

3.7. Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Từng cơ quan, đơn vị rà soát, xây dựng các quy định, quy chế về chế độ trách nhiệm, đạo đức công vụ, nghề nghiệp, quy tắc chuẩn mực, ứng xử trong cơ quan và với tổ chức, cá nhân. Khắc phục tình trạng giải quyết công việc chậm, không hiệu quả, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho Nhân dân. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải nêu gương, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về

những yếu kém, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình trực tiếp phụ trách.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức kịp thời chấn chỉnh những trường hợp chấp hành kỷ luật, kỷ cương không nghiêm, thực hiện nhiệm vụ chưa tốt; đồng thời xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm.

- Thực hiện nghiêm quy định người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã định kỳ đối thoại, tiếp xúc với đảng viên và nhân dân, tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư, những việc tồn đọng thuộc thẩm quyền hoặc xử lý việc phát sinh ngay tại cơ sở.

3.8. Phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ

- Các cơ quan, đơn vị phải xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, các hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức để nhân dân biết và giám sát việc thực hiện của cán bộ, công chức, viên chức.

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Quyết định số 217-QĐ/TW, số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư; Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư) và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Thực hiện tốt các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy về trách nhiệm của các đồng chí ủy viên ban thường vụ và cấp ủy viên dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư thuộc đảng bộ được phân công phụ trách, theo dõi; dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư nơi cư trú để gắn bó mật thiết với Nhân dân; lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, tình hình cơ sở; truyền đạt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó Nhân dân thực hiện việc giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là về đạo đức, lối sống và việc chấp hành các quy định của Đảng, pháp luật

của Nhà nước của cán bộ và người thân cán bộ tại nơi cư trú.

3.9. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về công tác tổ chức xây dựng Đảng

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thường xuyên chăm lo, xây dựng, củng cố cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng thực sự “*đoàn kết, trung thành, trung thực, trong sáng, gương mẫu, tinh thông, chuyên nghiệp*”, coi trọng lựa chọn, bố trí đúng người đứng đầu cơ quan tổ chức cán bộ các cấp và người trực tiếp tham mưu về công tác tổ chức - cán bộ. Điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với những người được phân công làm công tác nhân sự hoặc theo dõi công tác cán bộ tại một địa bàn, lĩnh vực đã đảm nhiệm công việc 5 năm liên tiếp hoặc khi thấy cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan tham mưu của Đảng và các cơ quan chức năng trong công tác cán bộ đảm bảo chặt chẽ, đúng quy trình, quy định.

- Xây dựng tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tham mưu về tổ chức xây dựng Đảng cấp tỉnh, cấp huyện tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Lộ trình thực hiện

1.1. Công tác triển khai

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu tổ chức Hội nghị cấp tỉnh quán triệt, triển khai Đề án. Thời gian xong trong tháng **7/2021**.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến các đồng chí cấp ủy viên cùng cấp; bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở; trưởng, phó các cơ quan, đơn vị, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện. Thời gian xong trong tháng **7/2021**.

- Các chi, đảng bộ cơ sở tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến các đồng chí ủy viên ban

chấp hành, bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và toàn thể đảng viên đối với chi bộ cơ sở. Thời gian xong trong tháng **8/2021**.

- Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở tổ chức các hội nghị quán triệt, triển khai Đề án đến toàn thể đảng viên chi bộ, trưởng thôn, tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố. Thời gian xong trong tháng **8/2021**.

1.2. Sơ kết, tổng kết

- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Đề án vào dịp tổng kết năm, báo cáo kết quả thực hiện của Đảng bộ về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp).

- Các cấp ủy tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá sau 02 năm thực hiện Đề án: Thời gian thực hiện quý **IV/2023**.

- Các cấp ủy tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án: Thời gian thực hiện quý **IV/2025**.

2. Kinh phí thực hiện

2.1. Căn cứ nội dung và lộ trình triển khai thực hiện Đề án, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị theo nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí chi tiết trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định về sử dụng ngân sách của Đảng.

2.2. Về sử dụng nguồn kinh phí

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện Đề án có trách nhiệm sử dụng kinh phí có hiệu quả và theo đúng các quy định của Đảng, Nhà nước.

3. Nhiệm vụ của các tổ chức, cơ quan

3.1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các cấp ủy, cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án đảm bảo tiến độ, có hiệu quả. Phát hiện những vướng mắc của cơ sở để hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc thẩm quyền; báo cáo và đề xuất với cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những văn bản lãnh đạo, chỉ

đạo cần thiết hoặc có chủ trương để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc kịp thời. Phối hợp với các cấp ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Sở Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp để bảo đảm cơ cấu, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

- Chủ trì, theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ hằng năm về tình hình, kết quả thực hiện Đề án với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ trì, phối hợp với các Ban đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị sơ kết 2 năm và tổng kết 05 năm thực hiện Đề án. Đề xuất biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức đảng, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức thực hiện Đề án.

3.2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, trung tâm

chính trị các huyện, thành phố, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy tỉnh và các cơ quan cấp tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ và nhiệm vụ được giao theo Đề án đảm bảo tiến độ, chất lượng.

**CHỈ THỊ SỐ 01-CT/TU NGÀY 10/9/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy
và sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2021 - 2025**

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng

Chất lượng sinh hoạt cấp ủy và sinh hoạt chi bộ được nâng lên

Vai trò của các cấp ủy và chi bộ Đảng được khẳng định, phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều đổi mới

Các cấp ủy, chi bộ xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc

Các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc

Hạn chế

Một số cấp ủy, chi bộ chưa chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng và quy chế làm việc của cấp ủy, chi bộ; chậm đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc; tính chiến đấu, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ còn hạn chế

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chi bộ và người đứng đầu chưa thể hiện rõ nét; những tồn tại, hạn chế về cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa được khắc phục

Sự chủ động trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nơi còn hạn chế

Một số cấp ủy chưa sâu sát, thiếu các giải pháp cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chưa chú trọng nội dung sinh hoạt chi bộ chuyên đề

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có nơi thực hiện chưa tốt, hiệu lực, hiệu quả chưa cao

Việc quản lý giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên có nơi chưa chặt chẽ, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, vi phạm quy chế làm việc của cấp ủy, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải xử lý kỷ luật

05 NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các nghị quyết, quy định về công tác xây dựng Đảng

2

Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, chi bộ

3

Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và sinh hoạt chi bộ

4

Nâng cao chất lượng đội ngũ các cấp ủy các cấp và người đứng đầu cấp ủy

5

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và chi bộ tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị này phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập nghị quyết của Đảng; hằng quý định hướng nội dung các chuyên đề phục vụ cho sinh hoạt chuyên đề của các loại hình chi bộ

Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai thực hiện, tiến hành kiểm tra, giám sát bảo đảm Chỉ thị được quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; chấn chỉnh, xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm

Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, giám sát các đảng bộ, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách triển khai thực hiện Chỉ thị này

**CHỈ THỊ SỐ 01-CT/TU NGÀY 10/9/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt
cấp ủy và sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2021 - 2025**

**I- TÌNH HÌNH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
SINH HOẠT CẤP ỦY VÀ SINH HOẠT CHI BỘ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

1. Một số kết quả chủ yếu

Những năm qua các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng; chất lượng sinh hoạt cấp ủy và sinh hoạt chi bộ được nâng lên; vai trò của các cấp ủy và chi bộ Đảng được khẳng định, phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều đổi mới; các cấp ủy, chi bộ xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc; các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nguyên tắc tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm túc.

2. Hạn chế

Một số cấp ủy, chi bộ chưa chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng và quy chế làm việc của cấp ủy, chi bộ; chậm đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc; tính chiến đấu, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ còn hạn chế.

Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chi bộ và người đứng đầu chưa thể hiện rõ nét; những tồn tại, hạn chế về cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa được khắc phục; sự chủ động trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có nơi còn hạn chế. Một số cấp ủy chưa sâu sát, thiếu các giải pháp cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chưa chú trọng nội dung sinh hoạt chi bộ chuyên đề. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng có nơi thực hiện chưa tốt, hiệu lực, hiệu quả chưa cao.

Việc quản lý giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên có nơi chưa chặt chẽ, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, vi phạm quy chế làm việc của cấp ủy, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải xử lý kỷ luật.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các nghị quyết, quy định về công tác xây dựng Đảng

Quán triệt thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng; triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng Đảng đã nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ chính trị “*về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; chấp hành nghiêm các quy định, quy chế về tổ chức xây dựng Đảng.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, sâu rộng, hiệu quả Đề án số 16-ĐA/TU ngày 03/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2020 - 2025*” và Đề án số 03-ĐA/TU ngày 12/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “*về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*”.

2. Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, chi bộ

Các cấp ủy và chi bộ căn cứ các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và văn bản của cấp ủy cấp trên xây dựng quy chế làm việc; nội dung quy chế phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể cấp ủy và cá nhân cấp ủy viên, chế độ làm việc, mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ chức đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị...

Từng cấp ủy và chi bộ phải thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, chi bộ, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; nguyên tắc tự phê bình và phê bình, đoàn kết thống nhất trong Đảng. Căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để lựa chọn nội dung, cách thức, thời gian sinh hoạt cấp ủy và chi bộ cho phù hợp.

Mỗi cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên và người đứng đầu cấp ủy phải nêu cao tính tự giác, ý thức trách nhiệm, vai trò tiên phong, gương mẫu, chấp hành nghiêm các quy định, quy chế của cấp ủy, cơ quan, đơn vị nhất là việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo và nêu gương việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và sinh hoạt chi bộ

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định, hướng dẫn của Đảng cấp trên về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, trọng tâm là Hướng dẫn số 12- HD/BTCTW ngày

06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và Hướng dẫn số 03-HD/BTCTU ngày 26/11/2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về một số nội dung sinh hoạt chi bộ trong các loại hình chi bộ.

Các cấp ủy, chi bộ đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập, tuyên truyền Nghị quyết của Đảng, việc cụ thể hóa và ban hành nghị quyết của cấp ủy, chi bộ. Nghị quyết của cấp ủy, chi bộ phải được xây dựng trên cơ sở căn cứ khoa học và thực tiễn, xác định vấn đề trúng, đúng, hợp lòng dân; nội dung ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải cụ thể, có tính khả thi cao, phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đề cao ý thức trách nhiệm của các đồng chí cấp ủy viên và đảng viên trong việc tham gia xây dựng nghị quyết, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cấp ủy, chi bộ.

Các cấp ủy phải xác định và lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong từng giai đoạn; phân công nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức,

cá nhân gắn với cá thể hóa trách nhiệm cá nhân và cơ chế theo dõi, giám sát, kiểm tra; kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; định kỳ đánh giá, sơ kết và đúc rút bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ phải thực sự phát huy dân chủ, đoàn kết, thống nhất, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, chất vấn trong Đảng; từng đồng chí trong cấp ủy và đảng viên phải nhận thức đúng đắn để thống nhất về ý chí và hành động, tích cực tham gia xây dựng tập thể cấp ủy, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Cấp ủy viên các cấp và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị phải nêu cao quyết tâm chính trị trong thực hiện nhiệm vụ, chủ động, sáng tạo, đổi mới tác phong, lề lối làm việc, gương mẫu đi đầu, làm trước, nói đi đôi với làm; thường xuyên bám sát thực tiễn, sâu sát cơ sở, coi trọng chất lượng, hiệu quả công việc, tránh hình thức, lãng phí, bệnh thành tích; thường xuyên tự soi, tự sửa và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả chủ trương giao việc đột phá, đổi mới đối với cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý, chú trọng vào những khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp của địa phương, cơ quan, đơn vị; việc mới, việc khó thuộc các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường, tài chính ngân sách, xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị, phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, giải quyết đơn thư,...

Các chi bộ phải thực hiện nghiêm túc nền nếp chế độ sinh hoạt cấp ủy, chi bộ theo quy định; phân công cấp ủy viên chuẩn bị kỹ, đảm bảo nội dung sinh hoạt chi bộ ngắn gọn, cụ thể, thiết thực; trong sinh hoạt chi bộ phải bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu để chi bộ thực sự là nơi lãnh đạo, quản lý, giáo dục, rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện tốt quy định về phân công cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy tỉnh, cấp ủy cấp huyện dự sinh hoạt chi bộ thuộc phạm vi lãnh đạo của cấp ủy.

Đảng ủy cấp xã phân công cấp ủy viên phụ trách chi bộ, dự sinh hoạt chi bộ định kỳ hằng tháng và có trách nhiệm thường xuyên hướng dẫn chi ủy và bí thư chi bộ về nội dung sinh hoạt thường kỳ, định hướng việc sinh hoạt chuyên đề đảm bảo tính toàn diện, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình chi bộ và nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng giai đoạn. Quan tâm củng cố, giúp đỡ, hướng dẫn các chi bộ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, chi bộ trong doanh nghiệp và những chi bộ còn yếu kém.

Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, chú trọng chất lượng kết nạp đảng viên, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, các doanh nghiệp, ở những chi bộ ít đảng viên và nhiều năm không kết nạp được đảng viên. Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể về phát triển tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp. Chú trọng phát triển đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ

quản lý, người lao động giỏi, có uy tín trong doanh nghiệp. Chủ động tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng, kết nạp chủ doanh nghiệp đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Đảng. Tăng cường quản lý đảng viên, có những hình thức, giải pháp phù hợp giúp đảng viên thường xuyên đi làm ăn xa đảm bảo quyền và thực hiện nghĩa vụ của người đảng viên. Thực hiện chặt chẽ việc cho miễn công tác và sinh hoạt Đảng đối với đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc phát hiện những đảng viên suy thoái, vi phạm tư cách đảng viên... để kịp thời đưa ra khỏi Đảng, làm trong sạch đội ngũ đảng viên.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy các cấp và người đứng đầu cấp ủy

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cấp ủy các cấp và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị gắn với đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ; chú ý điều động, luân chuyển, giao việc để đào tạo, rèn luyện cán bộ; xây dựng đội ngũ cấp ủy viên các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy có trách nhiệm, tâm huyết, khát vọng phát triển, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung, có đủ

phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Tiếp tục thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện (nơi có điều kiện). Thực hiện quy định bí thư cấp ủy là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc (giám đốc) làm bí thư cấp ủy, chi bộ. Kịp thời kiện toàn cấp ủy, bí thư, phó bí thư khi thiếu, khuyết và điều chuyển, thay thế những cán bộ yếu kém, vi phạm kỷ luật theo quy định.

Thường xuyên cập nhật kiến thức mới cho cấp ủy viên các cấp và bồi dưỡng kỹ năng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác Đảng đối với cấp ủy viên và bí thư chi bộ. Ở thôn, tổ dân phố lựa chọn, giới thiệu những đảng viên có trình độ, năng lực, phương pháp công tác tốt, có uy tín, tinh thần trách nhiệm, gương mẫu và có kinh nghiệm thực tiễn để bầu làm bí thư chi bộ đồng thời làm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

Thực hiện tốt công tác đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, gắn trách nhiệm của tập thể với người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Việc đánh giá cán bộ phải căn cứ vào kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, nhất là kết quả thực hiện việc đổi mới, đột phá mà cấp trên giao; việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ công dân nơi cư trú; về giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên

Các cấp ủy, tổ chức đảng và chi bộ phải thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát tổ chức đảng gắn với kiểm tra, giám sát đảng viên, cấp ủy viên và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với cấp ủy viên và người đứng

đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế làm việc của cấp ủy, các quy định, nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và chi bộ tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị này phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc học tập nghị quyết của Đảng; hằng quý định hướng nội dung các chuyên đề phục vụ cho sinh hoạt chuyên đề của các loại hình chi bộ.

4. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai thực hiện, tiến hành kiểm tra, giám sát bảo đảm Chỉ thị

được quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; chấn chỉnh, xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm.

5. Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, giám sát các đảng bộ, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách triển khai thực hiện Chỉ thị này.

**NGHỊ QUYẾT SỐ 45-NQ/TU NGÀY 01/10/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
công tác phòng, chống tham nhũng,
tiêu cực trên địa bàn tỉnh**

**MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

1

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh đã được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực được triển khai thực hiện đồng bộ

2

Công tác cải cách hành chính được quan tâm chú trọng; hoạt động của các cơ quan nhà nước ngày càng công khai, minh bạch hơn

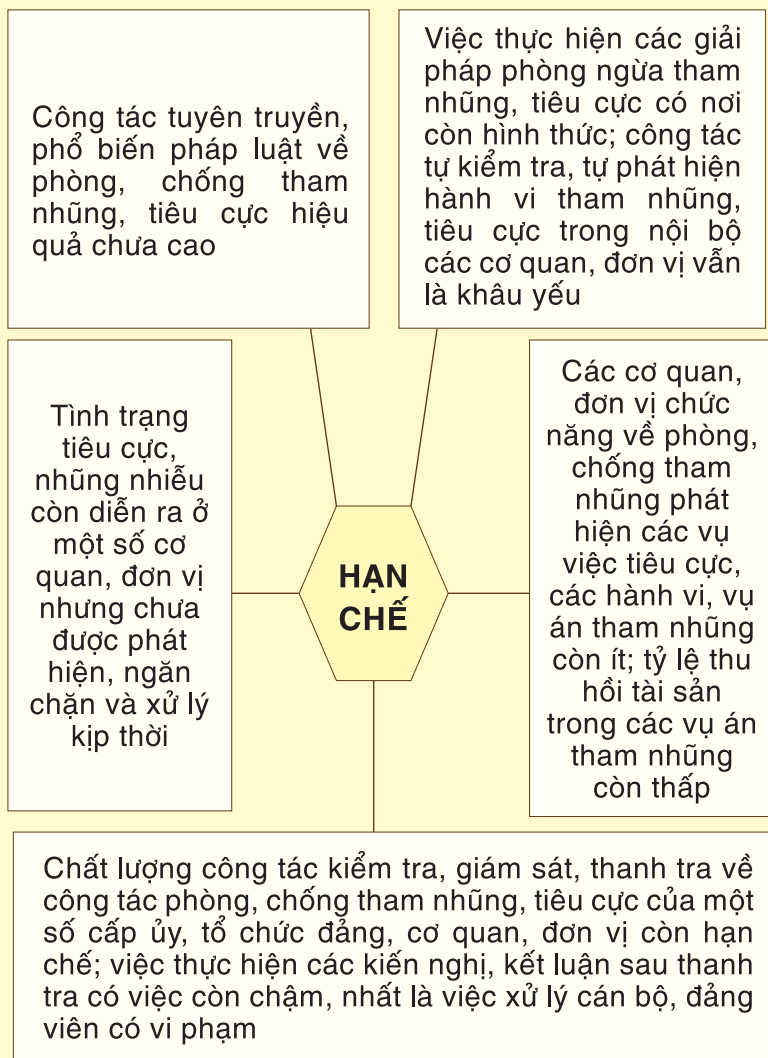
3

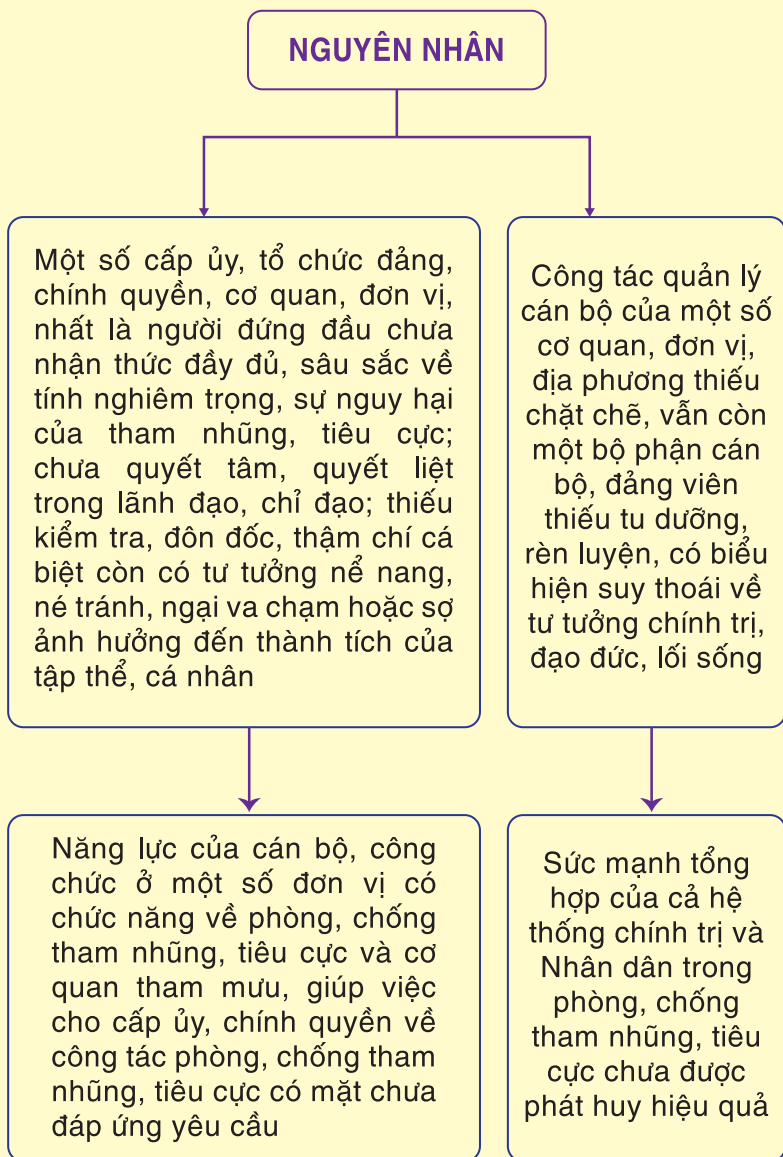
Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; các vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra các vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng, phức tạp

4

Nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã có chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN





QUAN ĐIỂM

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, cấp bách của các cấp ủy đảng, chính quyền, của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải được gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

Thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn, hiệu quả hơn; không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng, tiêu cực

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

MỤC TIÊU

Quyết tâm khắc phục những hạn chế, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, làm giảm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, từng bước đẩy lùi tham nhũng, không để xảy ra các vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên kỷ cương, liêm chính, phục vụ Nhân dân, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- 1** Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao vai trò, trách nhiệm, của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- 2** Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và bảo vệ người tích cực chống tham nhũng, tiêu cực
- 3** Tập trung thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực
- 4** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế. Từng bước mở rộng phạm vi hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài Nhà nước theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước
- 5** Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng, hoạt động của các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

**NGHỊ QUYẾT SỐ 45-NQ/TU NGÀY 01/10/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
trên địa bàn tỉnh**

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh đã được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực được triển khai thực hiện đồng bộ. Công tác cải cách hành chính được quan tâm chú trọng; hoạt động của các cơ quan nhà nước ngày càng công khai, minh bạch hơn. Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; các vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, không để

xảy ra các vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng, phức tạp. Nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã có chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Hạn chế

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả chưa cao; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa thực sự trở thành ý thức tự giác của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân. Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực có nơi còn hình thức; công tác tự kiểm tra, tự phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ các cơ quan, đơn vị vẫn là khâu yếu. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị còn hạn chế; việc thực hiện các kiến nghị, kết luận sau thanh tra có việc còn chậm, nhất là việc xử lý cán bộ, đảng viên có vi

phạm. Tình trạng tiêu cực, những nhiễu còn diễn ra ở một số cơ quan, đơn vị nhưng chưa được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời. Các cơ quan, đơn vị chức năng về phòng, chống tham nhũng phát hiện các vụ việc tiêu cực, các hành vi, vụ án tham nhũng còn ít; tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng còn thấp.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có một phần nguyên nhân khách quan, song chủ yếu là nguyên nhân chủ quan, đó là: Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính nghiêm trọng, sự nguy hại của tham nhũng, tiêu cực; chưa quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; thiếu kiểm tra, đôn đốc, thậm chí cá biệt còn có tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc sợ ảnh hưởng đến thành tích của tập thể, cá nhân. Công tác quản lý cán bộ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu chặt chẽ, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

lối sống. Năng lực của cán bộ, công chức ở một số đơn vị có chức năng về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cơ quan tham mưu, giúp việc cho cấp ủy, chính quyền về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực chưa được phát huy hiệu quả.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, cấp bách của các cấp ủy đảng, chính quyền, của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải được gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Kiên quyết, kiên trì đấu

tranh ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn, hiệu quả hơn; kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, tiêu cực, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, tiêu cực với phương châm không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Mục tiêu

Quyết tâm khắc phục những hạn chế, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, làm giảm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, từng bước đẩy lùi tham nhũng, không để xảy ra các vụ án tham nhũng lớn, nghiêm trọng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên kỷ cương, liêm chính, phục vụ Nhân dân, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; góp

phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến cán bộ, đảng viên, trọng tâm là: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng; Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính triển khai thực hiện Nghị quyết

Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kịp thời ban hành văn bản để cụ thể hoá và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là các văn bản mới ban hành.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; rà soát, đưa nội dung lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vào quy chế làm việc và chương trình công tác hằng năm. Gắn kết quả lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với việc kiểm điểm, đánh giá tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân.

Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phải xác định công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ quan trọng gắn chặt với việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính

trị, nhiệm vụ chuyên môn; phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phải thực hiện nghiêm vai trò nêu gương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng phục vụ Nhân dân; thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Trung ương, của tỉnh. Chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp nhằm mục đích vụ lợi. Xử lý nghiêm người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị nếu đã được nhắc nhở, nhưng không kịp thời tổ chức thanh tra, kiểm tra theo chức năng, không tự thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ để cấp trên phát hiện các hành vi tham nhũng, tiêu cực xảy ra tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

Cán bộ, đảng viên tiếp tục thực hiện tốt quy tắc ứng xử; đạo đức công vụ; chuẩn mực đạo đức theo tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của từng cơ quan, đơn vị đã ban hành; gương mẫu thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Định kỳ, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để kịp thời khắc phục và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

2. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và bảo vệ người tích cực chống tham nhũng, tiêu cực

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chú trọng tuyên truyền, giáo dục sâu rộng các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy

định của tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh để nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Chủ động công khai, cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các phương tiện thông tin đại chúng: Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế và những vấn đề dư luận xã hội quan. Có biện pháp bảo vệ người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân tích cực phát hiện, quyết liệt đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những người tích cực, dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm những trường hợp đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt, lợi dụng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để nói xấu, bôi nhọ cán bộ, đảng viên, gây mất đoàn kết nội bộ hoặc chống phá Đảng, Nhà nước.

3. Tập trung thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực

Tích cực ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền để khắc phục những sơ hở, bất cập trong công tác quản lý, điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước; thực hiện nghiêm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, việc công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát tài sản thu nhập; thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính gắn kết chặt chẽ với ứng dụng công nghệ thông tin. Chủ động, kịp thời giải quyết các đơn, thư liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội,

giám sát cộng đồng; truyền thông, báo chí trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế. Từng bước mở rộng phạm vi hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài Nhà nước theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các kết luận, chỉ thị của Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Kịp thời chỉ đạo xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, trong đó chú trọng

kiểm tra, giám sát chuyên đề, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra các cấp về trách nhiệm của tổ chức đảng, người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm tra, giám sát công tác phát hiện, xử lý tham nhũng đối với các cơ quan, đơn vị chức năng về phòng, chống tham nhũng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, nhất là những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm; mở rộng thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị chức năng về phòng, chống tham nhũng tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phát hiện các hành vi, vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, sai phạm kinh tế nghiêm trọng, phức tạp. Kịp thời áp dụng các biện pháp kê biên, tạm giữ tài sản, phong tỏa tài khoản và xử lý tài sản tham nhũng ngay trong quá trình kiểm tra, thanh tra, điều

tra, truy tố, xét xử, thi hành án, đảm bảo thu hồi tối đa tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt.

5. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng, hoạt động của các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ; thực sự liêm chính, trong sạch, quyết tâm, quyết liệt đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm việc điều chuyển những cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kiên quyết xử lý những cán bộ lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao ngăn cản việc phát hiện, bao che, dung túng các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Gắn trách nhiệm của cán bộ được phân công phụ trách, theo dõi địa bàn, lĩnh vực. Kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm đối với người đứng đầu và cán bộ các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được phân công phụ trách, theo dõi địa bàn, lĩnh vực nếu để xảy ra tham nhũng, tiêu cực mà không chủ động phát hiện, xử lý theo quy định.

Chú trọng củng cố, đảm bảo đủ biên chế và thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, kinh nghiệm phát hiện, đấu tranh cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Quan tâm đầu tư, bố trí các trang thiết bị, điều kiện làm việc, chế độ, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi lạm quyền, những thiếu sót và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy chế phối hợp liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã ban hành; thông qua công tác xử lý các vụ việc, vụ án về tham nhũng kịp thời kiến nghị, đề xuất với Trung ương, với tỉnh chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong công tác quản lý kinh tế - xã hội, công tác tổ chức, cán bộ...

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai sâu rộng nội dung Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và tuyên truyền đến các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Nghị quyết xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đã đề ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, ban hành cơ chế, chính sách theo thẩm quyền để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết, nhất là các cơ chế, chính sách trong quản lý kinh tế - xã hội để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; tăng cường giám sát để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nêu trong Nghị quyết.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo, định hướng làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chỉ đạo các cơ quan truyền thông công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

Ban Nội chính Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động cung cấp thông tin, tài liệu về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để phục vụ công tác tuyên truyền.

6. Giao Ban Nội chính Tỉnh ủy:

Phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục tham mưu với cấp ủy tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn; chủ động tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương, định hướng xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực theo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, triển

khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

**CHỈ THỊ SỐ 02-CT/TU NGÀY 15/11/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về đẩy mạnh thực hiện công tác cải thiện
môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh**

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố (tăng 17 bậc so với năm 2015)

Môi trường đầu tư được cải thiện, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao, thu hút được nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động

HẠN CHẾ

Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự hấp dẫn; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh những năm gần đây có tăng nhưng vẫn chưa được xếp ở thứ hạng cao, một số chỉ số thành phần còn tăng chậm, có chỉ số giảm điểm

Cải cách thủ tục hành chính có lúc, có nơi, có lĩnh vực còn chậm, chưa thực sự thông thoáng

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh chưa thực sự tích cực, chặt chẽ, hiệu quả

Hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng giao thông, thông tin, hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ, chất lượng chưa cao

Chưa tạo được nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư

Còn có cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

01

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong thực thi công vụ, nhiệm vụ

02

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính

03

Tiếp tục xác định nâng cao chất lượng điều kiện kinh doanh là nội dung trọng tâm trong cải thiện môi trường kinh doanh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị

04

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025

05

Triển khai thực hiện “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025

06

Tổ chức hoạt động, nâng cao hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh

07

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh và Liên minh Hợp tác xã. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình hạ tầng trọng điểm, có tính liên kết vùng phục vụ thu hút đầu tư, nhất là hạ tầng về giao thông, đô thị động lực, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại

08

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; qua thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đồng thời kịp thời kiến nghị với cấp có thẩm quyền khắc phục những bất cập, sơ hở trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

09

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và sự cần thiết của công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công, gắn trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, trực tiếp là người đứng đầu để tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ trì, theo dõi, đôn đốc, định kỳ hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định

Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện quyền giám sát và tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Chỉ thị

Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, đánh giá cán bộ, người đứng đầu thuộc diện Ban Thường vụ quản lý; báo cáo Ban Thường vụ xem xét, điều chuyển vị trí công tác đối với cán bộ năng lực hạn chế, trì trệ, không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát, phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

CHỈ THỊ SỐ 02-CT/TU NGÀY 15/11/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về đẩy mạnh thực hiện công tác cải thiện
môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao
năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CẢI THIỆN MÔI
TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH, NÂNG CAO
NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH GIAI
ĐOẠN 2016 - 2020

1. Một số kết quả chủ yếu

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020*, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh

tranh cấp tỉnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 xếp thứ 31/63 tỉnh, thành phố (*tăng 17 bậc so với năm 2015*), môi trường đầu tư được cải thiện, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao, thu hút được nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động.

2. Hạn chế

Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự hấp dẫn; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh những năm gần đây có tăng nhưng vẫn chưa được xếp ở thứ hạng cao, một số chỉ số thành phần còn tăng chậm, có chỉ số giảm điểm như: Tiếp cận đất đai, tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp...; cải cách thủ tục hành chính có lúc, có nơi, có lĩnh vực còn chậm, chưa thực sự thông thoáng; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh chưa thực sự tích cực, chặt chẽ, hiệu quả; hạ tầng kỹ

thuật, nhất là hạ tầng giao thông, thông tin, hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ, chất lượng chưa cao; chưa tạo được nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; còn có cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp... đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong thực thi công vụ, nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ có liên quan đến công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; xác định đây là nhiệm vụ rất quan trọng mà cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở phải tập trung triển khai thực hiện đảm bảo đạt kết quả cao nhất.

2. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà soát, nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính...

Các đơn vị, địa phương trong tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, nâng cao chất lượng các chỉ số thành phần, nhất là các chỉ số thành phần có số điểm đánh giá thấp, giảm điểm; Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, chỉ số thành phần được giao; lấy kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể và cá nhân lãnh đạo, quản lý các cấp hằng năm.

3. Tiếp tục xác định nâng cao chất lượng điều kiện kinh doanh là nội dung trọng tâm trong cải thiện môi trường kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của

doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị. Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, kiên quyết xử lý nghiêm những hành vi gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc đối với người dân, doanh nghiệp.

4. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Nghiên cứu, ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền để khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp có tiềm năng phát triển

để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tích cực, chủ động triển khai các giải pháp thiết thực, cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; triển khai hiệu quả hoạt động gỡ gỡ, đối thoại với doanh nghiệp ở cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố. Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh nâng cao nhận thức pháp luật, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân...

5. Triển khai thực hiện “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với xây dựng Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó tập trung thực hiện, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính; huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp và người dân vào xây dựng chính quyền điện tử; kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà

nước. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025. Khuyến khích, tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch qua mạng điện tử các thủ tục hành chính có liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chú trọng phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại, nhiều tiện ích, đặc biệt là dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Tổ chức hoạt động, nâng cao hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh đảm bảo tập trung đầu mối, kịp thời giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Tăng cường hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các thủ tục hành chính về gia nhập thị trường, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các thủ tục hành chính khác liên quan đến việc triển khai thực hiện đầu tư. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp được tiếp cận các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát quỹ đất, lập kế hoạch sử dụng đất các cấp và công khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm minh

bạch hóa việc tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, giúp người dân, doanh nghiệp bình đẳng trong việc tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất, kinh doanh.

7. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh và Liên minh Hợp tác xã. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động, mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên; làm cầu nối giữa doanh nhân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân trong sản xuất kinh doanh, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp để cùng phát triển. Kịp thời đề xuất với cấp ủy, chính quyền trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, các cơ chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp, doanh nhân. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn để cấp ủy, chính quyền đối thoại với doanh nghiệp, doanh nhân, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ. Thực hiện tốt phương châm “*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*”, đa dạng hóa các hình thức quản lý các dự án, thu hút đầu tư đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình hạ tầng trọng điểm, có tính liên kết vùng phục vụ thu hút đầu tư, nhất là hạ tầng về giao thông, đô thị động lực, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại.

8. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; qua thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đồng thời kịp thời kiến nghị với cấp có thẩm quyền khắc phục những bất cập, sơ hở trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện tốt việc giao đầu mối cho cơ quan chức năng thực hiện rà soát, tổng hợp, xây dựng chương trình thanh tra, kiểm tra. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thanh tra, kiểm tra để gây phiền hà, nhũng nhiễu hoặc có các hành vi tham

những, tiêu cực. Kịp thời nắm bắt, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến doanh nghiệp. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp tập trung lãnh đạo giải quyết các vụ việc dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại, lao động, chú trọng làm tốt công tác hòa giải trong quá trình giải quyết, không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự, bảo đảm tăng cường pháp chế, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò và sự cần thiết của công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn, có tiềm lực đầu tư vào tỉnh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công, gắn trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, trực tiếp là người đứng đầu để tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ trì, theo dõi, đôn đốc, định kỳ hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện quyền giám sát và tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Chỉ thị.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi,

đánh giá cán bộ, người đứng đầu thuộc diện Ban Thường vụ quản lý; báo cáo Ban Thường vụ xem xét, điều chuyển vị trí công tác đối với cán bộ năng lực hạn chế, trì trệ, không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của tỉnh.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát, phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm, đảm bảo Chỉ thị được quán triệt, tổ chức triển khai chặt chẽ, hiệu quả.

7. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị; định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**CHỈ THỊ SỐ 03-CT/TU NGÀY 16/12/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả
tài nguyên đất đai, khoáng sản và
bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh**

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Tài nguyên đất đai, khoáng sản được quản lý chặt chẽ, từng bước khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch có liên quan

Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả được quan tâm

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường được nâng lên...

HẠN CHẾ



01

Chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, khoáng sản chưa đáp ứng yêu cầu

02

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhất là ở cơ sở còn hạn chế

03

Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất sau khi giao đất, cho thuê đất chưa được chú trọng, hiệu lực, hiệu quả không cao

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

01

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường

02

Tập trung rà soát, hệ thống hóa và kịp thời ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh

03

Có giải pháp thiết thực, hiệu quả thực hiện công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và công bố, công khai để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định

04

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch khoáng sản

05

Nghiên cứu, đề xuất, thu hút đầu tư nhà máy xử lý chất thải, rác sinh hoạt, nhà máy xử lý nước thải tập trung với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tối ưu về kinh tế, an toàn về xã hội và môi trường; tiếp tục thực hiện việc thu gom, xử lý bao bì, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định

06

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện, rút ngắn thời gian thực hiện

07

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường

08

Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành tài nguyên và môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và doanh nghiệp về quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường...

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra các đảng bộ, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách triển khai thực hiện Chỉ thị

Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai thực hiện, tiến hành kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ hướng dẫn việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và nhân dân

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị

Văn phòng Tỉnh uỷ phối hợp với các ban đảng Tỉnh uỷ và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo quy định

CHỈ THỊ SỐ 03-CT/TU NGÀY 16/12/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả
tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh

I - TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ
DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI, KHOÁNG SẢN
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHỮNG NĂM QUA

1. Những kết quả chủ yếu

Tài nguyên đất đai, khoáng sản được quản lý chặt chẽ, từng bước khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch có liên quan. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả được quan tâm. Chú trọng thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, các dự án phát triển kinh tế được thẩm định tác động môi trường và yêu cầu cam kết trách nhiệm, nghĩa vụ về ký quỹ bảo vệ môi trường trước khi triển khai thực hiện; hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, bao bì thuốc bảo vệ thực vật được

triển khai sâu rộng, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân đồng tình tham gia tích cực, hiệu quả; nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường được nâng lên... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội của địa phương.

2. Hạn chế

Chất lượng công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, khoáng sản chưa đáp ứng yêu cầu; tài liệu điều tra cơ bản về đất đai, khoáng sản còn thiếu, chất lượng thấp, cơ sở dữ liệu về đất đai chưa được hình thành; xử lý, giải quyết đơn thư, kiến nghị, thủ tục hành chính về đất đai, khoáng sản, môi trường của công dân chưa kịp thời, còn tồn đọng nhiều. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhất là ở cơ sở còn hạn chế; một số cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở năng lực còn yếu, thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, vi phạm các quy định của Nhà nước nhưng chậm được phát hiện, xử lý. Công tác thanh tra, kiểm

tra việc quản lý, sử dụng đất sau khi giao đất, cho thuê đất chưa được chú trọng, hiệu lực, hiệu quả không cao, còn dễ xảy ra việc sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm đất đai, xử lý vi phạm còn thiếu cương quyết; tình trạng khai thác khoáng sản trái phép chưa được xử lý dứt điểm; chưa có giải pháp toàn diện, bền vững về bảo vệ môi trường, tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ vẫn còn xảy ra tại một số nơi...

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

2. Tập trung rà soát, hệ thống hóa và kịp thời ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

3. Có giải pháp thiết thực, hiệu quả thực hiện công tác điều tra, đánh giá tài nguyên đất, đo đạc địa chính,

hoàn thành xây cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và công bố, công khai để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền các quy định, hướng dẫn trình tự, thủ tục sâu rộng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quản lý, sử dụng đất, nhất là quy định về mục đích, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo siết chặt, hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ việc giao đất thực hiện dự án; tăng cường quản lý, sử dụng đất của các công ty nhà nước và các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn; chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, tránh thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước. Quản lý giá đất, thị trường đất đai đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả đúng pháp luật.

4. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch khoáng sản; thực hiện ngay việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về

khoáng sản đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, quản lý bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, chế biến khoáng sản, nhất là thu hút đầu tư chế biến sâu khoáng sản, đảm bảo việc khai thác, sử dụng khoáng sản tiết kiệm, phục vụ hiệu quả cho phát triển công nghiệp, kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

5. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Triển khai sâu rộng, thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025. Nghiên cứu, đề xuất, thu hút đầu tư nhà máy xử lý chất thải, rác sinh hoạt, nhà máy xử lý nước thải tập trung với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tối ưu về kinh tế, an toàn về xã hội và môi trường; tiếp tục thực hiện việc thu gom, xử lý bao bì, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.

6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo hướng công

khai, minh bạch, thuận tiện, rút ngắn thời gian thực hiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, phấn đấu các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường cơ bản được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục, hồ sơ về đất đai.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để xảy ra các trường hợp khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đông người, bảo vệ quyền lợi của người dân, doanh nghiệp theo quy định.

8. củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành tài nguyên và môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã. Rà soát, có giải pháp luân chuyển theo định kỳ đối với cán bộ địa chính cấp xã đảm bảo hiệu quả; tăng cường lực lượng cho ngành tài nguyên và môi trường, nhất là lực lượng cán bộ trực tiếp làm công tác thanh tra,

giải quyết kiến nghị, khiếu nại trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho Nhân dân và doanh nghiệp về quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường...

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra các đảng bộ, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách triển khai thực hiện Chỉ thị.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

3. Các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của các cơ quan, đơn vị trong quản

lý, sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình triển khai thực hiện, tiến hành kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị để triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả; định kỳ 06 tháng, đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

7. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

**NGHỊ QUYẾT SỐ 56-NQ/TU NGÀY 29/12/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra,
giám sát và kỷ luật của Đảng,
giai đoạn 2021 - 2025**

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện toàn diện và có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp bám sát nội dung, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là yêu cầu đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên

Việc xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện theo đúng phương châm, nguyên tắc, thủ tục, quy định của Đảng, đảm bảo khách quan, dân chủ

Công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp

Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã quan tâm củng cố kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

HẠN CHẾ

Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chưa toàn diện; xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát chưa tập trung vào những lĩnh vực nổi cộm, bức xúc, dễ phát sinh sai phạm

Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn và việc kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp còn hạn chế

Công tác tự kiểm tra để chủ động ngăn chặn, phát hiện vi phạm ở một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu

Công tác nắm tình hình, phát hiện và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm tuy đã được tăng cường nhưng chưa toàn diện, chuyên sâu

Việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, giám sát ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc, kịp thời

Còn cán bộ, đảng viên suy thoái, chưa thật sự nêu gương, vi phạm đến mức phải xem xét, kỷ luật.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin trong xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên có lúc, có việc chưa chặt chẽ, còn có vụ việc để kéo dài

Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng có nội dung còn hạn chế, chưa thường xuyên

NGUYÊN NHÂN

Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa quán triệt nghiêm túc, sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; về các nội dung, tinh thần chỉ đạo của cấp trên theo từng thời điểm trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

Chưa thường xuyên cập nhật, nắm vững các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; thiếu chủ động, thiếu quyết tâm, thậm chí có nơi còn tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc sợ ảnh hưởng đến thành tích của tập thể, cá nhân

Công tác quản lý cán bộ, đảng viên của một số cơ quan, đơn vị, địa phương có thời điểm thiếu chặt chẽ

Một số cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra của Đảng năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

MỤC TIÊU

1

Nâng cao năng lực lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

- Phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được, đồng thời quyết tâm khắc phục những hạn chế, thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh
- Ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi tham nhũng, tiêu cực
- củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

2

100% cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện tốt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm

3

Phấn đấu 100% cấp ủy, tổ chức đảng và tối thiểu 30% cấp ủy viên các cấp được kiểm tra, giám sát

4

Qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, kịp thời phát hiện, kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chủ trương, chính sách, quy định đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tế

QUAN ĐIỂM

Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải được tiến hành toàn diện, dân chủ, khách quan, chặt chẽ, theo đúng nguyên tắc, phương pháp, quy định của Đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng, sự giám sát của Nhân dân và đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, “không có ngoại lệ”, “không có vùng cấm”.

Thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm tra của Nhà nước, giám sát của Hội đồng nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội



Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

05 NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1

Nâng cao năng lực lãnh đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, nhất là người đứng đầu đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

2

Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

3

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

4

Tăng cường công tác phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

5

Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

**NGHỊ QUYẾT SỐ 56-NQ/TU NGÀY 29/12/2021
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (KHÓA XVII)
về tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra,
giám sát và kỷ luật của Đảng, giai đoạn 2021 - 2025**

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Một số kết quả chủ yếu

Trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện toàn diện và có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp bám sát nội dung, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là yêu cầu đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Qua kiểm tra, giám sát đã đánh giá đúng ưu

điểm, chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm. Việc xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện theo đúng phương châm, nguyên tắc, thủ tục, quy định của Đảng, đảm bảo khách quan, dân chủ.

Công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, hiệu quả, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp.

Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã quan tâm củng cố kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ được giao. Những kết quả đạt được trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong những năm qua đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; nâng cao ý thức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý về trách nhiệm nêu gương, rèn luyện, tu dưỡng, nỗ lực thực

hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, Nhà nước, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hạn chế

Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chưa toàn diện; xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát chưa tập trung vào những lĩnh vực nổi cộm, bức xúc, dễ phát sinh sai phạm. Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các ban cán sự đảng, đảng đoàn và việc kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp còn hạn chế. Công tác tự kiểm tra để chủ động ngăn chặn, phát hiện vi phạm ở một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác nắm tình hình, phát hiện và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm tuy đã được tăng cường nhưng chưa toàn diện, chuyên sâu. Việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra, giám sát ở một số cơ quan, đơn vị

chưa nghiêm túc, kịp thời. Còn cán bộ, đảng viên suy thoái, chưa thật sự nêu gương, vi phạm đến mức phải xem xét, kỷ luật. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin trong xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên có lúc, có việc chưa chặt chẽ, còn có vụ việc để kéo dài.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa quán triệt nghiêm túc, sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; về các nội dung, tinh thần chỉ đạo của cấp trên theo từng thời điểm trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Chưa thường xuyên cập nhật, nắm vững các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; thiếu chủ động, thiếu quyết tâm, thậm chí có nơi còn tư tưởng nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc sợ ảnh hưởng đến thành tích của tập thể, cá nhân. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên của một số cơ quan, đơn vị, địa phương có thời điểm thiếu chặt chẽ. Một số cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra của Đảng năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được, đồng thời quyết tâm khắc phục những hạn chế, thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi tham nhũng, tiêu cực; củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 100% cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện tốt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm.

- Phấn đấu 100% cấp ủy, tổ chức đảng và tối thiểu 30% cấp ủy viên các cấp được kiểm tra, giám sát.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, kịp thời phát hiện, kiến nghị với cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chủ trương, chính sách, quy định đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tế.

2. Quan điểm

- Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải được tiến hành toàn diện, dân chủ, khách quan, chặt chẽ, theo đúng nguyên tắc, phương pháp, quy định của Đảng. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng, sự giám sát của nhân dân và điều chỉnh trước kỷ luật của Đảng, “không có ngoại lệ”, “không có vùng cấm”.

- Thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm tra của Nhà nước, giám sát của Hội đồng nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là chính, góp phần ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Thực hiện phương châm “giám sát phải mở rộng”, “kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”; chú trọng việc tự kiểm tra, tự soi, tự sửa. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh theo đúng quy định; chủ động cung cấp thông tin về kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo quy định, góp phần cảnh báo, răn đe, giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên.

- Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng với đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của Nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, nhất là người đứng đầu đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc, nắm vững các chủ trương, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trọng tâm là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về *công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về *đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”...*

Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản, quy định, quy chế để cụ thể hoá và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu phải thường xuyên tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát để phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm trong cơ quan, đơn vị, địa phương, không để xảy ra việc bao che, giấu giếm khuyết điểm, vi phạm, sợ ảnh hưởng đến thành tích của tập thể, cá nhân; đồng thời tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp mình và cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Các đồng chí cấp ủy viên được phân công phụ trách, theo dõi địa bàn, lĩnh vực tăng cường chỉ đạo, nắm tình hình, báo cáo kịp thời với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy về những hạn chế, tồn tại, dấu

hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên để có biện pháp xử lý kịp thời. Kết quả lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng là một trong những tiêu chí quan trọng trong kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm.

Các thành viên ủy ban kiểm tra, cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng ở cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công theo dõi, phụ trách; nếu không chủ động nắm tình hình, phát hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi phụ trách mà đề cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên hoặc cơ quan khác phát hiện vi phạm ở cơ quan, đơn vị, địa phương đó thì phải liên đới chịu trách nhiệm và phải xem xét, xử lý theo quy định.

Định kỳ, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân trong việc thực hiện các quy định, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng để kịp thời khắc phục những hạn chế và đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

2. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò, các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chú trọng thông tin, tuyên truyền các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là quy định về những điều đảng viên không được làm, về dấu hiệu nhận biết, chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm của cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, gắn với đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Chủ động công khai, cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, nhất là kết quả xử lý các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Có biện pháp bảo vệ, khuyến khích, biểu dương tổ chức, cá nhân tích cực phát hiện, quyết liệt đấu tranh với các hành vi vi phạm,

cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì mục đích chung.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp chủ động xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của nhiệm kỳ và hằng năm, đảm bảo sát với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó bám sát vào các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên và cấp mình đề ra, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung vào những địa bàn, lĩnh vực dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, tiêu cực, các vụ việc nổi cộm, phức tạp, dư luận quan tâm. Kịp thời cập nhật các chủ trương, nhiệm vụ, yêu cầu của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên và vấn đề thực tiễn đặt ra để cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, nhất là giám sát theo chuyên đề đối với cấp ủy viên, đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong thực hiện trách nhiệm nêu gương, giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đẩy mạnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát, quyết định của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy sau các cuộc kiểm tra, giám sát. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Chú trọng thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, chủ động phát hiện, ngăn chặn vi phạm trong nội bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát.

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực tiếp kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên theo quy định, nhất là đối các vụ việc, lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, quan trọng hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp ủy giao; tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt nơi xảy ra tham nhũng, tiêu cực; nơi có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; những nơi có nhiều đơn, thư phản ánh, có vụ việc khiếu kiện phức tạp, tồn đọng, kéo dài, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân... Khi cần thiết thì tiến hành kiểm tra cách cấp để ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tạo chuyển biến tích cực, toàn diện trong tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy chủ động xây dựng, kế hoạch để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định. Các ban cán sự đảng,

đảng đoàn tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, trong đó phân công các thành viên ban cán sự đảng, đảng đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra thuộc phạm vi phụ trách; chú trọng lãnh đạo việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về công tác kiểm tra có liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền của ban cán sự đảng, đảng đoàn; lãnh đạo khắc phục hậu quả, sửa chữa vi phạm, khuyết điểm (nếu có) sau kiểm tra, giám sát.

Thực hiện nghiêm các quy định về thi hành kỷ luật đảng. Tổ chức đảng, đảng viên vi phạm phải được xem xét, xử lý kịp thời, kiên quyết, đồng bộ, nghiêm minh theo quy định; đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ; nếu làm thất thoát tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường theo quy định.

Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp chỉ đạo thường xuyên rà soát, tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn, thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức đảng và đảng viên, nhất là những vụ việc tồn đọng, kéo dài. Xử lý nghiêm theo quy định

những trường hợp đưa tin, viết đơn, thư hoặc xúi giục người khác viết đơn, thư tố cáo sai sự thật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cán bộ, đảng viên, gây mất uy tín, đoàn kết nội bộ hoặc chống phá Đảng, Nhà nước.

4. Tăng cường công tác phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động phối hợp rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Thực hiện tốt các mối quan hệ công tác giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan liên quan theo quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền có giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong công tác quản lý Nhà nước, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị...

Nâng cao hiệu quả phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp.

Thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, nhất là trong việc thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đảm bảo việc xem xét, xử lý kỷ luật phải kịp thời, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể.

5. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác quy hoạch gắn với luân chuyển, đào tạo, bồi

đường, bố trí, sử dụng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực thực tiễn, tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao, công tâm, khách quan, kiên quyết bảo vệ cái đúng, đấu tranh với cái sai; đồng thời quản lý chặt chẽ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, chủ động ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nhiều, tiêu cực. Xây dựng kế hoạch và thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra theo quy định.

Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, nhất là đối với cán bộ mới được bầu tham gia ủy ban kiểm tra sau đại hội đảng bộ các cấp.

Quan tâm đầu tư, bố trí kinh phí, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện, phương tiện làm việc

phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin gắn với đổi mới lề lối làm việc, cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp trong tình hình mới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn; các ban đảng Tỉnh ủy; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai nội dung Nghị quyết này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và tuyên truyền đến các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Nghị quyết, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi, nắm tình hình việc tổ chức thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Chủ động tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ

đạo, triển khai toàn diện, sâu rộng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

ĐỀ ÁN

Thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025

(ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-UBND
ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc

MỤC TIÊU CỤ THỂ

Giai đoạn 2021-2025, thu hút được khoảng 45.000 - 50.000 tỷ đồng, trong đó vốn FDI khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng

Tập trung thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có số thu ngân sách lớn

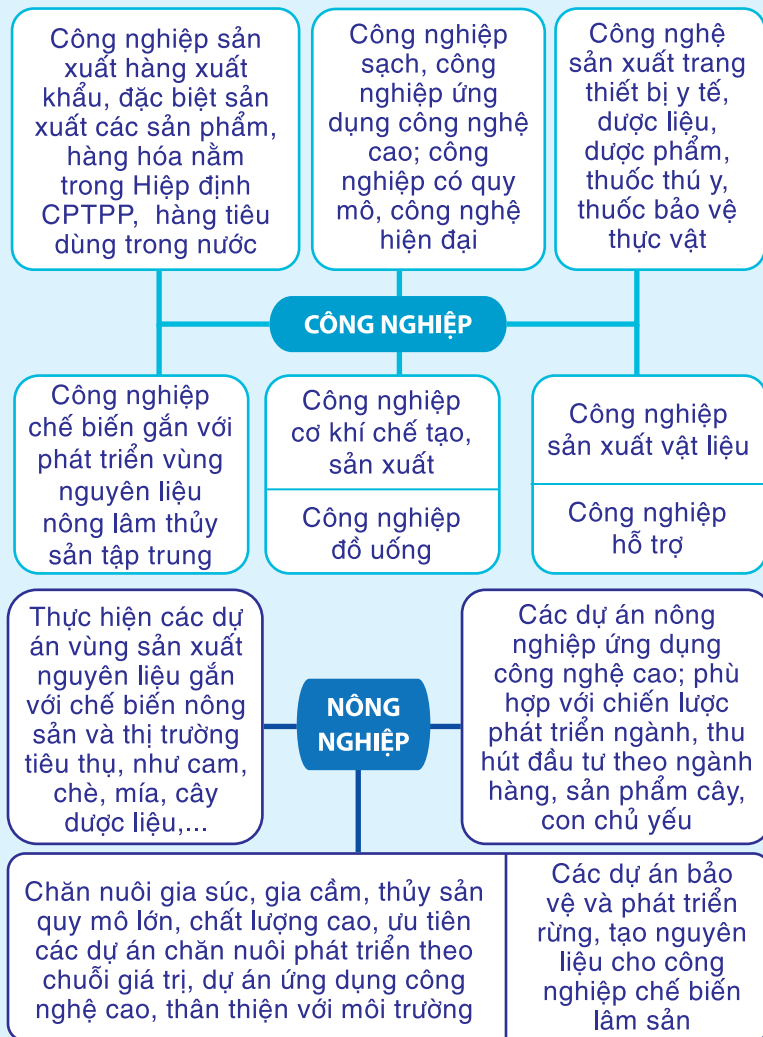
QUAN ĐIỂM

Ưu tiên thu hút nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp

Quan tâm thu hút các dự án có quy mô lớn và vừa, sản phẩm cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, có giá trị gia tăng cao; ưu tiên thu hút các dự án cung cấp nước sạch sinh hoạt, dự án thu gom xử lý nước thải, rác thải đô thị, rác thải trong khu công nghiệp; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích gắn phát triển chăn nuôi với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm

04 ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT ĐẦU TƯ

1 ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, LĨNH VỰC



Tập trung thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Khu danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình và các điểm du lịch có tiềm năng trên địa bàn các huyện, thành phố

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

Các trung tâm thương mại, siêu thị có quy mô lớn, có thương hiệu; ưu tiên các nhà đầu tư có hệ thống kinh doanh trên cả nước và quốc tế

Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Dịch vụ kho vận logistics; Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp du lịch

Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp (tiêu chuẩn 3 - 5 sao); Khu vui chơi giải trí cao cấp; hệ thống nhà hàng sinh thái, nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

GIÁO DỤC - DẠY NGHỀ

Trường Đại học quốc tế, cao đẳng quốc tế; trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tư thục chất lượng cao

Trung tâm đào tạo ngoại ngữ tầm quốc tế, có các giảng viên người nước ngoài giảng dạy

Y TẾ

Đầu tư xây dựng các bệnh viện đa khoa quốc tế; bệnh viện tư nhân chuyên khoa và đa khoa trên địa bàn các huyện

Nhà máy sản xuất thuốc, dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO

THỂ THAO

Thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ thể thao trên địa bàn các huyện, thành phố

MÔI TRƯỜNG

Nhà máy xử lý nước thải tại thành phố Tuyên Quang

Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải rắn công nghiệp, y tế

2

ĐỊNH HƯỚNG LỰA CHỌN ĐỐI TÁC TÌM KIẾM, XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng kêu gọi nhà đầu tư thứ cấp đầu tư những dự án sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có số thu ngân sách lớn

Đối tác có năng lực tài chính lớn, có bề dày kinh nghiệm; các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế phát triển

Đối tác trọng tâm theo quốc gia, vùng lãnh thổ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore; các nhà đầu tư đến từ các nước có nền kinh tế phát triển, các nước sở hữu công nghệ thuộc nhóm G7, các nước có nền kinh tế mới nổi

3

ĐỊNH HƯỚNG VỀ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tạo việc làm và thu nhập cho người dân địa phương, tạo giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tăng thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

Bảo vệ môi trường, sử dụng ít diện tích đất, tài nguyên, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường

Có tác động lan tỏa tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội

Đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội

4

ĐỊNH HƯỚNG THEO ĐỊA BÀN

Tập trung thu hút đầu tư hạ tầng các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Chú trọng thu hút đầu tư vào khu vực đô thị, các khu vực khác có sẵn hạ tầng; địa bàn các huyện Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang

Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu, điểm du lịch, địa bàn du lịch trọng điểm của tỉnh

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cả hệ thống chính trị vào cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính

2

Nhóm giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách

3

Nhóm giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư

4

Phát triển cơ sở hạ tầng

5

Nhóm giải pháp về hỗ trợ nhà đầu tư

6

Nhóm giải pháp tăng khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh

7

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư

ĐỀ ÁN

Thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025

*(ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-UBND
ngày 02/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I- TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Một số kết quả đạt được

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện nhiều giải pháp thu hút đầu tư. Do đó, công tác đầu tư đã đạt được kết quả rõ rệt, thu hút được nhiều dự án đầu tư, trong đó có nhiều dự án quy mô lớn, nhà đầu tư mạnh đến nghiên cứu, khảo sát, đề xuất dự án đầu tư và triển khai đầu tư; giải quyết nhiều việc làm mới cho lao động địa phương, tăng thu ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hạn chế

Hiệu quả thu hút đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, chưa phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, số lượng dự án còn ít, chưa thu hút được nhiều dự án có tính tạo động lực, lan tỏa, hàm lượng công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Khả năng tích lũy vốn nội bộ của địa phương còn nhiều hạn chế và nguồn thu trung ương cấp hằng năm không thể hỗ trợ đủ nhu cầu. Thực trạng thu hút đầu tư trên địa bàn Tuyên Quang trong thời gian qua cho thấy, ngoài yếu tố khách quan, về cơ bản Tuyên Quang chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết đảm bảo cho nhà đầu tư thực hiện dự án một cách hiệu quả, môi trường đầu tư còn nhiều hạn chế, năng lực cạnh tranh của tỉnh còn thấp.

II- NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài

đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021 - 2025, thu hút được khoảng 45.000 - 50.000 tỷ đồng, trong đó vốn FDI khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng.

3. Quan điểm về thu hút đầu tư

Một là, tập trung thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển chung của tỉnh, có số thu ngân sách lớn.

Hai là, quan tâm thu hút các dự án có quy mô lớn và vừa, sản phẩm cạnh tranh, tham gia chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, có giá trị gia tăng cao; ưu tiên thu

hút các dự án cung cấp nước sạch sinh hoạt, dự án thu gom xử lý nước thải, rác thải đô thị, rác thải trong khu công nghiệp; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích gắn phát triển chăn nuôi với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Ba là, ưu tiên thu hút nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

4. Định hướng thu hút đầu tư

4.1. Định hướng ngành, lĩnh vực

a) Công nghiệp

- Công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt sản xuất các sản phẩm, hàng hóa nằm trong Hiệp định CPTPP, hàng tiêu dùng trong nước.

- Công nghiệp sạch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp có quy mô, công nghệ hiện đại.

- Công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị tự động hóa.

- Công nghiệp cơ khí chế tạo, sản xuất: Luyện kim, lắp ráp các bảng mạch điện tử; sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy và thiết bị, phụ tùng ô tô, xe máy; máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao.

- Công nghiệp chế biến gắn với phát triển vùng nguyên liệu nông lâm thủy sản tập trung.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu: Vật liệu xây dựng không nung, vật liệu mới trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Công nghiệp đồ uống: Nhà máy bia, các dự án sản xuất đồ uống.

- Công nghệ sản xuất trang thiết bị y tế, dược liệu, dược phẩm, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Dịch vụ thương mại, du lịch

- Tập trung thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, Khu danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Na Hang - Lâm Bình và các điểm du lịch có tiềm năng trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Các trung tâm thương mại, siêu thị có quy mô lớn, có thương hiệu; ưu tiên các nhà đầu tư có hệ thống kinh doanh trên cả nước và quốc tế.

- Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Dịch vụ kho vận logistics; Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp du lịch.

- Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn cao cấp (tiêu chuẩn 3 - 5 sao); Khu vui chơi giải trí cao cấp; hệ thống nhà hàng sinh thái, nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

c) Nông nghiệp

- Tập trung vào thực hiện các dự án vùng sản xuất nguyên liệu gắn với chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, như cam, chè, mía, cây dược liệu,...

- Các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phù hợp với chiến lược phát triển ngành, thu hút đầu tư theo ngành hàng, sản phẩm cây, con chủ yếu.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung quy mô lớn, chất lượng cao, ưu tiên các dự án chăn nuôi phát triển theo chuỗi giá trị, dự án ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải khép

kín, thân thiện với môi trường, địa điểm, diện tích sử dụng đất phù hợp với quy mô dự án.

- Các dự án bảo vệ và phát triển rừng, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản.

d) Giáo dục - dạy nghề

- Trường Đại học quốc tế, cao đẳng quốc tế; trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tư thục chất lượng cao.

- Trung tâm đào tạo ngoại ngữ tầm quốc tế, có các giảng viên người nước ngoài giảng dạy.

đ) Y tế

- Đầu tư xây dựng các bệnh viện đa khoa quốc tế; bệnh viện tư nhân chuyên khoa và đa khoa trên địa bàn các huyện.

- Nhà máy sản xuất thuốc, dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương.

e) Thể thao: Thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ thể thao (sân bóng đá, bể bơi,...) trên địa bàn các huyện, thành phố.

g) Môi trường

- Nhà máy xử lý nước thải tại thành phố Tuyên Quang.

- Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải rắn công nghiệp, y tế.

4.2. Định hướng lựa chọn đối tác tìm kiếm, xúc tiến đầu tư

Nhà đầu tư phát triển kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng kêu gọi nhà đầu tư thứ cấp đầu tư những dự án sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có số thu ngân sách lớn.

Đối tác có năng lực tài chính lớn, có bề dày kinh nghiệm: Các tập đoàn, tổng công ty; các công ty có hệ thống kinh doanh trên cả nước; các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế phát triển, như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...

Đối tác trọng tâm theo quốc gia, vùng lãnh thổ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và các nhà đầu tư

đến từ các nước có nền kinh tế phát triển, các nước sở hữu công nghệ thuộc nhóm G7 bao gồm: Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh; các nước có nền kinh tế mới nổi như: Ấn Độ, Nga, Brazil,...

4.3. Định hướng về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư

Việc thu hút các dự án đầu tư phải xem xét đảm bảo các tiêu chí sau:

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân địa phương, tạo giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tăng thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Bảo vệ môi trường, sử dụng ít diện tích đất, tài nguyên, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Có tác động lan tỏa tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, như: Tạo cơ hội hợp tác ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng,...

- Đảm bảo củng cố và giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

4.4. Định hướng theo địa bàn

- Tập trung thu hút đầu tư hạ tầng các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Chú trọng thu hút đầu tư vào khu vực đô thị, các khu vực khác có sẵn hạ tầng; địa bàn các huyện Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang.

- Ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu, điểm du lịch, địa bàn du lịch trọng điểm của tỉnh.

5. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

5.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cả hệ thống chính trị vào cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức từ lãnh đạo các cấp, các ngành, cán bộ công chức, nhất là các cơ quan liên quan đến việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tuyên truyền, vận động tạo đồng thuận cao trong

Nhân dân và cán bộ; huy động cả hệ thống chính trị vào thực hiện nhiệm vụ thu hút đầu tư. Tập trung khắc phục có hiệu quả những nguyên nhân gây trở ngại, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan do lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường chỉ đạo thanh tra công vụ thường xuyên đối với việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước. Các cấp chính quyền thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, đối thoại bình đẳng, phản ánh trung thực các vấn đề phát sinh, cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

5.2. Nhóm giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách

Tập trung đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch sử dụng đất cấp

huyện giai đoạn 2021 - 2030. Điều chỉnh mở rộng quy hoạch Khu công nghiệp Long Bình An, thành phố Tuyên Quang, Cụm công nghiệp Thắng Quân, huyện Yên Sơn; Quy hoạch thành lập mới các khu, cụm công nghiệp.

Nghiên cứu, đề xuất kiến nghị Chính phủ có cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt nhằm thu hút một số nhà đầu tư chiến lược, khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có số thu ngân sách lớn và có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và ban hành Sổ tay hướng dẫn quy định thực hiện dự án đầu tư.

Tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách thu hút các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.

5.3. Nhóm giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư

Triển khai các nhiệm vụ, nội dung quản lý nhà nước về các hoạt động xúc tiến đầu tư theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Tiếp tục theo dõi, vận động, hỗ trợ các đối tác trọng điểm, dự án của các Tập đoàn lớn đang trong quá trình nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện; hỗ trợ tối đa, giải quyết nhanh các thủ tục liên quan, vương mắc khó khăn khi nhà đầu tư có quyết định đầu tư.

Nghiên cứu và có chính sách vận động thu hút đầu tư các đối tác, nhà đầu tư trọng điểm phù hợp với định hướng đầu tư của tỉnh. Gắn hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh với Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, các

bộ, ngành trung ương, các địa phương trong khu vực và các tỉnh, thành phố lớn.

Tăng cường hỗ trợ các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để các dự án triển khai thuận lợi, có hiệu quả. Thường xuyên gặp gỡ, trao đổi và tọa đàm với doanh nghiệp thông qua Chương trình “Cà phê doanh nhân” tổ chức hàng quý.

Xây dựng các tài liệu xúc tiến đầu tư đảm bảo về nội dung, hình thức để quảng bá thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh.

Tập trung huy động, khai thác tốt các nguồn lực về tài chính. Chủ động bám sát các cơ quan trung ương để phối hợp thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh.

5.4. Phát triển cơ sở hạ tầng

Gắn kết chặt chẽ giữa đầu tư công với đầu tư tư với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” và “lấy đầu tư công thu hút đầu tư tư”. Tập trung chỉ đạo xây dựng các hạ tầng quan trọng phục vụ thu hút

đầu tư, nhất là hạ tầng về giao thông, đô thị động lực, hạ tầng công nghệ thông tin.

Tập trung thu hút đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, thành phố Tuyên Quang.

Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

5.5. Nhóm giải pháp về hỗ trợ nhà đầu tư

a) Công tác giải phóng mặt bằng

Hàng năm, xây dựng và ban hành kế hoạch giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong nhân dân tại địa phương nghiêm chỉnh chấp hành quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chỉ đạo xóa bỏ những vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác bồi thường, giải phóng mặt

bằng và tái định cư; hỗ trợ nhà đầu tư có được mặt bằng nhanh chóng, thuận lợi.

b) Hỗ trợ cung ứng, đào tạo lao động

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đa dạng theo các lĩnh vực, ngành nghề. Triển khai mạnh mẽ đào tạo theo nhu cầu, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở có sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước để phát triển nguồn nhân lực. Khuyến khích, tạo điều kiện liên kết, hợp tác đào tạo nghề giữa nhà đầu tư với các trường, trung tâm dạy nghề.

c) Nghiên cứu, đề xuất thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và trả kết quả liên thông giữa các cơ quan và xây dựng Chính quyền điện tử.

d) Tăng cường hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết nhanh chóng và thuận lợi các thủ tục hành chính về chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các thủ tục hành chính khác liên quan đến việc triển khai thực hiện đầu tư.

5.6. Nhóm giải pháp tăng khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh

a) Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch xây dựng phân khu đô thị, quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp đã được phê duyệt để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, trong đó đặc biệt giảm thiểu chi phí về thủ tục hồ sơ khi cấp giấy chứng nhận.

5.7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai

Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai, nhất là tình trạng chiếm dụng, lấn chiếm, sử dụng sai mục đích. Tăng cường

thanh tra, kiểm tra sử dụng đất của các tổ chức và kiên quyết thu hồi đất đối với doanh nghiệp được giao đất, cho thuê đất, nhưng chậm triển khai hoặc vi phạm Luật Đất đai.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật bảo vệ môi trường... Kiên quyết xử lý những dự án có vi phạm, đặc biệt là những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Đảm bảo an ninh trật tự cho các nhà đầu tư triển khai dự án trên địa bàn

Thường xuyên theo dõi, giám sát để ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra đình công, tranh chấp giữa chủ doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Xem xét, xử lý nghiêm đối với các trường hợp có hành vi xúi giục, kích động, gây rối, phá hoại đến hoạt động triển khai dự án và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và nhà đầu

tư. Can thiệp kịp thời, có hiệu quả để dự án hoạt động bình thường, tạo tâm lý an tâm cho nhà đầu tư khi triển khai dự án trên địa bàn tỉnh.

d) Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, hạn chế tình trạng dự án triển khai chậm tiến độ hoặc không triển khai.

III- PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan thường trực tổ chức theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố và cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án. Rà soát các thủ tục hành chính, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định do cắt giảm thủ tục hành chính và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục đầu tư. Nghiên cứu xây dựng và ban hành Sổ tay hướng dẫn quy định thực hiện dự án đầu tư. Đề xuất thực hiện thí điểm cơ chế một cửa, một đầu mối thực hiện tiếp nhận, trả kết quả thực hiện thủ tục đầu tư các dự án. Là

cơ quan đầu mối, thường xuyên theo dõi, nắm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, kịp thời tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố thường xuyên rà soát, kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh thu hồi chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án không triển khai hoặc triển khai quá chậm làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và giảm hiệu quả sử dụng đất. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hệ thống hóa các cơ chế, chính sách về đầu tư trong văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh để kịp thời tham mưu ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định. Xây dựng và triển khai thực hiện Hệ thống phần mềm quản lý các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành Danh mục các dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Xây

dụng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ; Trung tâm xúc tiến đầu tư; UBND các huyện, thành phố; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong Đề án, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

ĐỀ ÁN

Phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

(ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-UBND
ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ THỰC TRẠNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

1

THỰC TRẠNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

05/05 năm hoàn thành dự toán Bộ Tài chính giao, 04/05 năm hoàn thành dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVI đề ra; tốc độ tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 10%; quy mô thu nội địa tăng 1,4 lần so với giai đoạn 2011 - 2015

Cơ cấu thu nội địa giai đoạn 2016 - 2020 chủ yếu là nguồn thu từ thuế, phí (chiếm 73,1%), sau đó là nguồn thu các khoản từ đất (19,1%) và nhóm các khoản thu khác còn lại (7,8%)

Trong 11 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, tổng thu nội địa của tỉnh đã tăng từ vị trí 07/11 tỉnh vào năm 2016 lên vị trí thứ 6/11 tỉnh vào năm 2020

Chỉ tiêu nợ thuế trên tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh hằng năm đảm bảo dưới 5% trên tổng thu ngân sách nhà nước. 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thuế điện tử, 95% nộp thuế điện tử

Thực hiện tốt công tác triển khai, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính – ngân sách nhà nước theo phân cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kỷ cương, kỷ luật tài chính... Hằng năm, hoàn thành các chỉ tiêu dự toán được Bộ Tài chính và HĐND tỉnh giao, các mục tiêu chi ngân sách địa phương đề ra, cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 được đảm bảo

Cơ cấu chi đã có sự chuyển biến tích cực, tương quan giữa các bộ phận cấu thành chi ngân sách địa phương. Chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Chi thường xuyên đã tiết kiệm, cắt giảm các nhiệm vụ chi không cần thiết để từng bước giảm chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách địa phương

Công tác lập và phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tỉnh có những chuyển biến tích cực, phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đúng cơ cấu và quy định của nhà nước...

Đến năm 2020, đã thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính 130/588 đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại 11 doanh nghiệp có đủ điều kiện

Tổ chức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý và kiểm tra hiện trạng nhà đất, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tiếp tục xây dựng, nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công...

TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1 Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tồn tại, hạn chế

Quy mô còn nhỏ, tỷ trọng thu trên địa bàn đáp ứng nhiệm vụ chi còn thấp. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm dần; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ, có xu hướng giảm; tốc độ tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh còn chậm (bình quân giai đoạn chỉ đạt 8,9%), tình ổn định không cao, chưa có nhiều doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước trên 10 tỷ đồng/năm, phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, nông lâm sản đóng góp rất thấp cho ngân sách nhà nước

Hiệu quả thu ngân trong lĩnh vực đất đai và tài nguyên khoáng sản còn hạn chế. Một số huyện, thành phố thiếu quy hoạch đồng bộ trong đấu giá thu tiền sử dụng đất. Việc chấp hành nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của một số doanh nghiệp còn chưa kịp thời. Chưa triệt để thực hiện đấu giá theo quy định tại Điều 118 Luật đất đai. Tình trạng giao dịch mua, bán bất động sản trên thị trường kê khai giá tính thuế thấp hơn giá thực tế nhằm giảm số thuế thu nhập cá nhân và Lệ phí trước bạ nộp vào ngân sách nhà nước còn diễn ra phổ biến

Công tác tuyên truyền, phổ biến về thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách chưa phong phú, đa dạng, hiệu quả chưa cao. Tổng số nợ thuế có xu hướng tăng. Công tác chống thất thu đã góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước nhưng hiệu quả chưa cao

Công tác phối hợp giữa các sở, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố trong kiểm tra, chống thất thu đối với sản lượng xăng dầu còn hạn chế. Công tác phối hợp quản lý thuế có thời điểm chưa chủ động, đồng bộ, kịp thời...

NGUYÊN NHÂN

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế

Vị trí địa lý của tỉnh không thuận lợi, không có cảng biển, không có cửa khẩu, chưa có đường hàng không, đường sắt, đường cao tốc

Ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19

Quy mô các doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ, năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp

Thu hút đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu

Ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số ít người nộp thuế chưa tốt, làm tăng nợ thuế, giảm thu ngân sách nhà nước

Một số báo cáo, thống kê thuế chưa hoàn chỉnh, chưa tích hợp với các số liệu quản lý khác của các ngành nên còn hạn chế trong đánh giá rủi ro. Năng lực, kỹ năng của một số cán bộ công chức ngành thuế còn hạn chế; số lượng công chức thuế so với biên chế hành chính được giao còn thiếu

Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ chi đầu tư phát triển có tốc độ tăng giữa các năm không đồng đều. Tỷ trọng chi thường xuyên giảm chậm. Hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước chưa cao, việc điều chỉnh nguồn kinh phí trong năm còn nhiều; chi chuyển nguồn hằng năm tăng cao, kết dư ngân sách lớn. Còn tình trạng tham mưu xây dựng một số chương trình, đề án, chế độ chưa cân đối được nguồn lực để thực hiện đảm bảo kế hoạch, lộ trình đề ra; một số chính sách ban hành nhưng đối tượng thụ hưởng còn ít. Công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách nhà nước chưa đảm bảo kịp thời, đầy đủ.

Việc thực hiện và giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn gặp khó khăn. Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp còn chồng chéo, chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lớn; việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kịp thời; công tác xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn hạn chế

Chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa sát với thực tiễn. Bố trí, phân bổ vốn đầu tư còn phân tán dàn trải, một số dự án phê duyệt chủ trương đầu tư vượt khả năng cân đối vốn

Chất lượng của quy hoạch còn thấp, tính dự báo còn hạn chế. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều trở ngại, vướng mắc, mất nhiều thời gian. Một số chủ đầu tư còn chậm trễ trong việc hoàn thành chứng từ thanh toán khối lượng hoàn thành. Chất lượng hồ sơ quyết toán một số dự án còn chưa đảm bảo

Việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, độ tin cậy thấp, phân tán ở nhiều cơ quan, tổ chức. Tỷ lệ chênh lệch giá trúng đấu giá không ổn định giữa các năm và giữa các huyện, thành phố

NGUYÊN NHÂN

Trung ương ban hành nhiều chính sách nhưng phân cấp cho địa phương tự cân đối nguồn kinh phí thực hiện

Chưa có căn cứ để xác định, phân loại và giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính theo quy định. Nhiều văn bản pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập chậm được ban hành hoặc chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung

Thế chế pháp luật về đầu tư công chưa thực sự đồng bộ, thống nhất

Trình độ năng lực của một số cán bộ quản lý dự án đầu tư còn hạn chế

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật có nhiều nội dung triển khai vì vậy các cơ quan, đơn vị chưa kịp thời nắm bắt, triển khai đầy đủ các nội dung theo quy định

Nhiều cơ quan, đơn vị chưa chú trọng công tác quản lý tài sản công

PHÁT TRIỂN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

MỤC TIÊU

Bao quát đầy đủ các nguồn thu, cơ sở thu trên địa bàn toàn tỉnh, thu đúng, thu đủ các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định, đưa ra các giải pháp cụ thể tạo nguồn thu phần đầu đạt mục tiêu: Thu ngân sách nhà nước đến năm 2025 đạt trên 5.300 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đến năm 2025 phần đầu đạt trên 5.000 tỷ đồng, tăng thu bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 20,3%, tỷ lệ huy động thu nội địa/GRDP đạt trên 9,5% cao hơn so với năm 2020

1

Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu tăng trưởng, bền vững từ khu vực sản xuất kinh doanh

2

Gia tăng hiệu quả các nguồn thu từ các khoản thu từ đất và tài nguyên khoáng sản

3

Các giải pháp về cơ chế và chính sách

GIẢI PHÁP

4

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước và chống thất thu ngân sách nhà nước

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phấn đấu thực hiện đến mức cao nhất mục tiêu tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách; quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách địa phương; đẩy mạnh tái cấu trúc chi ngân sách nhà nước, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công, ưu tiên dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội và thực hiện 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm góp phần từng bước đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Động viên nguồn thu vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 từng bước đảm bảo nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh

Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; tiếp tục thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước và nợ công theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị. Phấn đấu trong tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỷ trọng chi đầu tư phát triển ổn định hơn giai đoạn trước và chiếm khoảng 30 - 35%, tỷ trọng chi thường xuyên chiếm khoảng 65 - 70%.

Đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên; chi cho con người, an sinh xã hội; chi cho quốc phòng, an ninh, các chính sách do địa phương ban hành và trung ương ban hành, địa phương đảm bảo nguồn; thực hiện chính sách tiền lương cùng với việc thúc đẩy mạnh mẽ cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công; tinh giản biên chế và tiết kiệm chi thường xuyên. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường đảm bảo tối thiểu bằng số trung ương giao

Tiếp tục tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW dành nguồn lực đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, thu hút đầu tư, có sức lan tỏa và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

Tích cực cơ cấu chi thường xuyên để thực hiện bổ sung vốn đầu tư phát triển, trong đó: Từ 30% nguồn tăng thu dự toán hằng năm và từ nguồn tiết kiệm chi các cấp ngân sách

Cân đối nguồn lực góp phần thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù do tỉnh ban hành; thực hiện 3 khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1

Triển khai tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật về tài chính ngân sách; đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương

2

Tổ chức lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả

3

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực, toàn diện và bền vững. Kiểm soát quy mô chi ngân sách trong phạm vi khả năng nguồn lực của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung nguồn lực cho các công trình trọng điểm thực hiện 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm

4

Xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình, tập trung và dứt điểm. Nâng cao hiệu quả chi đầu tư công

5

Xây dựng lộ trình xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm dần chi ngân sách nhà nước; cùng với nguồn ngân sách địa phương và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và xây dựng nông thôn mới

6

Đẩy mạnh quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước. Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công ở cấp địa phương

7

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán

ĐỀ ÁN

Phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

*(ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-UBND
ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ THỰC TRẠNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

1. Thực trạng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

Công tác thu ngân sách trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020 đã có những kết quả tích cực, 05/05 năm hoàn thành dự toán Bộ Tài chính giao, 04/05 năm hoàn thành dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVI đề ra, số thu năm sau cao hơn năm trước, góp phần đảm bảo nguồn lực cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả cụ thể: Tổng thu ngân sách nhà nước

trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện 9.921,78 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 10%; trong đó tổng thu nội địa thực hiện 9.374,3 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân đạt 10,7%, thu nội địa đã có nhiều tiến bộ rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước, quy mô thu nội địa tăng 1,4 lần so với giai đoạn 2011 - 2015.

Cơ cấu thu nội địa giai đoạn 2016 - 2020 chủ yếu là nguồn thu từ thuế, phí (chiếm 73,1%), sau đó là nguồn thu các khoản từ đất (19,1%) và nhóm các khoản thu khác còn lại (7,8%). Trong 11 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, tổng thu nội địa của tỉnh đã tăng từ vị trí 07/11 tỉnh vào năm 2016 lên vị trí thứ 6/11 tỉnh vào năm 2020.

Công tác quản lý thuế được quan tâm thực hiện; đa dạng hóa, hiện đại hóa các hình thức tuyên truyền về thuế. Hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, khó khăn cho người nộp thuế. Công tác quản lý cấp mã số thuế được thực hiện kịp thời. Công tác hoàn thuế đã từng bước được hiện đại hoá. Công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh. Triển khai thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp quản lý nợ thuế, đôn đốc thu hồi kịp

thời số nợ đọng thuế vào ngân sách và hạn chế thấp nhất số nợ mới phát sinh. Thành lập Tổ chỉ đạo thu nợ và cưỡng chế nợ thuế để nâng cao hiệu quả công tác chống thất thu ngân sách và xử lý nợ đọng thuế theo quy định của pháp luật. Chỉ tiêu nợ thuế trên tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh hằng năm đảm bảo dưới 5% trên tổng thu ngân sách nhà nước. Triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính thuế, hiện đại hóa công tác quản lý thuế tạo thuận lợi cho NNT: Tổng số Thủ tục hành chính thuế cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3, 4 là 194 trong tổng số 304 thủ tục thuế, 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khai thuế điện tử, trên 95% doanh nghiệp nộp thuế điện tử.

2. Công tác điều hành và thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách giai đoạn 2016 - 2020

Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định của Chính phủ; Thông tư của các bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước theo cấp, nâng cao

hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kỷ cương, kỷ luật tài chính... Kịp thời ban hành các cơ chế thuộc lĩnh vực tài chính ngân sách để tổ chức thực hiện trong giai đoạn.

UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành quyết liệt nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước đảm bảo hằng năm hoàn thành các chỉ tiêu dự toán được Bộ Tài chính, HĐND tỉnh giao. Tổ chức tốt việc thực hiện rà soát, quản lý, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được giao và Luật ngân sách nhà nước. Chi ngân sách địa phương hằng năm đã hoàn thành các mục tiêu đề ra, xây dựng phương án điều hành ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Trung ương, cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 được đảm bảo. Công tác thanh tra tài chính - ngân sách được đẩy mạnh.

Cơ cấu chi đã có sự chuyển biến tích cực, tương quan giữa các bộ phận cấu thành chi ngân sách địa phương theo hướng tăng hợp lý chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên và

các nhiệm vụ quan trọng phát sinh, bảo đảm nguồn thực hiện cải cách tiền lương tăng trung bình 7%/năm. Chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Chi thường xuyên đã tiết kiệm, cắt giảm các nhiệm vụ chi không cần thiết để từng bước giảm chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách địa phương.

Công tác lập và phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tỉnh trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đúng cơ cấu và quy định của nhà nước; tổ chức phân cấp mạnh trong quản lý ngân sách và đầu tư tổ chức phân cấp mạnh trong quản lý ngân sách và đầu tư; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn, đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước có hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát; từng bước giảm dần nợ khối lượng xây dựng cơ bản trên địa bàn; quy trình phân bổ kế hoạch được triển khai kịp thời, chặt chẽ, công khai, minh bạch, công bằng, đảm bảo đúng quy định. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý nợ đọng trong

xây dựng cơ bản tại các địa phương. Bố trí chi trả nợ vay hằng năm theo khoản 6, Điều 7 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 từ nguồn vốn đầu tư phân cấp cho tỉnh đảm bảo đúng quy định; đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình. Công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản đúng, chi kịp thời.

Cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được đẩy mạnh. Từng bước chuyển đổi từ cơ chế phí sang giá dịch vụ; mở rộng mạng lưới các cơ sở cung ứng dịch vụ sự nghiệp công ngoài công lập và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2020 đã thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính 130/588 đơn vị sự nghiệp công lập. Cùng với đó, đã thực hiện sắp xếp, chuyển đổi, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại 11 doanh nghiệp có đủ điều kiện.

Tổ chức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý kịp thời, đúng quy định; tiếp tục xây dựng, nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công; việc thực hiện mua sắm tập trung trên địa

bàn tỉnh đã mang lại nhiều lợi ích, góp phần tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và tăng cường công khai, minh bạch trong mua sắm tài sản công. Việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh đã tuân thủ các quy định của pháp luật; việc đầu tư, trang bị và sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Công tác thanh tra tài chính - ngân sách được đẩy mạnh, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ, đảm bảo đúng mục đích, đối tượng và hiệu quả.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

1.1. Tồn tại, hạn chế

Quy mô còn nhỏ, cơ cấu thu ngân sách tuy đã có nhiều cải thiện nhưng tỷ trọng thu trên địa bàn đáp ứng nhiệm vụ chi còn thấp. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm dần, tăng trưởng âm 0,6% trong giai đoạn 2016 - 2020 (kết quả thu năm 2020 thấp hơn năm 2016); thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu, đóng góp của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu

tư nước ngoài có xu hướng giảm; tốc độ tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh còn chậm (bình quân giai đoạn chỉ đạt 8,9%), tính ổn định không cao, chưa có nhiều doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước trên 10 tỷ đồng/năm, phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, nông lâm sản đóng góp rất thấp cho ngân sách nhà nước.

Hiệu quả thu ngân trong lĩnh vực đất đai và tài nguyên khoáng sản còn hạn chế. Việc quy hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất tại một số huyện, thành phố thiếu quy hoạch đồng bộ dẫn đến kết quả chưa tương xứng với những tiềm năng về nguồn thu từ đất. Việc chấp hành nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của một số doanh nghiệp còn chưa kịp thời. Chưa triệt để thực hiện đấu giá theo quy định tại Điều 118 Luật đất đai. Tình trạng giao dịch mua, bán bất động sản trên thị trường kê khai giá tính thuế thấp hơn giá thực tế nhằm giảm số thuế thu nhập cá nhân và Lệ phí trước bạ nộp vào ngân sách nhà nước còn diễn ra phổ biến.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về thực hiện các chấp

hành nghĩa vụ nộp ngân sách chưa phong phú, đa dạng, hiệu quả chưa cao. Tổng số nợ thuế có xu hướng tăng, chủ yếu do tăng khoản tiền chậm nộp và nhiều khoản nợ khó thu chưa được xóa. Công tác chống thất thu đã góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước nhưng hiệu quả chưa cao.

Xuất hiện những tồn tại về công tác phối hợp giữa các Sở, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố trong công tác kiểm tra, chống thất thu đối với sản lượng xăng dầu mua bán thực tế và kê khai. Trong công tác phối hợp quản lý thuế có thời điểm còn chưa chủ động, đồng bộ, kịp thời để thu kịp thời vào ngân sách nhà nước.

1.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Vị trí địa lý của tỉnh không thuận lợi, không có cảng biển, không có cửa khẩu, chưa có đường hàng không, đường sắt, đường cao tốc, rất khó khăn trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

+ Với đặc thù là tỉnh miền núi, giá trị sản xuất

nông nghiệp, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Do đó, các chính sách về pháp luật đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp có nhiều ưu đãi miễn, giảm thuế; các sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là những nguyên nhân khách quan tác động đến thu ngân sách nhà nước của tỉnh. Ngoài ra, trong giai đoạn 2016 - 2020 có một số chính sách đã tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước.

+ Ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Quy mô các doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp, số nộp ngân sách nhà nước chưa cao. Mặc dù số thu từ khu vực sản xuất kinh doanh tăng qua từng năm nhưng không tương xứng với tốc độ tăng của doanh nghiệp, cho thấy “sức khỏe” - hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn thấp.

+ Thu hút đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu

+ Ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số ít

người nộp thuế chưa tốt, có trường hợp còn chây ì, trốn tránh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.... làm tăng số nợ thuế, giảm số thu ngân sách nhà nước.

+ Các ứng dụng công nghệ thông tin tuy đã đáp ứng được yêu cầu quản lý và hỗ trợ cho cán bộ thuế trong việc phân tích hồ sơ kê khai thuế của các doanh nghiệp nhưng một số báo cáo, thống kê thuế chưa hoàn chỉnh, chưa tích hợp với các số liệu quản lý khác của các ngành nên còn hạn chế trong việc đánh giá rủi ro. Năng lực, kỹ năng quản lý thuế của một số cán bộ công chức ngành thuế còn hạn chế, chưa giành nhiều thời gian nghiên cứu sâu chế độ, chính sách liên quan đến lĩnh vực, nhiệm vụ được giao; số lượng công chức thuế so với biên chế hành chính được giao còn thiếu.

2. Về công tác điều hành và thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách

Tỷ lệ chi đầu tư phát triển bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 35,64% tổng chi ngân sách địa phương, tuy nhiên tốc độ tăng giữa các năm không đồng đều. Nguồn tăng thêm chủ yếu là nguồn ngân sách Trung

ương bổ sung có mục tiêu. Tỷ trọng chi thường xuyên giảm, nhưng còn chậm. Hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước chưa cao, việc điều chỉnh nguồn kinh phí trong năm còn nhiều; chi chuyển nguồn hằng năm tăng cao, kết dư ngân sách lớn. Còn tình trạng tham mưu xây dựng một số chương trình, đề án, chế độ nhưng chưa cân đối được nguồn lực để tổ chức thực hiện đảm bảo kế hoạch, lộ trình đã đề ra; một số chính sách ban hành nhưng đối tượng thụ hưởng còn ít. Công khai, minh bạch về tài chính, ngân sách nhà nước chưa đảm bảo kịp thời, đầy đủ. Trung ương ban hành nhiều chính sách nhưng phân cấp cho địa phương tự cân đối nguồn kinh phí thực hiện.

Việc thực hiện và giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn gặp khó khăn do chưa có căn cứ để xác định, phân loại và giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính theo quy định. Nhiều văn bản pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập chậm được ban hành hoặc chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung. Hệ thống tổ chức

các đơn vị sự nghiệp còn cồng kềnh, chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lớn; việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự, nghiệp công chưa kịp thời; công tác xã hội hóa lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công còn hạn chế. Các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh về cơ bản chưa đáp ứng được nhu cầu.

Thế chế pháp luật về đầu tư công chưa thực sự đồng bộ, thống nhất. Chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa sát với thực tiễn còn phát sinh nhiều dự án không có trong kế hoạch đầu tư công. Bố trí, phân bổ vốn đầu tư còn phân tán dàn trải, một số dự án phê duyệt chủ trương đầu tư vượt khả năng cân đối vốn.

Chất lượng của quy hoạch còn thấp, tính dự báo còn hạn chế. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều trở ngại, vướng mắc, mất nhiều thời gian. Một số chủ đầu tư còn chậm trễ trong việc hoàn thành chứng từ

thanh toán khối lượng hoàn thành. Trình độ năng lực của một số cán bộ quản lý dự án đầu tư còn hạn chế. Chất lượng hồ sơ quyết toán một số dự án còn chưa đảm bảo.

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật có nhiều nội dung triển khai vì vậy các cơ quan, đơn vị chưa kịp thời nắm bắt, triển khai đầy đủ các nội dung theo quy định. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, độ tin cậy thấp, phân tán ở nhiều cơ quan, tổ chức do nhiều cơ quan, đơn vị chưa chú trọng công tác quản lý tài sản công. Tỷ lệ chênh lệch giá trúng đấu giá giai đoạn 2016 - 2020 không ổn định giữa các năm và giữa các huyện, thành phố; giai đoạn 2016 - 2018 trung bình tăng 16,2% so với giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; tuy nhiên giai đoạn từ năm 2019 - 2020 tỷ lệ chênh lệch tăng cao, bình quân là 35,9% so với giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất.

B- NỘI DUNG CƠ BẢN, CỐT LÕI CỦA ĐỀ ÁN

I. PHÁT TRIỂN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu

Bao quát đầy đủ các nguồn thu, cơ sở thu trên địa bàn toàn tỉnh, thu đúng, thu đủ các khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định, đưa ra các giải pháp cụ thể tạo nguồn thu phấn đấu đạt mục tiêu: Thu ngân sách nhà nước đến năm 2025 đạt trên 5.300 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đến năm 2025 phấn đấu đạt trên 5.000 tỷ đồng, tăng thu bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 20,3%, tỷ lệ huy động thu nội địa/GRDP đạt trên 9,5% cao hơn so với năm 2020.

2. Các giải pháp phát triển nguồn thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu tăng trưởng, bền vững từ khu vực sản xuất kinh doanh.

- Triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Tỉnh ủy,

các đề án về phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025: Đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng GRDP. Những đột phá trong lĩnh vực kinh tế đã được xác định là: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, giá trị cao gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, theo hướng hiện đại. Triển khai đồng bộ các đề án, kế hoạch của tỉnh để thực hiện các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025, tạo động lực để phát triển sản xuất kinh doanh góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, trong đó tập trung vào 02 đề án có tác động tích cực tới thu ngân sách nhà nước: Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang giai

đoạn 2021 - 2025; Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025.

- Tập trung khai thác nguồn thu từ các dự án đầu tư: Rà soát lại các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư đối với các chính sách ưu đãi của tỉnh đã ban hành để kịp thời bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư của tỉnh. Kịp thời thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, đặc biệt đối với các dự án thuộc trường hợp bị thu hồi đất do không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư trọng điểm, các dự án chậm tiến độ giai đoạn trước, bảo đảm việc triển khai xây dựng và đi vào sản xuất kinh doanh đúng thời hạn theo kế hoạch, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Bám sát danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 để kịp thời dự báo, đề xuất các giải pháp

quản lý thu ngân sách nhà nước. Khuyến khích nhà đầu tư ngoài tỉnh nghiên cứu, xem xét thành lập công ty, chi nhánh hạch toán độc lập tại tỉnh Tuyên Quang để thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện dự án, sản xuất kinh doanh và nộp ngân sách cho tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, trong đó thành lập mới trên 2 khu công nghiệp và 5 cụm công nghiệp, lấp đầy trên 60% khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh...

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp thực hiện trong Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang. Cải cách thủ tục của doanh nghiệp tỉnh. Triển khai đồng bộ các hoạt động về nghiên cứu thị trường, chính sách sản phẩm, chính sách giá, hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, đội ngũ lao động,

nguồn vốn và liên kết, phối hợp hoạt động kinh tế để nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, qua đó phấn đấu đến 2025 số nộp ngân sách nhà nước bình quân trên doanh nghiệp là 714 triệu đồng/năm (tăng bình quân 8%/năm), số lượng doanh nghiệp hoạt động đạt trên 2.900 doanh nghiệp vào năm 2025, tăng 1.000 doanh nghiệp so với năm 2020. Đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước: Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo thương hiệu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong doanh nghiệp nhà nước, xây dựng đội ngũ quản trị giỏi trong doanh nghiệp nhà nước, là khu vực kinh tế dẫn dắt, lan tỏa cho nền kinh tế, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

- Các giải pháp phát triển nguồn thu khác: Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả đóng góp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời tăng cường quản lý kê khai nộp phí, lệ phí của các đơn vị hành chính sự nghiệp. Giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh xăng

dầu trên địa bàn; thực hiện tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu mua xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối trên địa bàn tỉnh, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về kinh doanh xăng dầu nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên và tăng thu thuế bảo vệ môi trường.

2.2. Gia tăng hiệu quả các nguồn thu từ các khoản thu từ đất và tài nguyên khoáng sản

- Tăng thu tiền sử dụng đất: Hoàn chỉnh phê duyệt và công bố quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất, đấu giá đất hàng năm và của cả giai đoạn 2021 - 2025. Hoàn thiện quy hoạch hai bên các tuyến đường giao thông thuộc hạ tầng kỹ thuật đô thị, tạo quỹ đất sạch để đấu giá hoặc thu hút các dự án đầu tư, tạo nguồn thu cho ngân sách. Khai thác nguồn thu từ việc đầu tư hạ tầng kết nối với các dự án phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025. Phân kỳ đầu tư hợp lý, trong đó đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhất là những năm đầu giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo vượt dự toán thu tiền sử dụng đất hằng năm, tạo nguồn lực

đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, quy hoạch, xây dựng đô thị và các công trình hạ tầng liên quan. Thực hiện tốt cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính trong xây dựng, thẩm định, phê duyệt mức giá tối thiểu bán đấu giá; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi trúng đấu giá. Nâng cao chất lượng phương án xác định giá cụ thể của UBND các huyện, thành phố, Hội đồng thẩm định giá đất khi xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất. Xác định hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm phù hợp với biến động của thị trường để làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất. Chủ động dự báo tác động tích cực khi hoàn thành dự án Cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai để có cơ chế điều chỉnh giá đất theo kịp biến động thị trường. Tổ chức đấu giá, đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật để tạo sự khách quan, minh bạch và tăng thu cho ngân sách nhà nước.

- Tăng thu tiền thuê đất đối với các cá nhân, tổ chức: Thường xuyên rà soát để điều chỉnh đơn giá

thuê đất, thuê mặt nước theo quy định. Thực hiện rà soát quản lý thu kịp thời đối với các dự án hết thời gian miễn, giảm tiền thuê đất. Thực hiện ghi thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Tăng cường quản lý đối với tài nguyên, khoáng sản: Tiếp tục triển khai phần mềm ứng dụng quản lý thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, chống thất thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản và triển khai thêm giải pháp đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhằm tăng thu cho ngân sách nhà nước trong giai đoạn tới. Triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản và môi trường. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản theo Điều 58

Luật khoáng sản năm 2010. Xem xét trước khi gia hạn giấy phép cho các mỏ đã hết thời hạn khai thác hoặc cấp phép mới,... Tiếp tục rà soát cấp phép khai thác và sử dụng nước mặt, nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tăng cường quản lý thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản, đất đai trên địa bàn tỉnh.

2.3. Các giải pháp về cơ chế và chính sách

- Tăng cường thực hiện đấu giá cho thuê đất theo quy định tại điều 118 Luật đất đai năm 2013. Đối với các dự án cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá không thuộc trường hợp được miễn giảm tiền thuê đất thì tiền thuê đất phải nộp được xác định ngay sau khi có kết quả trúng đấu giá. Sửa đổi chế độ miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1, Điều 3, Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất

tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Rà soát các nội dung quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh quy định giá tính lệ phí trước bạ là nhà trên địa bàn tỉnh; phối hợp đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy định giá tính lệ phí trước bạ là nhà trên địa bàn tỉnh... Kịp thời bổ sung, hoàn thiện các chính sách quy định thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

2.4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước và chống thất thu ngân sách nhà nước

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế: Quản lý đầy đủ nguồn thu ngân sách trên

địa bàn. Nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế. Tăng cường việc thực thi chính sách pháp luật thuế. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền chính sách pháp luật thuế. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh để quản lý đăng ký thuế, cấp mã số doanh nghiệp thông qua cơ chế “một cửa liên thông”. Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương trong quản lý thu thuế, phí, lệ phí, các khoản thu từ đất trên địa bàn. Thường xuyên rà soát mở rộng cơ sở thu, đưa vào theo dõi quản lý đối với cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động thương mại điện tử theo đúng quy định, điều chỉnh tăng mức doanh thu khoán thuế hàng năm đối với cá nhân kinh doanh cho phù hợp,... phân tích, sử dụng kết quả điều tra kinh tế năm 2021 để rà soát cơ sở thu của ngành thuế. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kê khai, nộp kịp thời các khoản phí, lệ phí vào ngân sách Nhà nước. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát tờ khai thuế, tập trung kiểm tra đối với các đơn vị có quy mô kinh doanh lớn, chỉ tiêu kê khai doanh

thu lớn nhưng số thuế nộp ngân sách nhà nước thấp. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác phân tích, dự báo thu, lập dự toán thu ngân sách nhà nước, xây dựng và giao dự toán thu ngân sách nhà nước đảm bảo bao quát hết nguồn thu, có tính tích cực và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu của tiến trình cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế giai đoạn 2021 - 2030. Thu thập thông tin, đánh giá, phân tích tình hình các doanh nghiệp lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế hằng năm, nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời, giảm nợ đọng thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cơ quan thuế các cấp đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của bộ máy thu ngân sách ngoài cơ quan thuế: Cần nâng cao trình độ, năng lực, đào tạo và trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng, ứng dụng

công nghệ thông tin cho đội ngũ công chức, nhân viên thực hiện công tác thu ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước (đơn vị hành chính sự nghiệp, UBND xã phường thị trấn có hoạt động thu phí, lệ phí,...), hoàn thiện cơ chế phối hợp thu ngân sách.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp quản lý thu và chống thất thu ngân sách nhà nước: Tăng cường quản lý đối với hoạt động xây dựng cơ bản; quản lý thuế đối với hoạt động xây dựng cơ bản tư nhân; chống thất thu trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, lâm sản; chống thất thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản - Ấn định giá chuyển nhượng; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chống thất thu đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, ăn uống, dịch vụ

II. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu thực hiện đến mức cao nhất mục tiêu

tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách; quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách địa phương; đẩy mạnh tái cấu trúc chi ngân sách nhà nước, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công, ưu tiên dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội và thực hiện 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm góp phần từng bước đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

Động viên nguồn thu vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 từng bước đảm bảo nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; tiếp tục thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước và nợ công theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính

trị. Phần đầu trong tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỷ trọng chi đầu tư phát triển ổn định hơn giai đoạn trước và chiếm khoảng 30 - 35%, tỷ trọng chi thường xuyên chiếm khoảng 65 - 70%.

Đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên, chi cho con người, an sinh xã hội, chi cho quốc phòng, an ninh, các chính sách do địa phương ban hành và trung ương ban hành địa phương đảm bảo nguồn, thực hiện chính sách tiền lương cùng với việc thúc đẩy mạnh mẽ cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công, tinh giản biên chế và tiết kiệm chi thường xuyên. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường đảm bảo tối thiểu bằng số trung ương giao.

Tiếp tục tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW dành nguồn lực đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, thu hút đầu tư, có sức lan tỏa và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tích cực cơ cấu chi thường xuyên để thực hiện bổ sung vốn đầu tư phát triển, trong đó: Từ 30% nguồn tăng thu dự toán hằng năm và từ nguồn tiết kiệm chi các cấp ngân sách.

Cân đối nguồn lực góp phần thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù do tỉnh ban hành; thực hiện 3 khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Triển khai tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật về tài chính ngân sách; đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, triển khai hệ thống pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước, thuế, hải quan, chế độ kế toán,... thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính. Rà soát toàn bộ các cơ chế, chính sách của tỉnh về tài chính - ngân sách nhà nước đang thực hiện để xây dựng, sửa đổi và

hoàn thiện, trong đó tập trung vào một số nội dung: Xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 phù hợp định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của Chính phủ, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, đồng thời đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Đổi mới phân cấp quản lý ngân sách địa phương, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm mục tiêu đảm bảo vai trò chủ đạo của Ngân sách cấp tỉnh; phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Thực hiện tiết kiệm thêm chi thường xuyên ngoài số giao dự toán của Bộ Tài chính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Chính phủ. Xây dựng cơ chế của tỉnh về thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên, 30% kinh phí hội nghị, hội thảo và học tập kinh nghiệm trong 6 tháng cuối năm. Dành nguồn lực để thực hiện các dự án quan trọng của tỉnh, trong đó có xây dựng Nông thôn mới.

3.2. Tổ chức lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả

- Lập dự toán ngân sách nhà nước: Ban hành hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo đúng quy định. Dự toán ngân sách nhà nước phải được xây dựng thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Nâng cao công tác dự báo, lập dự toán ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thận trọng phù hợp với những thay đổi dự kiến của tình hình kinh tế - xã hội, thiên tai, dịch bệnh. Chủ động, quyết liệt trong việc tiết kiệm chi ngay từ khâu lập dự toán.

- Chấp hành dự toán: Tiếp tục ban hành hướng dẫn thực hiện dự toán ngay từ ngày đầu, tháng đầu hằng năm để các cơ quan, đơn vị và UBND huyện, thành phố triển khai tổ chức thực hiện. Chủ động xây

dựng phương án điều hành ngân sách trong 6 tháng cuối năm, Quý IV và cả năm đảm bảo cân đối ngân sách đồng thời vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trên địa bàn. Kiểm soát chi chặt chẽ các khoản chi ngân sách theo đúng quy định. Nâng cao hiệu quả sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước...

- Quyết toán ngân sách nhà nước: Nâng cao tính chủ động, thường xuyên trong việc đối chiếu số liệu giữa đơn vị sử dụng ngân sách - cơ quan Tài chính - Kho bạc nhà nước. Phân công cán bộ theo dõi, tổng hợp thường xuyên các số liệu về tình hình thực hiện dự toán hàng năm, thuyết minh tăng giảm so với dự toán được giao phục vụ cho công tác tổng hợp, thuyết minh quyết toán ngân sách. Tăng cường vai trò của kho bạc nhà nước trong công tác kế toán và kiểm soát chi. Có biện pháp xử lý nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, UBND các cấp không chấp hành đúng quy định về thời hạn lập và gửi báo cáo quyết toán ngân sách. Khai thác sử dụng có hiệu quả các công cụ tin học hỗ trợ công tác quyết toán...

- Rà soát lại quy chế hoạt động, tình hình thực hiện của toàn bộ các quỹ ngoài ngân sách nhà nước, đặc biệt là Quỹ phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường và Quỹ dự trữ tài chính,... Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy chế để đảm bảo nguyên tắc: Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng quỹ; sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng; giảm tình trạng chồng chéo về nhiệm vụ chi giữa các quỹ; tăng cường công tác kiểm soát chi từ quỹ, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả. Đồng thời gắn việc sử dụng quỹ với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

3.3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực, toàn diện và bền vững. Kiểm soát quy mô chi ngân sách trong phạm vi khả năng nguồn lực của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung nguồn lực cho các công trình trọng điểm thực hiện 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, bảo đảm ngân sách địa phương an toàn, bền vững; tích cực cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng

tỷ lệ thu nội địa, tăng tích lũy từ ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển; tăng tỉ trọng đầu tư, giảm tỉ trọng chi thường xuyên, duy trì tốc độ chuyển dịch cơ cấu chi giai đoạn 2021 - 2025 ổn định, bền vững trong tổng chi ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển từ 30 - 35%, chi thường xuyên từ 65 - 70%; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển. Xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách địa phương gắn với định hướng phát triển kinh tế xã hội. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các đơn vị về quy mô của nền kinh tế, tổng nguồn lực ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ

trọng tâm của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện rà soát toàn bộ chính sách thuộc lĩnh vực đã tham mưu ban hành và đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách trong giai đoạn 2016 - 2020; có định hướng tích hợp các chính sách theo từng lĩnh vực gắn với 3 khâu đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện xây dựng kế hoạch, chính sách của từng lĩnh vực phải gắn với 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia, tối đa hóa năng lực sử dụng nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Chỉ ban hành chương trình, đề án khi cân đối được nguồn lực để tổ chức thực hiện; nội dung chương trình đề án phải khả thi, trong nội dung phân cấp. Các chương trình đề án phải lồng ghép với việc thực hiện các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với nguồn lực thực hiện biên chế giai đoạn 2021 - 2025: Báo cáo Bộ Nội vụ để bổ sung thêm biên chế sự nghiệp Giáo dục và Y tế theo quy định tại Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp Giáo dục và

Y tế, đồng thời trình HĐND tỉnh giao biên chế sự nghiệp Giáo dục và Y tế đảm bảo định mức quy định của các bộ ngành trung ương và tình hình thực tế tại địa phương trước ngày 30/6/2021. Đối với hợp đồng giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện tuyển dụng vào biên chế số lượng giáo viên hợp đồng để giảm gánh nặng ngân sách tỉnh, dành nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đối với người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ: Thực hiện ký hợp đồng lao động theo văn bản số 3764/BNV-CCVC ngày 13/8/2019 của Bộ Nội vụ...

3.4. Xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình, tập trung và dứt điểm. Nâng cao hiệu quả chi đầu tư công

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của từng huyện, thành phố, các cấp phải đảm bảo đồng bộ việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 với kế hoạch phát triển kinh

tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính cải thiện môi trường đầu tư; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, huy động tham gia của các doanh nghiệp thu hút mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng; thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động đầu tư, tránh đầu tư dàn trải. Tăng cường nâng cao chất lượng công tác tư vấn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu tư vấn, đảm bảo tuân thủ theo quy định. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định thiết kế dự toán các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí. Tăng cường quản lý đầu tư công, nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị đầu tư. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải, nâng cao hiệu quả

đầu tư theo kế hoạch đầu tư trung hạn... Thường xuyên rà soát vốn đầu tư, tăng cường quản lý kiểm tra chất lượng và các hoạt động trong xây dựng; tiếp tục tập trung chỉ đạo việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tạm ứng, gắn việc tạm ứng vốn phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao. Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu dự án, có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các chủ đầu tư không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công theo cam kết.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán các công trình, dự án đã hoàn thành; chấn chỉnh công tác nghiệm thu hoàn thành, sớm đưa dự án, công trình vào khai thác, sử dụng; tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quyết toán. Định hướng xây dựng phần mềm theo dõi quyết toán vốn đầu tư tạo thuận lợi trong quá trình tương tác, xử lý, trích xuất số liệu về tình hình quyết toán các dự án.

3.5. Xây dựng lộ trình xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm dần chi ngân sách nhà nước; cùng với nguồn ngân sách địa phương và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường xã hội hoá việc cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở hoàn thiện cơ chế chính sách và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ công giữa các đơn vị, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, trong việc tiếp cận nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho phát triển dịch vụ sự nghiệp công; tăng cường hoạt động quản lý của nhà nước đối với các dịch vụ công đã được xã hội hoá nhằm đảm bảo việc cung ứng dịch vụ công đảm bảo chất lượng, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập, xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý.

- Các sở chuyên ngành chủ động và phối hợp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật địa phương thuộc các lĩnh vực sự nghiệp dịch vụ để áp dụng địa phương. Đồng thời thẩm định, ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật theo đúng thẩm quyền. Thực hiện tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch; chuyển một số loại phí, lệ phí sang giá dịch vụ, đồng thời thực hiện chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ - CP về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Đề án của UBND tỉnh về đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Thực hiện nghiêm phương án tự chủ tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hình thành các cơ chế phù hợp để nâng cao tính định hướng của ngân sách nhà nước trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước

để phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và văn hóa xã hội. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, thương mại dịch vụ, du lịch, hạ tầng khu công nghiệp. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, đổi mới trong phương thức đầu tư với hình thức đầu tư hợp tác công - tư (PPP); chủ động vào cuộc tháo gỡ khó khăn và đồng hành cùng doanh nghiệp. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng vốn của các doanh nghiệp nhà nước.

3.6. Đẩy mạnh quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước. Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công ở cấp địa phương

- Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới bảo đảm phù hợp với quy định. Thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công (nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết

bị) để quản lý, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc mua sắm tập trung theo quy định; sửa đổi quyết định 209/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung của các cơ quan, đơn vị và phân công đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phải có biện pháp xử lý đối với tài sản dôi dư sau khi sắp xếp lại. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công; thanh tra việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Tài sản công là đất đai: Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý, huy động những nguồn lực tài chính quốc gia từ tài sản công, tài nguyên. Nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản,... Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh. Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với thị trường, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Rà soát, kiểm tra công tác xác định và đề xuất giá khởi điểm để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Rà soát, kiểm tra công tác xác định và đề xuất giá khởi điểm để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; không để tình trạng giá khởi điểm và giá trung thầu chênh lệch lớn, đảm bảo tỷ lệ chênh lệch ổn định, phù hợp với tình hình thực tế. Rà soát, đánh giá để thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng và mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực: Quản lý, sử dụng nguồn thu phí, lệ phí và các nguồn thu sự nghiệp khác; tập trung thanh tra đơn vị, địa phương sử dụng nguồn ngân sách nhà nước lớn; thanh tra việc thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; thanh tra các dự án đầu tư được nhà nước quyết định đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư có liên quan đến công tác an sinh xã hội trên địa bàn; các dự án, công trình sử dụng từ cân đối nguồn sự nghiệp; việc quản lý, mua sắm và sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng quy trình thanh tra, kiểm tra trong nội bộ ngành tài chính làm cơ sở, tài liệu áp dụng thống nhất trong hoạt động thanh tra tài chính. Tăng cường thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách đầy đủ trong mua sắm tài sản công và xây dựng cơ bản, quản lý

dự án đầu tư, xây dựng có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và nguồn huy động và sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân đối với tất cả các cấp, các cơ quan đơn vị, các tổ chức và doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức công khai tài chính; tăng cường sự giám sát của cộng đồng và Nhân dân. Rà soát việc thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm toán qua các năm, phân loại theo tính chất, quy mô của các kết luận, kiến nghị, xây dựng lộ trình và cam kết thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu và phù hợp với quy định của pháp luật.

C- PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức theo dõi, đôn đốc, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

Các cơ quan: Cục thuế tỉnh Tuyên Quang, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

ĐỀ ÁN

Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

(ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-UBND
ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển nhanh và bền vững

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, phải dựa trên nhu cầu nhân lực của các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ yếu; chuyển dịch cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện cả về thể lực, tri thức, kỹ năng lao động, hành vi và ý thức chính trị - xã hội nhằm phát huy vai trò quyết định của nhân tố con người trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trọng tâm, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, nhất là nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của hội nhập quốc tế

Phát triển nhân lực và nâng cao chất lượng là trách nhiệm của các cấp, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh nhằm huy động nguồn lực toàn xã hội để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

**MỤC
TIÊU
CHUNG**

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó chú trọng sử dụng nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển nhanh và bền vững

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong ngành dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tiếp tục xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực nhằm đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cán bộ, tạo môi trường, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung

Đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch và công bằng trong việc quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị; coi trọng công tác nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ, công chức; quan tâm đến cán bộ, công chức trẻ, có năng lực, được đào tạo bài bản; đào tạo nâng cao trình độ đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhiệm

MỤC TIÊU CỤ THỂ

MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 72%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ trên 30% lực lượng lao động; tạo việc làm cho trên 110.000 lao động

Cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần lao động ngành công nghiệp, dịch vụ: Nông lâm nghiệp, thủy sản 42%; công nghiệp, xây dựng 26%; dịch vụ 32%

Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ phấn đấu đạt 50%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 99% và trung học phổ thông đạt 88%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 20%

Trình độ nhân lực trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và cụ thể hóa theo phân cấp quản lý. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (trừ chức danh Chủ tịch hội cựu chiến binh), trong đó 90% có trình độ cao đẳng, đại học; 97% đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; 100% đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó trên 30% có trình độ trên đại học; 93,5% viên chức đạt chuẩn về trình độ, trong đó trên 30% đạt trên chuẩn

Đến năm 2025, thu hút 93 người, có trình độ cao về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; hỗ trợ đối với 396 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ khoảng 40% lực lượng lao động

Cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần lao động ngành công nghiệp, dịch vụ: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 35,5%; công nghiệp, xây dựng 29,7%; dịch vụ 34,8%.

Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt trên 50%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 100% và trung học phổ thông đạt 99%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 16%

Trình độ nhân lực trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn Đại học trở lên (trừ chức danh Chủ tịch hội cựu chiến binh), trong đó 2% có trình độ trên đại học và trên 99% đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; 100% cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó 35,7% có trình độ trên đại học; 100% viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn

Thu hút 130 người, có trình độ cao về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; hỗ trợ đối với 631 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học

NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1 Phát triển nhân lực theo bậc đào tạo

2 Phát triển nhân lực theo lĩnh vực ngành

3 Phát triển nhân lực một số ngành, lĩnh vực đặc thù

Nhân lực ngành công nghệ thông tin

Nhân lực ngành du lịch

Nhân lực ngành khoa học công nghệ

Nhân lực ngành giáo dục, đào tạo

Nhân lực ngành y tế và hoạt động dịch vụ
chăm sóc sức khỏe Nhân dân

4 Nhân lực theo một số chủ thể tham gia phát triển

Nhân lực là cán bộ lãnh đạo,
quản lý chủ chốt của tỉnh

Nhân lực quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển, thu hút nguồn nhân lực

Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tiếp tục quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn, công nhân và người lao động từng bước đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Nâng cao sức khỏe và tầm vóc, thể lực nguồn nhân lực

Đẩy mạnh liên kết, mở rộng, hợp tác đào tạo phát triển nhân lực

Giải pháp đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

ĐỀ ÁN

**Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**
*(ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-UBND
ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Quan điểm, định hướng

1.1. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển nhanh và bền vững.

1.2. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, phải dựa trên nhu cầu nhân lực của các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ yếu; chuyển dịch cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện cả về thể lực, tri thức, kỹ năng lao động, hành vi và ý thức chính trị - xã hội nhằm phát huy vai trò quyết định của nhân tố con người trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

1.4. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trọng tâm, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, nhất là nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của hội nhập quốc tế.

1.5. Phát triển nhân lực và nâng cao chất lượng là trách nhiệm của các cấp, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và nhân dân các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh nhằm huy động nguồn lực toàn xã hội để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó chú trọng sử dụng nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thị trường góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển nhanh và bền vững.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong ngành dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Tiếp tục xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực nhằm đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cán bộ, tạo môi trường, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ,

dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch và công bằng trong việc quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị; coi trọng công tác nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ, công chức; quan tâm đến cán bộ, công chức trẻ, có năng lực, được đào tạo bài bản; đào tạo nâng cao trình độ đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhiệm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 72%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng, chứng chỉ trên 30% lực lượng lao động; tạo việc làm cho trên 110.000 lao động.

- Cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần lao động ngành công nghiệp, dịch vụ: Nông lâm nghiệp, thủy sản 42%; công nghiệp, xây dựng 26%; dịch vụ 32%;

- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ phần đầu đạt 50%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 99% và trung học phổ thông đạt 88%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 20%.

- Trình độ nhân lực trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và cụ thể hóa theo phân cấp quản lý; 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (*trừ chức danh Chủ tịch hội cựu chiến binh*), trong đó 90% có trình độ cao đẳng, đại học; 97% đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; 100% đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó trên 30% có trình độ trên đại học; 93,5% viên chức đạt chuẩn về trình độ, trong đó trên 30% đạt trên chuẩn.

- Đến năm 2025, thu hút 93 người, có trình độ cao về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; hỗ trợ đối với 396 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học

b) Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ khoảng 40% lực lượng lao động.

- Cơ cấu nhân lực trong các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, tăng dần lao động ngành công nghiệp, dịch vụ: Nông lâm nghiệp, thủy sản 35,5%; công nghiệp, xây dựng 29,7%; dịch vụ 34,8%.

- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt trên 50%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 100% và trung học phổ thông đạt 99%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 16%.

- Trình độ nhân lực trong đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức: 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn Đại học trở lên (trừ chức danh Chủ tịch hội cựu chiến binh), trong đó 2% có trình độ trên đại học và trên 99% đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; 100% cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó 35,7% có trình độ trên đại học; 100% viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn.

- Thu hút 130 người, có trình độ cao về công tác tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; hỗ trợ đối với 631 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học.

3. Về nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực

3.1. Phát triển nhân lực theo bậc đào tạo

Đến năm 2025, duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, tổ chức dạy học các cấp học như sau: Cấp Mầm non trên 60 nghìn trẻ (*gồm nhóm nhà trẻ và mẫu giáo*) với trên 2.300 nhóm, lớp; cấp Tiểu học trên 80 nghìn học sinh với trên 3.200 lớp; cấp Trung học cơ sở trên 60 nghìn học sinh với trên 1.400 lớp; cấp

Trung học phổ thông trên 29 nghìn học sinh với gần 700 lớp. Đến năm 2030, tổ chức dạy học: Cấp Mầm non khoảng 49 nghìn trẻ (*gồm nhóm nhà trẻ và mẫu giáo*) với trên 2.300 nhóm, lớp; cấp Tiểu học gần 78 nghìn học sinh với trên 3.100 lớp; cấp Trung học cơ sở trên 52 nghìn học sinh với 1.300 lớp; cấp Trung học phổ thông trên 30 nghìn học sinh với khoảng 715 lớp.

Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của nguồn nhân lực tăng dần và đạt 72% năm 2025 và 80% năm 2030. Tổng số nhân lực qua đào tạo đến năm 2025 là 387.131 người, tăng 76.537 người; trong đó, nhân lực có bằng, chứng chỉ 161.305 người, chiếm 30% so với tổng nhân lực. Đến năm 2030 là 450.669 người, chiếm khoảng 80% so với tổng nhân lực; trong đó, nhân lực có bằng, chứng chỉ là 225.334 người, chiếm 40% so với tổng nhân lực.

Cơ cấu bậc đào tạo: Đến năm 2025, số người được đào tạo thường xuyên khoảng 225 nghìn người, chiếm 42,0% so với tổng số nhân lực; sơ cấp khoảng 47 nghìn người, chiếm 8,8%; trung cấp khoảng 36 nghìn người, chiếm 6,8%; cao đẳng khoảng 35 nghìn người, chiếm

6,5%; bậc đại học và trên đại học khoảng 42 nghìn người, chiếm 7,9%. Đến năm 2030, số người được đào tạo thường xuyên trên 225 nghìn người, chiếm 40% so với tổng số nhân lực; sơ cấp khoảng 56 nghìn người, chiếm 10%; trung cấp trên 50 nghìn người, chiếm 9,0%; cao đẳng khoảng 50 nghìn người, chiếm 9%; đại học và trên đại học khoảng 67 nghìn người, chiếm 12%.

3.2. Phát triển nhân lực theo lĩnh vực ngành

- Đến năm 2025, tổng số nhân lực qua đào tạo khoảng 387 nghìn người, chiếm tỷ lệ 72% tổng số nhân lực, trong đó: Nhân lực ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp số nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng khoảng 225,8 nghìn người, chiếm 42%; ngành công nghiệp - xây dựng khoảng 86 nghìn người, chiếm 16%; ngành Thương mại, du lịch và dịch vụ khoảng 75 nghìn người, chiếm 14%.

- Đến năm 2030, số nhân lực qua đào tạo khoảng 450 nghìn người, chiếm tỷ lệ 80% tổng số nhân lực toàn tỉnh, trong đó: Nhân lực ngành sản xuất nông,

lâm, ngư nghiệp số nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng khoảng 253 nghìn người, chiếm 45%; ngành công nghiệp - xây dựng khoảng 101 nghìn người, chiếm 18%; ngành Thương mại, du lịch và dịch vụ khoảng 95 nghìn người, chiếm 17%.

3.3. Phát triển nhân lực một số ngành, lĩnh vực đặc thù

a) Nhân lực ngành công nghệ thông tin

Đến năm 2025, nhân lực được đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ công chức chuyên trách và phụ trách công nghệ thông tin toàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là 210 người. Phấn đấu hằng năm 100% công chức chuyên trách và phụ trách về lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên sâu và thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền tổ chức; 100% cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu công việc và tham gia vào các giai đoạn triển khai của chính quyền điện tử, ứng dụng tốt dịch vụ công trực tuyến.

b) Nhân lực ngành du lịch

Đến năm 2025: 100% công chức chuyên trách và phụ trách lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh có trình độ đại học trở lên và bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về du lịch, 100% lao động trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh du lịch được đào tạo chuyên ngành du lịch và bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn có hoạt động du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kiến thức làm du lịch.

Phấn đấu đến năm 2030: Duy trì 100% công chức chuyên trách và phụ trách lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh được đào tạo đúng chuyên ngành và tương đương, đồng thời được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về du lịch; 100% lao động trực tiếp tại các cơ sở kinh doanh du lịch được đào tạo chuyên ngành du lịch và bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ; 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn có hoạt động du lịch cộng đồng được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kiến thức làm du lịch.

c) Nhân lực ngành khoa học công nghệ

Phân đầu đến năm 2025 nhân lực ngành khoa học và công nghệ (bao gồm nhân lực quản lý nhà nước và nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ) đạt 4,5% tổng nhân lực toàn tỉnh, trong đó 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên.

Giai đoạn 2021 - 2025, phân đầu 90% nhân lực tham gia thực hiện các Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 100% nhân lực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Dự án khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó có 30% có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên.

d) Nhân lực ngành giáo dục, đào tạo

Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên, giáo viên, nhân viên theo cấp học như sau: Cấp Mầm non: Đạt chuẩn và trên chuẩn 98,26%; cấp Tiểu học: Đạt chuẩn và trên chuẩn, chiếm 80,5%; cấp Trung học cơ sở: Đạt chuẩn và trên chuẩn 89,42%; cấp Trung học phổ thông: 100% đạt chuẩn và trên chuẩn.

Đến năm 2030, 100% đội ngũ giảng viên, giáo viên các cấp học đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục: Dự kiến từ năm 2021 - 2026 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trên 95% trong đó, tỷ lệ thi đỗ đại học từ 28 - 42%; cao đẳng, trung cấp khoảng 8-10%.

đ) Nhân lực ngành y tế và hoạt động dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Đến năm 2025: Đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về y tế là chiếm 1,5%, trong đó 100% có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên; đội ngũ viên chức ngành y tế đến năm 2025 chiếm 70,6%; đội ngũ nhân lực làm việc trong các cơ sở y tế tư nhân chiếm 27,9%, trong đó đạt trình độ đại học trở lên chiếm 40% và đạt 10 bác sỹ/10.000 dân.

- Đến năm 2030: Đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về y tế chiếm 1,4%, trong đó 100% có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; đội ngũ viên chức ngành y tế đến năm 2030 chiếm 72,5%; đội ngũ nhân lực làm việc trong các cơ sở y tế tư nhân chiếm 26,1 người trong đó đạt trình độ đại học trở lên chiếm 40%; đạt 11 bác sỹ/10.000 dân.

3.4. Nhân lực theo một số chủ thể tham gia phát triển

a) Nhân lực là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của tỉnh

Đến năm 2030, xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp chuyên nghiệp, có chất lượng cao, số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển giao thế hệ một cách vững vàng. Cơ bản xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của tỉnh ngang tầm nhiệm vụ; đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực sự tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, phẩm chất, năng lực, uy tín; ban hành cơ chế thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang làm khâu đột phá trong công tác cán bộ; phát hiện, lựa chọn, bổ nhiệm người thực sự có năng lực lãnh đạo, quản lý, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức, uy tín, xứng đáng với vị trí lãnh đạo, quản lý cần bổ nhiệm; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, từng bước đổi mới quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý; tránh tình trạng cục bộ, khép kín

nội bộ cơ quan, đơn vị về công tác cán bộ; có từ 15% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi; phần đầu có khoảng 25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp huyện, các sở, ban, ngành của tỉnh đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

b) Nhân lực quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp

Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và cụ thể hóa theo phân cấp quản lý. Đến năm 2025, tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh là 20.384 người, trong đó:

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đến năm 2025 là 2.807 người, trong đó 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (có trình độ cao đẳng, đại học 90%) và 2.773 đảng viên, có 97% đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp cấp tỉnh, huyện năm 2025 là 1.429 người, trong đó 100% có trình độ chuyên môn

từ đại học trở lên (*có trình độ trên đại học 30%*).

- Đội ngũ viên chức toàn tỉnh là 16.148 người; trong đó, 91,6% đạt chuẩn về trình độ (*30% đạt trên chuẩn*).

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh đến năm 2025 là 5.786/20.384 người, chiếm 28,3% tổng số công chức, viên chức.

Thực hiện mục tiêu tại Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ công, chức, viên chức” phân đầu đến năm 2025:

- Đào tạo sau đại học: Cử 496 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó nữ 304 người (*chiếm 61,13%*) đi đào tạo sau đại học, phải đảm bảo đúng nguyên tắc, đối tượng theo quy định, gắn với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp hoặc chức danh quy hoạch... Khuyến

khích cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phần đầu đến năm 2025: 100% công chức được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức hiện giữ và tiêu chuẩn ngạch công chức của chức danh, vị trí được quy hoạch; 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định; 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; 100% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm.

Nâng cao năng lực cho nông dân trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Tăng cường công tác đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, bồi dưỡng kiến thức về thị trường, thương mại nông sản, sản xuất theo tiêu chuẩn, quy

chuẩn... cho các hợp tác xã, trang trại, nông dân tiếp cận được các công nghệ mới. Đào tạo nâng cao kiến thức về thương mại, thị trường, tiêu chuẩn và điều kiện xuất khẩu sản phẩm cho doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại; đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh cho thành viên hợp tác xã; thu hút đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ về làm việc ở hợp tác xã.

II- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”* và Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Tăng cường tuyên truyền về phân luồng và định hướng nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm

2030. Nâng cao hiệu quả liên kết giữa các cơ sở đào tạo, cơ sở sử dụng nhân lực, các doanh nghiệp, cơ quan truyền thông, cơ quan hỗ trợ và cung ứng nhân lực, các cấp chính quyền, ... các chủ trương, chính sách phát triển nhân lực của tỉnh. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có ý thức tự học, học tập suốt đời. Triển khai công tác hướng nghiệp cho học sinh. Phổ biến, quán triệt, tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung phương thức tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số.

2. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển, thu hút nguồn nhân lực

Rà soát, hoàn thiện các văn bản về công tác cán bộ. Nghiên cứu, thành lập tổ tư vấn kinh tế - xã hội thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh về các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích cán bộ chuyên tâm phấn đấu công tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm. Triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của nhà nước gắn với đổi mới, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thu hút, sử dụng những nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động trong những ngành kinh tế trọng điểm đến 2025 và định hướng đến năm 2030.

Rà soát, đề xuất ban hành sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, đặc biệt là người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo đi làm việc tại các doanh nghiệp và đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng... Xem xét điều chỉnh, bổ sung cơ chế thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về công tác tại tỉnh.

Hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng có nguyện vọng về địa phương xây dựng các mô hình phát triển kinh tế mới có ứng dụng khoa học - công

nghệ đạt hiệu quả. Hỗ trợ đào tạo nguồn giáo viên có chất lượng cao. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho nông dân. Tạo điều kiện thuận lợi trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có ý thức tự học, học tập suốt đời... Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ đối với những giảng viên, giáo viên tiếp tục cần đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để đạt chuẩn về trên chuẩn. Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù trong trả lương bằng nguồn kinh phí của tỉnh, ngoài các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Về tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Duy trì, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non 100% xã, phường, thị trấn; phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em 4 tuổi; phát triển giáo dục

mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi. Cùng cố, nâng cao tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non đạt trên 53%, tiểu học đạt trên 70%, trung học cơ sở đạt trên 70%, trung học phổ thông đạt trên 35%. Phần đầu đạt tỷ lệ 35% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia đào tạo trung cấp nghề kết hợp với học văn hoá chương trình giáo dục thường xuyên trung học phổ thông; 40% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia đào tạo trình độ cao đẳng nghề; 80% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông có chương trình giáo dục nghề nghiệp gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh; 100% giáo viên các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông được bồi dưỡng làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 10/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về huy động trẻ đi nhà trẻ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 05-NQ/HĐND ngày 08/01/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh *quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa*

bàn tỉnh Tuyên Quang; tiếp tục chỉ đạo thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh và Đề án học sinh, sinh viên khởi nghiệp. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030.

Phát triển mở rộng các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện thành trường phổ thông liên cấp phổ thông dân tộc nội trú - trung học cơ sở - trung học phổ thông; mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học và THCS. Tăng cường củng cố đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục nhằm đạt trường chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Chú trọng xây dựng trường THPT Chuyên thành trường đạt chuẩn quốc gia, từng bước trở thành nơi đào tạo học sinh giỏi toàn diện cho tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quản lý, giáo viên, đặc biệt là giáo viên ngoại ngữ... Xây dựng Đề án thí điểm chuyển một số trường

công lập thành trường ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

b) Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển trường Đại học Tân Trào giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030, phấn đấu xây dựng thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực, là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ của khu vực miền núi phía Bắc; Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ giai đoạn 2020 - 2025, từng bước xây dựng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang thành trường trọng điểm đào tạo công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao của tỉnh.

Ban hành các đề án, kế hoạch về Giảm nghèo, Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm, xây dựng xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, chú trọng nội dung đổi mới công tác giáo dục nghề nghiệp, phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu

quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và chuyển đổi cơ cấu lao động của tỉnh.

c) Đối với giáo dục thường xuyên

Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng và tiếp tục triển khai xây dựng xã hội học tập. Tăng cường tư vấn, phối hợp và hỗ trợ hoạt động của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với các trung tâm học tập cộng đồng.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tiếp tục quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập

Xây dựng mô hình tổ chức, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ các cấp theo hướng giảm đầu mối các phòng, ban chuyên môn trong từng cơ quan, đơn vị, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Đẩy mạnh cải cách hành chính; chuẩn hoá văn bản pháp quy; tin học hoá, tự động hoá trong quản lý và điều hành.

Tiếp tục triển khai thực hiện mục tiêu tại Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 01/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với rà soát, sắp xếp lại mạng lưới, quy mô trường lớp học; rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, nhân lực ở một số ngành đặc thù như giáo dục, y tế, khoa học công nghệ,... Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào

tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020 - 2030. Triển khai đồng bộ và kịp thời hệ thống các chính sách triển khai và phát triển các công nghệ mới, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ...

Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, vị trí việc làm đối với các đơn vị chưa được phê duyệt; rà soát, điều chỉnh bổ sung vị trí việc làm, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các đơn vị thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp. Tăng cường bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp...

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn, công nhân và người lao động từng bước đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tăng cường công tác phối hợp giữa Hiệp hội Doanh

nghiệp tỉnh với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng... Nghiên cứu thành lập các Hiệp hội hành nghề.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề cho đội ngũ nhân lực quản lý doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ quản lý, chuyên môn của doanh nghiệp hội viên Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh có trình độ từ cao đẳng trở lên; mỗi năm thu hút từ 5-10% đội ngũ nhân lực có trình độ cao bổ sung cho các doanh nghiệp hội viên. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực nhằm tận dụng có hiệu quả cơ hội do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại...

6. Nâng cao sức khỏe và tâm vóc, thể lực nguồn nhân lực

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học theo Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Tăng cường tuyên truyền Đề án

tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030. Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Tuyên Quang đến năm 2030. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao theo quy hoạch, đảm bảo tăng cường cơ sở vật chất tạo điều kiện phát triển phong trào văn hóa, thể dục thể thao.

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số. Xây dựng, củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế; đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách xã hội.

Thực hiện Đề án quản lý sức khỏe toàn dân theo mô hình bác sỹ gia đình, phân đầu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử, tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế đạt trên 80%. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế; khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập. Đổi mới và tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với các cơ sở khám chữa bệnh công lập.

7. Đẩy mạnh liên kết, mở rộng, hợp tác đào tạo phát triển nhân lực

Duy trì, thiết lập mối quan hệ với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức trong và ngoài nước về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, xuất bản, trao đổi giảng viên, sinh viên đối với tất cả các ngành, lĩnh vực, việc hợp tác.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tăng cường liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các trường có uy tín và năng lực trong và ngoài tỉnh để tập trung đào tạo nghề từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh tư vấn đào tạo nghề, gắn

với giới thiệu việc làm cho người lao động. Nâng cao năng lực hoạt động kết nối công tác đào tạo gắn với giới thiệu việc làm trong nước và ngoài nước phù hợp cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh.

8. Giải pháp đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Doanh nghiệp tổ chức tự đánh giá năng lực của người lao động theo định kỳ ngoài trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ; xây dựng kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của người lao động.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh nhằm tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, đào tạo nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đối với người lao động; phấn đấu đến năm 2025, 70% công nhân, người lao động có trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên.

Hàng năm cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định. Đẩy mạnh đào tạo có trọng tâm, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao; thúc đẩy sự gắn kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hướng đến đào tạo theo địa chỉ và nghề. Tăng cường các hoạt động đào tạo rèn luyện kỹ năng mềm cho người lao động để nâng cao khả năng hội nhập và phối hợp làm việc có hiệu quả nhất.

III- NHU CẦU VỐN, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: **905.075 triệu đồng**, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 524.034 triệu đồng (*vốn đầu tư: 500.034 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 24.000 triệu đồng*).

2. Ngân sách tỉnh: 381.041 triệu đồng (*vốn đầu tư: 332.203 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 48.838 triệu đồng*).

IV- PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu Đề án. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, thực hiện Đề án.

Các cơ quan: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thống kê tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

ĐỀ ÁN **Giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang** **giai đoạn 2021 - 2025**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-UBND
ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2020 và các nghị quyết, kết luận về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân; Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách, kế hoạch phân bổ nguồn lực, chỉ đạo tập trung thực hiện giải pháp giảm nghèo, hỗ trợ Nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong việc phối hợp với các cấp chính quyền để huy động nguồn lực và vận động, tuyên truyền, triển khai, thực hiện các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình cụ thể góp phần giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới, vận động xây dựng Quý "Vì người nghèo"

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực triển khai các chương trình, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn, đồng thời tăng cường tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người nghèo và cộng đồng trong công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, sự nỗ lực của người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng

Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân hằng năm trên 3,54%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra

HẠN CHẾ

Chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo còn cao; kinh tế ở một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn chậm phát triển, tập quán canh tác, sản xuất còn lạc hậu, năng suất lao động thấp, thu nhập thấp, đời sống một bộ phận Nhân dân còn khó khăn

NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ

KHÁCH QUAN

Điều kiện tự nhiên của tỉnh, đặc biệt là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn chưa thuận lợi; địa hình chia cắt; đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu; thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa thật sự phù hợp, đồng bộ...

CHỦ QUAN

Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công, phân cấp có lúc còn chưa phù hợp. Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa dám mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề; một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng

QUAN ĐIỂM

Giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững là điều kiện để hoàn thành mục tiêu phấn đấu đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc

Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, khắc phục những khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính sáng tạo của các địa phương trong quá trình thực hiện. Lấy người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo là trung tâm, là chủ thể trong thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh; cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và giúp đỡ của cộng đồng xã hội thì tinh thần trách nhiệm, tính chủ động trong học tập, nâng cao trình độ, nâng cao kỹ năng lao động, kiến thức tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và ý thức tự vươn lên của bản thân các hộ nghèo, hộ cận nghèo là nhân tố quyết định thành công của công tác giảm nghèo

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, gắn với thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo phương châm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững nhằm tạo điều kiện cho các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác; xác định đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm, tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

Đa dạng hóa nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo, chú trọng tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt là nguồn lực của từng địa phương, các doanh nghiệp, vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, đối ứng của đối tượng hưởng lợi cùng với hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư tăng cường sự kết nối về hạ tầng, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo

Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phối hợp với các cấp chính quyền triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là trong việc vận động, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế; tuyên truyền vận động và cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tích cực, chủ động phát triển kinh tế, tham gia học nghề, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững

MỤC TIÊU

MỤC TIÊU CHUNG

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, trọng tâm là ở các huyện nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn, khu vực nông thôn; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phát triển kinh tế, tạo việc làm, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống

Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân trên 3%/năm, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4%/năm trở lên. Phần đầu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ

Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4%/ năm trở lên

MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN 2025

Đến hết năm 2023 không còn người có công với cách mạng thuộc đối tượng là hộ nghèo

NHIỆM VỤ

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế gia đình, nâng cao thu nhập; trọng tâm là thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ tạo sinh kế, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất, góp phần thay đổi diện mạo hạ tầng, kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và giúp cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao trình độ, kỹ năng lao động, kỹ năng tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và có điều kiện tham gia các chương trình, dự án phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững ngay trên mảnh đất và quê hương mình

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo nguyên nhân dẫn đến nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo. Trong đó quan tâm thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp về hỗ trợ đào tạo nghề, việc làm; tín dụng ưu đãi; chuyển giao khoa học kỹ thuật; hỗ trợ hộ nghèo thiếu đất sản xuất; hỗ trợ về nhà ở, về y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, kiến thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; chú trọng các biện pháp tuyên truyền, vận động để các hộ nghèo nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân, từ đó chủ động trong tham gia các chương trình hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cách thức tổ chức cuộc sống, nỗ lực vươn lên trong phát triển kinh tế, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng để vươn lên thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Nghiên cứu có cơ chế hoặc hình thức phù hợp để cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, để phấn đấu hoàn một số nhiệm vụ sau:

100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi

Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 50 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo

80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Phấn đấu giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu kiến thức về sản xuất từ 7.647 hộ đầu năm 2022 xuống còn 483 hộ vào cuối năm 2025

Các hộ nghèo, hộ cận nghèo có lao động trong độ tuổi và có khả năng làm việc, có ít nhất một thành viên có việc làm bền vững

100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Tạo việc làm tại tỉnh cho trên 16.700 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đưa trên 7.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đi làm việc ở ngoài tỉnh (trong đó ít nhất 2.000 người được hỗ trợ kết nối việc làm thành công qua các tổ chức dịch vụ việc làm); 800 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài thoát nghèo). Góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về việc làm xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2025 và giảm số hộ nghèo do nguyên nhân không có kỹ năng lao động sản xuất từ 10.595 hộ đầu năm 2022 xuống còn 269 hộ vào cuối năm 2025

100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh; cùng với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế khác, góp phần giảm hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn sản xuất từ 19.310 hộ đầu năm 2022 xuống còn 8.571 hộ vào cuối năm 2025 và hộ nghèo do nguyên nhân thiếu phương tiện sản xuất giảm từ 9.992 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.527 hộ vào cuối năm 2025

Tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gắn với quy hoạch sử dụng đất phù hợp, hiệu quả và các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn tín dụng ưu đãi để chuyển đổi nghề nghiệp góp phần giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu đất sản xuất từ 5.243 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.925 hộ vào cuối năm 2025

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo

2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và chính sách xã hội và các chính sách khác trên địa bàn tỉnh để góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

CHIỀU THIẾU HỤT VỀ Y TẾ

100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16%

CHIỀU THIẾU HỤT VỀ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%

Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tỷ lệ người lao động thuộc huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn qua đào tạo đạt 40%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 18%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn xuống dưới 15% vào cuối năm 2025

CHIỀU THIẾU HỤT VỀ NHÀ Ở

Huy động các nguồn lực của Nhà nước và toàn xã hội để hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn về nhà ở có nhu cầu làm mới và sửa chữa; trong đó có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh (có khoảng 2.284 hộ trên địa bàn các huyện nghèo) được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững. Cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân các hộ nghèo trong việc tự huy động nguồn lực cải thiện nhà ở, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về chất lượng nhà ở xuống dưới 25% và thiếu hụt về chỉ số diện tích nhà ở xuống dưới 20% vào cuối năm 2025

CHIỀU THIẾU HỤT VỀ NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH

95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh

CHIỀU THIẾU HỤT VỀ THÔNG TIN

90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, giải pháp hỗ trợ người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển kinh tế, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập

- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi
- Hỗ trợ phát triển sản xuất sản xuất, ổn định sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống cho người nghèo
- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
- Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế khu vực nông thôn, đặc biệt là huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn
- Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho những hộ nghèo thiếu đất sản xuất

Thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Hỗ trợ về giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia cho các trường ở huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa đến trường; giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn. Phần đầu tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; học sinh dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn

Hỗ trợ y tế

- Huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với với thực hiện các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh, nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16% vào năm 2025

- Thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Tuyên Quang trong tình hình mới; quan tâm tăng cường đầu tư cho Trạm Y tế xã, phường đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và theo chuẩn nông thôn mới, duy trì 100% Trạm Y tế cấp xã có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh về tuyến huyện và hỗ trợ chuyên môn từ tuyến huyện về Trạm Y tế xã, cùng với củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn bản, để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú
- Tích cực thực hiện việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, trong đó chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Gắn nhiệm vụ vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, thôn bản. Phấn đấu đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung mức đóng bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo. Phấn đấu 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tham gia bảo hiểm y tế
- Quan tâm nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng; kịp thời, chủ động ngăn chặn có hiệu quả, triệt để các loại dịch bệnh ở người, đặc biệt là đại dịch COVID-19. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ y tế, khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ người mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh

Hỗ trợ về nhà ở

- Huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, Dự án hỗ trợ về nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với huy động nguồn lực thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-MTTQ-BTT ngày 02/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong việc huy động các nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đang ở nhà tạm, đột nát được hỗ trợ làm mới và sửa chữa nhà ở. Phấn đấu đến hết năm 2025 có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nhà ở, trong đó hỗ trợ làm mới và sửa chữa từ các nguồn lực huy động tại Đề án xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là: 3.820 hộ nghèo (gồm: 1.428 hộ nghèo được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); hỗ trợ làm mới cho 1.200 hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực, kinh phí từ các nguồn hợp pháp để tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định của Chính phủ
- Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ

Hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Thực hiện có hiệu quả Dự án hỗ trợ nước sinh hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời tăng cường huy động nguồn lực thực hiện các dự án, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh. Quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng
- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, khai thác sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn
- Tích cực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, đặc biệt là vệ sinh môi trường nông thôn, tổ chức các phong trào vệ sinh môi trường gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; hỗ trợ và vận động nhân dân xây dựng 03 công trình vệ sinh ở nông thôn (nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi), gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về môi trường

Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 1, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội, giảm tỷ lệ mất cân đối về nhu cầu hưởng thụ thông tin giữa khu vực thành thị và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện, thành phố, các điểm Bưu điện văn hóa xã, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn. Đồng thời thực hiện có hiệu quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 theo Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên

Trợ giúp pháp lý

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả
- Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật

Các chính sách trợ giúp khác

- Duy trì thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định
- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững, trong đó quan tâm đến các dân tộc ít người, trình độ dân trí còn hạn chế; công tác định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong các khu rừng đặc dụng
- Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiếu đói lương thực, những hộ gặp tai nạn, rủi ro, thiên tai. Trợ giúp kịp thời cho các đối tượng bảo trợ xã hội
- Chủ động thực hiện phương án đối phó, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên diện rộng trong địa bàn toàn tỉnh, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, giúp người dân kịp thời khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống khi có thiên tai xảy ra

Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các nhà tài trợ để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống Nhân dân, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục, môi trường, du lịch. Ưu tiên các khoản viện trợ, hợp tác lâu dài về phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học công nghệ cho người nghèo và Nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số
- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài (vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức...) trên địa bàn tỉnh; đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, nhà tài trợ nước ngoài góp phần cải thiện điều kiện sống, sinh kế của người dân, hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh
- Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phi chính phủ, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo việc làm cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, doanh nghiệp, cộng đồng trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong việc triển khai thực hiện tuyên truyền Chương trình giảm nghèo đến hội viên, đoàn viên và Nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững. Đặc biệt phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; hỗ trợ về cây con giống, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiếu lao động; hỗ trợ hộ nghèo xóa nhà ở tạm, nhà ở bị dột nát
- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng trong việc thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững
- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan gây lãng phí; tuyên truyền, vận động Nhân dân đấu tranh với các loại tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc, cho vay nặng lãi trái pháp luật
- Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững
- Thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực giảm nghèo

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; thực hiện giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật
- Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành; việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo phải cụ thể theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của Đề án và phù hợp với địa phương, ngành, đơn vị
- Thường xuyên rà soát các hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo hằng năm để xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công cho các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên hỗ trợ, theo dõi, giúp đỡ các hộ phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững, gắn với thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BDVTU ngày 10/9/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về việc vận động đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tham gia các hoạt động với Nhân dân tại cơ sở
- Thực hiện việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các cấp đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng địa phương và có sự thống nhất của các cấp (xã /huyện /tỉnh), không thực hiện việc giao chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích

- Tăng cường đổi mới cơ chế thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá; đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức chủ trì, quản lý các chương trình, chính sách giảm nghèo với các cơ quan liên quan khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước đối với công tác giảm nghèo; đảm bảo các chương trình, chính sách giảm nghèo được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng
- Thực hiện rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá. Thực hiện chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các chính sách, giải pháp giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi tiêu cực, để xảy ra thất thoát lãng phí trong quản lý và thực hiện các chính sách giảm nghèo
- Định kỳ tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện các chính sách, công tác giảm nghèo

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tham gia tích cực của Nhân dân về thực hiện giảm nghèo bền vững

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 2, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội
- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo và những nội dung của Đề án đến các cấp, các ngành và Nhân dân, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả của các cấp, các ngành, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo
- Nội dung tuyên truyền cần làm rõ trách nhiệm của bản thân người nghèo trong việc phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo, phải làm cho người nghèo nhận thức rõ chính sách của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân là chính; hộ nghèo, hộ cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo, do đó cần sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng
- Nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, quyết tâm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong các tỉnh miền núi phía Bắc

Huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Đề án

- Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước, trong đó chủ yếu từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch trung hạn, hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về hỗ trợ phát triển phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản được lồng ghép, bố trí, huy động từ nguồn ngân sách nhà nước theo các cơ chế, chính sách hiện hành, từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác
- Tăng cường các giải pháp và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực thực hiện Đề án, trong đó ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng, dẫn dắt, tạo động lực. Tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn tín dụng ưu đãi; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng
- Việc xây dựng kế hoạch, bố trí và sử dụng nguồn lực cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn phải được thực hiện công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có sự tham gia của người dân. Ưu tiên nguồn lực cho những vùng, những đối tượng khó khăn nhất, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng

NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 là: 1.301.761 triệu đồng, trong đó:

Nguồn ngân sách
Trung ương:
1.064.490 triệu đồng

Nguồn ngân sách
địa phương:
31.871 triệu đồng

Nguồn xã hội hóa:
205.400 triệu đồng

Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021- 2025: 167.025 triệu đồng

Vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 955.079 triệu đồng

Kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025: Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới

Huy động từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

ĐỀ ÁN

Giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025

*(ban hành kèm theo Quyết định số 377/QĐ-UBND
ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Một số kết quả chủ yếu

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2020 và các nghị quyết, kết luận về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách, kế hoạch phân bổ nguồn lực, chỉ đạo tập trung thực hiện giải pháp giảm nghèo, hỗ trợ Nhân dân phát

triển kinh tế, nâng cao thu nhập; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong việc phối hợp với các cấp chính quyền để huy động nguồn lực và vận động, tuyên truyền, triển khai, thực hiện các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình cụ thể góp phần giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới, vận động xây dựng Quỹ “Vì người nghèo”.

- Các cấp, các ngành trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực triển khai các chương trình, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn, đồng thời tăng cường tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người nghèo và cộng đồng trong công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, sự nỗ lực của người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng.

Giai đoạn 2016 - 2021 tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân hằng năm trên 3,54%, vượt mục

tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

2. Hạn chế

Chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo còn cao; kinh tế ở một số xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn chậm phát triển, tập quán canh tác, sản xuất còn lạc hậu, năng suất lao động thấp, thu nhập thấp, đời sống một bộ phận Nhân dân còn khó khăn.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan:* Điều kiện tự nhiên của tỉnh, đặc biệt là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn chưa thuận lợi; địa hình chia cắt; đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu; thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa thật sự phù hợp, đồng bộ...

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công, phân cấp có

lúc còn chưa phù hợp. Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa dám mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề; một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng.

II- THỰC TRẠNG NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thực trạng hộ nghèo

Theo kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 tại thời điểm đầu năm 2022 toàn tỉnh có 50.033 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 23,45% và 16.749 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,85%. Số hộ nghèo chủ yếu tập trung tại các huyện, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó, các huyện Lâm Bình, Na Hang có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh;

tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 37,32% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn tỉnh và chiếm tỷ lệ 81,35% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh; toàn tỉnh có 163 hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công với cách mạng, chiếm tỷ lệ 0,33% so với tổng số hộ nghèo.

2. Nguyên nhân dẫn đến nghèo

- *Nguyên nhân khách quan:* Do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên chung của tỉnh không thuận lợi (không có cảng biển, cửa khẩu, chưa có đường sắt, đường cao tốc...); địa hình các huyện vùng cao, các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa chia cắt, đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều hộ nghèo cận nghèo còn thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, thiếu phương tiện sản xuất; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo còn hạn chế; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ, chưa có giải pháp tập trung và ưu tiên nguồn lực vào giải quyết các vấn đề sinh kế ổn định cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp

ứng được nhu cầu thực tiễn; số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, doanh thu nhỏ, chưa thu hút được nhiều lao động vào làm việc để chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương và tiêu thụ sản phẩm do người dân sản xuất ra để nâng cao thu nhập; một số hộ nghèo do trong gia đình có người ốm đau thường xuyên, tàn tật, già cả, có người mắc tệ nạn xã hội. Ngoài ra diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp; tác động suy thoái kinh tế, biến động giá cả; ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 làm giảm cơ hội tìm kiếm việc làm, do đổi mới khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến việc làm của người dân cũng ảnh hưởng và làm tăng nguy cơ dẫn đến nghèo.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề.

Một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng. Một số cấp uỷ đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, quyết liệt, việc quy hoạch đất sản xuất và các loại cây trồng, vật nuôi chưa thật sự phù hợp, thích ứng với thị trường tiêu thụ; công tác quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công phân cấp chưa phù hợp.

3. Đánh giá mức độ thiếu hụt xã hội cơ bản của hộ nghèo

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025, với 12 chỉ số để đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp

cận thông tin), thì mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo khá đa dạng, tuy nhiên thiếu hụt nhiều nhất tập trung ở các chỉ số: Việc làm; nhà tiêu hợp vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; người phụ thuộc trong hộ gia đình; chất lượng nhà ở; sử dụng dịch vụ viễn thông...

III- QUAN ĐIỂM

1. Giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững là điều kiện để hoàn thành mục tiêu phấn đấu đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, khắc phục những khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính sáng tạo của các địa phương trong quá trình thực hiện. Lấy người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo là trung tâm,

là chủ thể trong thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh; cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và giúp đỡ của cộng đồng xã hội thì tinh thần trách nhiệm, tính chủ động trong học tập, nâng cao trình độ, nâng cao kỹ năng lao động, kiến thức tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và ý thức tự vươn lên của bản thân các hộ nghèo, hộ cận nghèo là nhân tố quyết định thành công của công tác giảm nghèo.

3. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, gắn với thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo phương châm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững nhằm tạo điều kiện cho các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác; xác định đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm, tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là

nhiệm vụ trọng tâm, nhằm giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

4. Đa dạng hóa nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo, chú trọng tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt là nguồn lực của từng địa phương, các doanh nghiệp, vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, đối ứng của đối tượng hưởng lợi cùng với hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư tăng cường sự kết nối về hạ tầng, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

5. Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phối hợp với các cấp chính quyền triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là trong việc vận động, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế; tuyên truyền vận động và cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường,

tích cực, chủ động phát triển kinh tế, tham gia học nghề, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững.

IV- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, trọng tâm là ở các huyện nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn, khu vực nông thôn; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phát triển kinh tế, tạo việc làm, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

- Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân trên 3%/năm, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4%/năm trở lên. Phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ.

- Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4%/năm trở lên.

- Đến hết năm 2023 không còn người có công với cách mạng thuộc đối tượng là hộ nghèo.

V- NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế gia đình, nâng cao thu nhập; trọng tâm là thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ tạo sinh kế, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất, góp phần thay đổi diện mạo hạ tầng, kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn

và giúp cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao trình độ, kỹ năng lao động, kỹ năng tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và có điều kiện tham gia các chương trình, dự án phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững ngay trên mảnh đất và quê hương mình.

- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo nguyên nhân dẫn đến nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo. Trong đó quan tâm thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp về hỗ trợ đào tạo nghề, việc làm; tín dụng ưu đãi; chuyển giao khoa học kỹ thuật; hỗ trợ hộ nghèo thiếu đất sản xuất; hỗ trợ về nhà ở, về y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, kiến thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; chú trọng các biện pháp tuyên truyền, vận động để các hộ nghèo nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân, từ đó chủ động trong tham gia các chương trình hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ

thuật, cách thức tổ chức cuộc sống, nỗ lực vươn lên trong phát triển kinh tế, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng để vươn lên thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Nghiên cứu có cơ chế hoặc hình thức phù hợp để cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể

2.1. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, để phấn đấu hoàn một số nhiệm vụ sau:

- 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục

vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 50 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Phấn đấu giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu kiến thức về sản xuất từ 7.647 hộ đầu năm 2022 xuống còn 483 hộ vào cuối năm 2025.

- Các hộ nghèo, hộ cận nghèo có lao động trong

độ tuổi và có khả năng làm việc, có ít nhất một thành viên có việc làm bền vững.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Tạo việc làm tại tỉnh cho trên 16.700 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đưa trên 7.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đi làm việc ở ngoài tỉnh (trong đó ít nhất 2.000 người được hỗ trợ kết nối việc làm thành công qua các tổ chức dịch vụ việc làm); 800 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài thoát nghèo). Góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về việc làm xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2025 và giảm số hộ nghèo do nguyên nhân không có kỹ năng lao động sản xuất từ 10.595 hộ đầu năm 2022 xuống còn 269 hộ vào cuối năm 2025.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh

doanh; cùng với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế khác, góp phần giảm hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn sản xuất từ 19.310 hộ đầu năm 2022 xuống còn 8.571 hộ vào cuối năm 2025 và hộ nghèo do nguyên nhân thiếu phương tiện sản xuất giảm từ 9.992 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.527 hộ vào cuối năm 2025.

- Tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gắn với quy hoạch sử dụng đất phù hợp, hiệu quả và các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn tín dụng ưu đãi để chuyển đổi nghề nghiệp góp phần giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu đất sản xuất từ 5.243 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.925 hộ vào cuối năm 2025.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

2.2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cùng với hệ thống chính sách

giảm nghèo và chính sách xã hội và các chính sách khác trên địa bàn tỉnh để góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

- *Chiều thiếu hụt về y tế:* 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16%.

- *Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:*

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%.

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn qua đào tạo đạt 40%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 18%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn xuống dưới 15% vào cuối năm 2025.

Chiều thiếu hụt về nhà ở: Huy động các nguồn lực

của Nhà nước và toàn xã hội để hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn về nhà ở có nhu cầu làm mới và sửa chữa; trong đó có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững. Cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân các hộ nghèo trong việc tự huy động nguồn lực cải thiện nhà ở, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về chất lượng nhà ở xuống dưới 25% và thiếu hụt về chỉ số diện tích nhà ở xuống dưới 20% vào cuối năm 2025.

Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

VI- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, giải pháp hỗ trợ người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển kinh tế, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập

1.1. Hỗ trợ tín dụng ưu đãi

- Triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tín dụng chính sách xã hội.*

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tín dụng chính sách xã hội. Công khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín dụng ưu đãi và quy định của Ngân hàng chính sách xã hội về hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi.

- Tích cực thực hiện các giải pháp huy động, duy trì và điều hành có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ

mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Hằng năm, ưu tiên dành một phần nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; phân đầu nguồn vốn địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn địa phương cao hơn tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn trung ương. Thực hiện có hiệu quả các chính sách của trung ương, của tỉnh về cho vay hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định.

- Gắn kết chặt chẽ giữa cho vay tín dụng ưu đãi với hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao kỹ năng tay nghề, quản trị vốn vay. Phát huy vai trò của các tổ chức nhận ủy thác, cán bộ khuyến nông trong hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh khi vay vốn; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân vay vốn với mức vay tối đa để phát triển sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất sản xuất, ổn định sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống cho người nghèo

- Huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 2, Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, vùng dân tộc thiểu số thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chính sách, đề án, chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI), Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND

ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập, gắn với quy hoạch sản xuất, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 8/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp tục

củng cố, đổi mới hoạt động của hệ thống khuyến nông, đặc biệt là khuyến nông cơ sở, có cơ chế phù hợp về tổ chức, đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ khuyến nông các cấp trong việc giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập; đặc biệt gắn việc đào tạo chuyển giao khoa học tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với xây dựng phương án vay vốn tín dụng ưu đãi để sản xuất, chăn nuôi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ đối với cây trồng, vật nuôi, phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn sản xuất cho nông dân; hướng dẫn người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo quản sản phẩm nông nghiệp, cập nhật các thông tin về thị trường và giá cả các mặt hàng nông sản để có định hướng đầu tư sản xuất, tiếp cận thị trường, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động và thu nhập.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về khuyến công; khuyến khích và hỗ trợ để thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ở các vùng nông thôn. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025 và “phát triển hệ thống kênh phân phối hàng Việt, tập trung vào thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa”. Triển khai các mô hình, phong trào khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, phát triển ngành nghề truyền thống, mô hình sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ ở nông thôn để hộ nghèo, người dân ở huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội tham gia, học tập kinh nghiệm; hỗ trợ cá nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung

ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề nhằm tạo việc làm cho người nghèo, cận nghèo. Tích cực triển khai và ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, nhằm tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.3. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Huy động và tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với các Dự án hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhằm phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo để đào tạo nghề cho người dân, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc

làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; tăng cường đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025 đào tạo nghề cho trên 9.000 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động thuộc huyện nghèo, cùng với các giải pháp hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật khác.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Giáo dục nghề nghiệp-Việc làm tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án “Xây dựng Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao của tỉnh” theo Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tăng cường đào

tạo nghề lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, các chương trình, dự án của tỉnh và thị trường lao động trong nước và nước ngoài; thực hiện các chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số và người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường lao động đến năm 2030, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, kết nối với thị trường toàn quốc. Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch, sàn giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trong đó quan tâm đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình thiếu đất sản xuất, lao động phải chuyển đổi ngành nghề, lao động thuộc diện di dân tái định cư, nhằm

tạo cơ hội cho người lao động có cơ hội tìm việc làm, đi làm việc ở các nhà máy, các khu công nghiệp trong tỉnh, trong nước, nâng cao thu nhập, góp phần hạn chế phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm để cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với phương án, dự án vay vốn khả thi, sử dụng nhiều lao động và cho vay đối với đối tượng là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, chuyển đổi ngành nghề, lao động là người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về *đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025*, chú trọng lựa chọn, khuyến khích các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tham gia tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Làm tốt công tác tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước

ngoài. Quan tâm bố trí kinh phí, đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện triệt để, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ban đầu, chính sách hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo các quy định hiện hành. Phân đầu đưa trên 800 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.4. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế khu vực nông thôn, đặc biệt là huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn

- Huy động nguồn lực và tổ chức hiện có hiệu quả Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình khác để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các huyện phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết, kết nối hệ thống giao thông nông thôn với các khu vực trung

tâm, vùng động lực phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thương hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với thực hiện Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh để xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn và vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng

địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng điện lưới...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh, giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây mới, nâng cấp và quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích trồng lúa, trồng màu và diện tích cây trồng cận chủ lực tại các vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Thực hiện tốt công tác duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động thêm kinh phí duy tu và bảo dưỡng do cộng đồng tự đóng góp và giao cho cộng đồng chịu trách nhiệm duy tu và bảo dưỡng một số công trình có quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn,

để tăng tính sở hữu, trách nhiệm với bảo vệ và sử dụng công trình.

1.5. Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho những hộ nghèo thiếu đất sản xuất

- Huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Dự án hỗ trợ đất sản xuất và quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương; đồng thời tăng cường, đẩy mạnh thực hiện đào tạo nghề, tư vấn, hỗ trợ việc làm, cho vay vốn hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tại những nơi không còn quỹ đất để bố trí.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước sản xuất cho các hộ dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang và các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

2.1. Hỗ trợ về giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia cho các trường ở huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa đến trường; giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn. Phần đầu tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; học sinh dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

2.2. Hỗ trợ y tế

- Huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu

quả Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với với thực hiện các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh, nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16% vào năm 2025.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Tuyên Quang trong tình hình mới; quan tâm tăng cường đầu tư cho Trạm Y tế xã, phường đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và theo chuẩn nông thôn mới, duy trì 100% Trạm Y tế cấp xã có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh về tuyến huyện và hỗ trợ chuyên môn từ tuyến huyện về Trạm Y tế xã, cùng với củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y

tế cấp xã, thôn bản, để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú.

- Tích cực thực hiện việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, trong đó chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Gắn nhiệm vụ vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, thôn bản. Phấn đấu đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung mức đóng bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo. Phấn đấu 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tham gia bảo hiểm y tế.

- Quan tâm nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng; kịp thời, chủ động ngăn chặn có hiệu quả, triệt để các loại dịch bệnh ở người, đặc biệt là đại dịch COVID-19. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ y tế, khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ người mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh.

2.3. Hỗ trợ về nhà ở

- Huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, Dự án hỗ trợ về nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với huy động nguồn lực thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-MTTQ-BTT ngày 02/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong việc huy động các nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đang ở nhà tạm, dột nát được hỗ trợ làm mới và sửa chữa nhà ở. Phấn đấu đến hết năm 2025 có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nhà ở, trong đó hỗ trợ làm mới và

sửa chữa từ các nguồn lực huy động tại Đề án xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là: 3.820 hộ nghèo (*gồm: 1.428 hộ nghèo được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); hỗ trợ làm mới cho 1.200 hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực, kinh phí từ các nguồn hợp pháp để tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định của Chính phủ.

- Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

2.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Thực hiện có hiệu quả Dự án hỗ trợ nước sinh

hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời tăng cường huy động nguồn lực thực hiện các dự án, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh. Quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, khai thác sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- Tích cực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, đặc biệt là vệ sinh môi trường nông thôn, tổ chức các phong trào vệ sinh môi trường gắn

với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; hỗ trợ và vận động Nhân dân xây dựng 03 công trình vệ sinh ở nông thôn (*nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi*), gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về môi trường.

2.5. Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 1, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội, giảm tỷ lệ mất cân đối về nhu cầu hưởng thụ thông tin giữa khu vực thành thị và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy

phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện, thành phố, các điểm Bưu điện văn hóa xã, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn. Đồng thời thực hiện có hiệu quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 theo Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên.

2.6. Trợ giúp pháp lý

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

- Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

2.7. Các chính sách trợ giúp khác

- Duy trì thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách

hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững, trong đó quan tâm đến các dân tộc ít người, trình độ dân trí còn hạn chế; công tác định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong các khu rừng đặc dụng.

- Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình đời sống Nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiếu đói lương thực, những hộ gặp tai nạn, rủi ro, thiên tai. Trợ giúp kịp thời cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Chủ động thực hiện phương án đối phó, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên diện rộng trong địa bàn toàn tỉnh, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, giúp người dân kịp thời khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống khi có thiên tai xảy ra.

3. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các nhà tài trợ để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống Nhân dân, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục, môi trường, du lịch. Ưu tiên các khoản viện trợ, hợp tác lâu dài về phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học công nghệ cho người nghèo và Nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài (*vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức...*) trên địa bàn tỉnh; đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan,

tổ chức, nhà tài trợ nước ngoài góp phần cải thiện điều kiện sống, sinh kế của người dân, hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phi chính phủ, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo việc làm cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, doanh nghiệp, cộng đồng trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong việc triển khai thực hiện tuyên truyền Chương trình giảm nghèo đến hội viên, đoàn viên và Nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững. Đặc biệt

phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; hỗ trợ về cây con giống, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiếu lao động; hỗ trợ hộ nghèo xóa nhà ở tạm, nhà ở bị dột nát.

- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng trong việc thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn

viên và Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan gây lãng phí; tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh với các loại tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc, cho vay nặng lãi trái pháp luật.

- Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương.

5. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực giảm nghèo

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên

thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; thực hiện giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành; việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo phải cụ thể theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của Đề án và phù hợp với địa phương, ngành, đơn vị.

- Thường xuyên rà soát các hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo hằng năm để xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công cho các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên hỗ trợ, theo dõi, giúp đỡ các hộ phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững, gắn với thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BDVTU ngày 10/9/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về việc vận động đảng viên, cán

bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tham gia các hoạt động với Nhân dân tại cơ sở.

- Thực hiện việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các cấp đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng địa phương và có sự thống nhất của các cấp (xã/huyện/tỉnh), không thực hiện việc giao chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích.

- Tăng cường đổi mới cơ chế thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá; đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức chủ trì, quản lý các chương trình, chính sách giảm nghèo với các cơ quan liên quan khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước đối với công tác giảm nghèo; đảm bảo các chương trình, chính sách giảm nghèo được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, chương trình

trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Thực hiện rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá. Thực hiện chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các chính sách, giải pháp giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi tiêu cực, để xảy ra thất thoát lãng phí trong quản lý và thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Định kỳ tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện các chính sách, công tác giảm nghèo.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tham gia tích cực của Nhân dân về thực hiện giảm nghèo bền vững

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 2, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

về giảm nghèo và những nội dung của Đề án đến các cấp, các ngành và Nhân dân, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả của các cấp, các ngành, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

- Nội dung tuyên truyền cần làm rõ trách nhiệm của bản thân người nghèo trong việc phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo, phải làm cho người nghèo nhận thức rõ chính sách của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân là chính; hộ nghèo, hộ cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo, do đó cần sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng.

- Nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo

thoát nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, quyết tâm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

7. Huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Đề án

- Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước, trong đó chủ yếu từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch trung hạn, hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về hỗ trợ phát triển phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản được lồng ghép, bổ

trí, huy động từ nguồn ngân sách nhà nước theo các cơ chế, chính sách hiện hành, từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Tăng cường các giải pháp và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực thực hiện Đề án.

- Việc xây dựng kế hoạch, bố trí và sử dụng nguồn lực cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn phải được thực hiện công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có sự tham gia của người dân. Ưu tiên nguồn lực cho những vùng, những đối tượng khó khăn nhất, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng.

VII- NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: 1.301.761 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương: 1.064.490 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách địa phương: 31.871 triệu đồng.

- Nguồn xã hội hóa: 205.400 triệu đồng.

2. Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025: 167.025 triệu đồng.

3. Vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 955.079 triệu đồng.

4. Kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025: Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới.

5. Huy động từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

VIII- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành

Đề án được chỉ đạo, quản lý, điều phối, triển khai thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo Các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai một số nội dung cụ thể của Đề án. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện Đề án, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, đánh giá hằng năm, giữa kỳ và tổng kết, đánh giá khi kết thúc Đề án.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và quản lý, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Trực tiếp triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án được giao cho ngành và hướng dẫn triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc,

tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với các bộ, ban, ngành trung ương có liên quan để huy động nguồn lực thực hiện Đề án. Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền. Tham mưu xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thoát nghèo. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn và hằng năm. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện các giải pháp huy động nguồn lực hỗ trợ xóa hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công với cách mạng và xóa nhà ở tạm, đột nát cho hộ nghèo.

- Nghiên cứu tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện các dự án, chính sách, các hoạt động giảm nghèo trên địa bàn.

2.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Phong trào *“Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”*; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần *“tương thân, tương ái”* trong cộng đồng, dòng họ cùng giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, tích cực giảm nghèo bền vững. Vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, gây lãng phí, gắn với thực hiện Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.

Xây dựng kế hoạch phát động, vận động ủng hộ và triển khai sử dụng có hiệu quả, thiết thực Quỹ “*Vì người nghèo*” hằng năm. Triển khai thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 gắn với Đề án giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, để góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo của tỉnh. Giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư.

2.3. Các cơ quan, đơn vị liên quan

Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông Vận tải; Sở Tư pháp; Sở Ngoại vụ; Ban Dân tộc tỉnh; Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Tuyên Quang; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang; một số sở, ban, ngành, cơ quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong Đề án, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

ĐỀ ÁN

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
(ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

QUAN ĐIỂM

Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (sau đây viết tắt là KT - XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) là đầu tư cho phát triển bền vững.

Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển KT - XH có trọng tâm, trọng điểm đối với vùng đồng bào DTTS&MN đảm bảo để các xã, thôn thoát nghèo bền vững, gắn với xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Huy động mọi nguồn lực, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, sự tham gia của cộng đồng, người dân, phát huy tiềm năng, lợi thế vùng đồng bào DTTS&MN để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phấn đấu thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS) với các vùng miền khác.

Đảm bảo thực hiện các mục tiêu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển bền vững.

Tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị, sự đồng thuận cao trong xã hội, tiếp tục củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh so với bình quân chung của cả nước

Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân

MỤC TIÊU CHUNG

Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS

Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước

MỘT SỐ MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

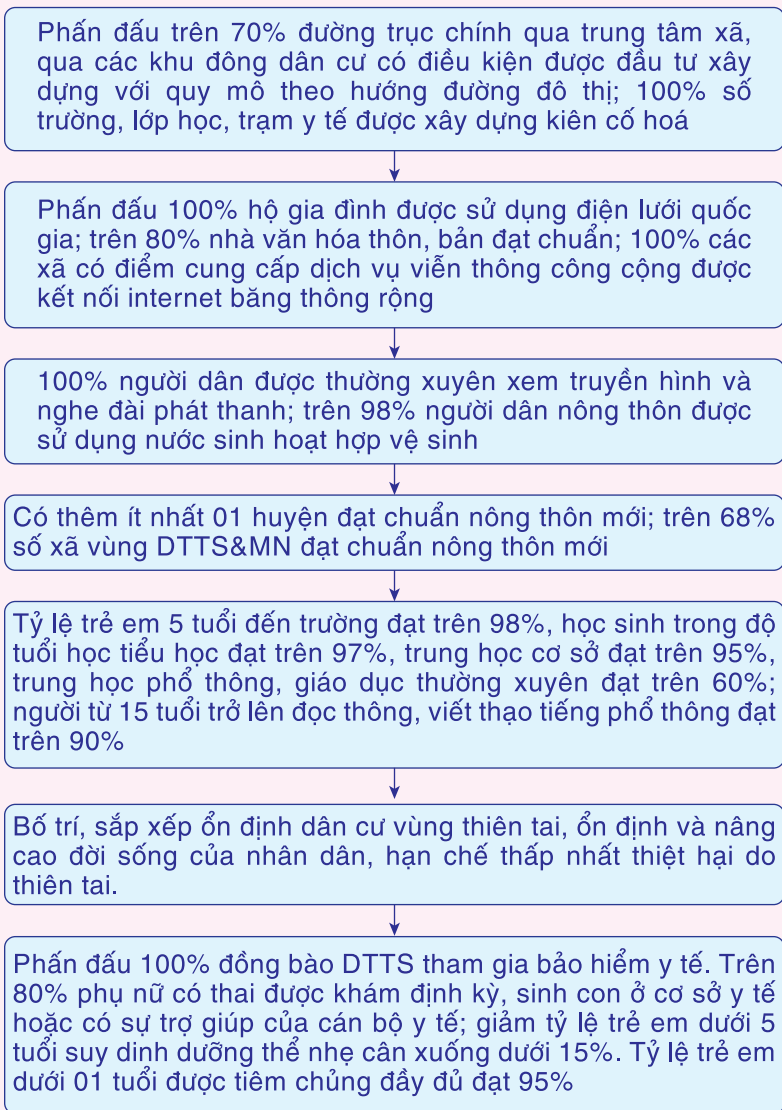
Phần đầu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020

Tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm bình quân từ 4%/năm trở lên

50% lao động người DTTS trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN

100% đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã được nhựa hoá, bê tông hoá

Phần đầu trên 70% đường trục chính qua trung tâm xã, qua các khu đông dân cư có điều kiện được đầu tư xây dựng với quy mô theo hướng đường đô thị; 100% số trường, lớp học, trạm y tế được xây dựng kiên cố hoá



80% số thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống thành lập câu lạc bộ bảo tồn tiếng nói, trang phục dân tộc và câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian của dân tộc mình



10% di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được kiểm kê, đánh giá toàn diện



Khảo sát, lựa chọn ít nhất 07 thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống để đầu tư bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch



Xây dựng 02 chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn phát triển văn hóa phi vật thể các DTTS



Xây dựng 03 mô hình văn hóa truyền thống các DTTS, mô hình di sản kết nối với các hành trình du lịch



Giảm 50% số xã đặc biệt khó khăn của giai đoạn 2021 - 2025

MỘT SỐ MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030



Phần đầu tăng trưởng kinh tế bình quân vùng đồng bào DTTS&MN đạt bình quân 10,5%/năm



Thu nhập bình quân người DTTS số bằng $\frac{1}{2}$ bình quân chung cả nước



Tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm xuống dưới 10%

Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt trên 50%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ; trên 70% số lao động người DTTS trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm

Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 72 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 65 năm

Hàng năm, thu hút 3% lao động sang làm việc ở các lĩnh vực: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch

100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo các nhóm đối tượng

Xoá tình trạng nhà ở đơn sơ, thiếu kiên cố cho đồng bào dân tộc thiểu số; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái

100% số xã vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng được yêu cầu phát triển KH - XH và đời sống của nhân dân

Cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn; phấn đấu 90% xã thuộc vùng DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới

Duy trì tỷ lệ 100% người DTTS có thẻ bảo hiểm y tế

90% số thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống, thành lập câu lạc bộ bảo tồn tiếng nói, trang phục dân tộc và câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian của dân tộc mình

100% đơn vị hành chính cấp xã có nhà văn hoá, trong đó trên 80% đạt chuẩn theo quy định. 100% thôn, bản có nhà văn hoá

Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong khu rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất

Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông, lâm nghiệp hàng hóa

Duy trì, ổn định độ che phủ rừng đạt trên 65%

Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Để hoàn thành các mục tiêu của Đề án, giai đoạn 2021 - 2025 tập trung triển khai thực hiện 10 dự án sau:

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Đề án

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động

Huy động, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Đề án

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp

Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng vùng DTTS&MN

Kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với phát triển du lịch

Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo vùng đồng bào DTTS&MN

Thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững

VỐN VÀ NGUỒN VỐN

Tổng vốn giai đoạn 2021 - 2025: 4.423.492,5 triệu đồng
Cụ thể:

Ngân sách Trung ương:
3.254.268 triệu đồng
(vốn đầu tư: 1.819.315
triệu đồng; vốn sự nghiệp:
1.434.953 triệu đồng)

Vốn tín dụng:
974.550,5 triệu đồng

Ngân sách địa phương:
162.777 triệu đồng
(vốn đầu tư: 108.269
triệu đồng; vốn sự nghiệp:
54.508 triệu đồng)

Vốn huy động khác:
31.897 triệu đồng

ĐỀ ÁN

**Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**
*(ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-UBND
ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Quan điểm

Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (sau đây viết tắt là KT - XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) là đầu tư cho phát triển bền vững.

Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp tập trung, ưu tiên đầu tư phát triển KT - XH có trọng tâm, trọng điểm đối với vùng đồng bào DTTS&MN đảm bảo để các xã, thôn thoát nghèo bền vững, gắn với xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Huy động mọi nguồn lực, trong đó nguồn lực Nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác.

Phát huy vai trò, trách nhiệm, sự tham gia của cộng đồng, người dân, phát huy tiềm năng, lợi thế vùng đồng bào DTTS&MN để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phấn đấu thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) với các vùng khác.

Đảm bảo thực hiện các mục tiêu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển bền vững.

Tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị, sự đồng thuận cao trong xã hội, tiếp tục củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh so với bình quân chung của cả nước.

Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT - XH đồng bộ, liên vùng, kết

nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân.

Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS.

Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phần đầu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm bình quân từ 4%/năm trở lên.

- 50% lao động người DTTS trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN.

- 100% đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã được nhựa hoá, bê tông hoá. Phân đầu trên 70% đường trục chính qua trung tâm xã, qua các khu đông dân cư có điều kiện được đầu tư xây dựng với quy mô theo hướng đường đô thị. 100% số trường, lớp học, trạm y tế được xây dựng kiên cố hoá.

- Phân đầu 100% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia; trên 80% nhà văn hóa thôn, bản đạt chuẩn; duy trì và phát triển các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông tại các trung tâm xã, 100% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối internet băng thông rộng. 100% người dân được thường xuyên xem truyền hình và nghe đài phát thanh; trên 98% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới; có thêm ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trên 68% số xã vùng DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới.

- Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai.

- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến trường đạt trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt trên 97%, trung học cơ sở đạt trên 95%, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt trên 60%; trên 90% người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông.

- Phần đầu 100% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95%.

- 80% số thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống thành lập câu lạc bộ bảo tồn tiếng nói, trang phục dân tộc và câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian của dân tộc mình; 10% di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được kiểm kê, đánh giá toàn diện. Khảo sát, lựa chọn ít nhất 07 thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống để đầu tư bảo tồn văn hóa gắn với phát triển

du lịch. Xây dựng 02 chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn phát triển văn hóa phi vật thể các DTTS. Xây dựng 03 mô hình văn hóa truyền thống các DTTS, mô hình di sản kết nối với các hành trình du lịch.

- Giảm 50% số xã đặc biệt khó khăn của giai đoạn 2021 - 2025.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

2.3. Một số mục tiêu định hướng đến năm 2030

- Phân đầu tăng trưởng kinh tế bình quân vùng đồng bào DTTS&MN đạt bình quân 10,5%/năm.

- Thu nhập bình quân người DTTS số bằng $\frac{1}{2}$ bình quân chung cả nước.

- Tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm xuống dưới 10%.

- Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt trên 50%, trong đó có ít nhất 50% là

lao động nữ; trên 70% số lao động người DTTS trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

- Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 72 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 65 năm.

- Hằng năm, thu hút 3% lao động sang làm việc ở các lĩnh vực: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo các nhóm đối tượng. Quan tâm đào tạo sau đại học cho người DTTS, trong đó ưu tiên đối với các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số người dân tộc thiểu số ở từng địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, thiếu kiên cố cho đồng bào dân tộc thiểu số; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- 100% số xã vùng đồng bào DTTS&MN có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng được yêu cầu phát triển KH - XH và đời sống của nhân dân.

- Cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn; phần đầu 90% xã thuộc vùng DTTS&MN đạt chuẩn nông thôn mới.

- Duy trì tỷ lệ 100% người DTTS có thể bảo hiểm y tế.

- 90% số thôn có đồng đồng bào DTTS sinh sống, thành lập câu lạc bộ bảo tồn tiếng nói, trang phục dân tộc và câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian của dân tộc mình. 100% đơn vị hành chính cấp xã có nhà văn hoá, trong đó trên 80% đạt chuẩn theo quy định. 100% thôn, bản có nhà văn hoá.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong khu rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông, lâm nghiệp hàng hóa.

- Duy trì, ổn định độ che phủ rừng đạt trên 65%.

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3- Nhiệm vụ trọng tâm

Để hoàn thành các mục tiêu của Đề án, giai đoạn 2021-2025 tập trung triển khai thực hiện 10 dự án sau:

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Hỗ trợ cho 106 hộ có nhu cầu hỗ trợ về đất ở; hỗ trợ cho 2.096 hộ có nhu cầu hỗ trợ về nhà ở; hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất cho 213 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 11.054 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 10.360 hộ, 20 công trình nước sinh hoạt tập trung.

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Bố trí ổn định dân cư cho 261 hộ.

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ giao khoán bảo vệ 323.658,1 ha rừng; hỗ trợ bảo vệ 19.726,0 ha rừng; hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: 5.064,9 ha; trợ cấp gạo trồng rừng cho hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ: 1.559,3 ha

Đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị: 46 xã khu vực III; 08 xã ATK; 103 thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I và II.

Đầu tư vùng trồng dược liệu quý: Các dự án phát triển sâu và dược liệu quý ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS (ưu tiên các dự án trên 50% lao động là nữ)

Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh: 56 mô hình.

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào DTTS&MN

Đầu tư cơ sở hạ tầng 916 công trình tại xã khu vực III, xã ATK và thôn ĐBK; duy tu bảo dưỡng 157 công trình hạ tầng tại xã khu vực III, xã ATK và tại thôn ĐBK; 21 công trình cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã; 22 công trình xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN.

Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ học tập, sinh hoạt cho giáo viên và học sinh; mua sắm trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy và học tập cho trường Đại học Tân Trào.

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thiết bị phục vụ công tác nội trú, bán trú cho 29 trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN.

Bố trí 10.682 triệu đồng xây dựng chương trình, giáo trình để thực hiện các mô hình, các lớp đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng

Bố trí 140.490 triệu đồng xây dựng các mô hình, các lớp đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán.

Hỗ trợ 27.384 triệu đồng cho người lao động vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bố trí 2.953 triệu đồng để cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ, tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS.

Bố trí 68.516,6 triệu đồng tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào DTTS.

Bố trí 3.000 triệu đồng tuyên truyền tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp, việc làm và kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình.

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Bố trí 1.250 triệu đồng để khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, lưu giữ, trưng bày di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS.

Bố trí 2.800 triệu đồng bảo tồn lễ hội truyền thống, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

Bố trí 1.357 triệu đồng hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú.

Bố trí 3.600 triệu đồng tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống vùng đồng bào DTTS; bồi

duỡng kỹ năng phục vụ khách du lịch....

Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng bảo tồn, phát triển văn hoá phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một 2.400 triệu đồng.

Hỗ trợ 6.300 triệu đồng xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa, phim tư liệu về đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS.

Bô trí 1.500 triệu đồng để tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan các loại hình văn học nghệ thuật của đồng bào DTTS.

Bô trí 400 triệu đồng tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống cấp tỉnh.

Hỗ trợ 4.000 triệu đồng cho chương trình tuyên truyền quảng bá giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của ĐBDTTS; chương trình quảng bá xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

Hỗ trợ 21.120 triệu đồng đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống các đồng bào DTTS phục vụ phát triển du lịch.

Hỗ trợ 1.680 triệu đồng xây dựng tủ sách cộng đồng vùng đồng bào DTTS.

Hỗ trợ 23.000 triệu đồng tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 05 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia.

Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị văn hóa và thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS 2.500 triệu đồng.

Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống DTTS có dân số ít người 12.756 triệu đồng.

Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS, mô hình di sản tiếp nối với các hành trình du lịch 2.952 triệu đồng.

Bố trí 7.807 triệu đồng xây dựng các câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

Hỗ trợ 2.636 triệu đồng cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS...

Hỗ trợ 2.062 triệu đồng đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng ĐBDTTS&MN.

Bố trí 1.896 triệu đồng tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống cấp huyện.

Hỗ trợ 18.000 triệu đồng xây dựng thiết kế văn hóa và thể thao tại các thôn đồng bào DTTS.

Bố trí 9.638 triệu đồng xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái tại làng văn hóa nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng DTTS hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em

Đầu tư 11.465 triệu đồng xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư 5.690 triệu đồng nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đầu tư 16.025 triệu đồng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Hỗ trợ 30.309 triệu đồng cho hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hoá có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

Hỗ trợ 35.616 triệu đồng xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

Hỗ trợ 17.302 triệu đồng cho việc đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Hỗ trợ 1.924 triệu đồng cho việc trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Đầu tư 217.193 triệu đồng phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

Đầu tư 14.894 triệu đồng thực hiện giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

Đầu tư 72.263 triệu đồng thực hiện biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện.

Đầu tư 30.019 triệu đồng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT - XH và đảm bảo an ninh trật tự.

Hỗ trợ 9.174 triệu đồng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

4- Giải pháp thực hiện

4.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án. Tăng cường phân cấp, phát huy vai trò chủ động của các địa phương và sự tham gia, giám sát của cộng đồng, người dân vùng đồng bào DTTS&MN; đảm bảo sử dụng đúng mục

tiêu, có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ; không để xảy ra sai phạm trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sinh kế, việc làm góp phần thực hiện giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào DTTS&MN.

Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở có uy tín, năng lực công tác phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Đề án; kịp thời nắm bắt, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

4.2. Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động

Chú trọng thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, vận động gắn với phát động các phong trào thi đua, nhất là phát huy vai trò, sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội.

Tuyên truyền sâu rộng về quan điểm, mục tiêu và

chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, người dân, kịp thời nhân rộng các gương điển hình trong thực hiện Đề án, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào DTTS để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện Đề án.

4.3. Huy động, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Đề án

Nguồn vốn thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác được nêu tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

Tăng cường các giải pháp và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực thực hiện Đề án, trong đó ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng, quyết định. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ trên địa bàn.

Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các dự án liên quan; huy động nguồn vốn tín dụng cho các hợp phần dự án.

Vận động người dân tham gia đóng góp vật chất, ngày công để góp phần hoàn thành mục tiêu Đề án.

Ưu tiên tập trung nguồn lực để thực hiện đầu tư, hỗ trợ các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn; các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

4.4. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp

Tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

Hình thành, nhân rộng và phát triển vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, có quy hoạch, gắn với thực hiện Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP)”.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp đa chức năng, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; khai thác hiệu quả

điều kiện tự nhiên riêng có để phát triển một số sản phẩm đặc sản có giá trị cao, được thị trường ưa chuộng.

Xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phục tráng một số loại giống tốt của địa phương. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, quy mô sản xuất cho phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác. Phát triển ổn định vùng chuyên canh cây ăn quả, cây công nghiệp và một số cây trồng có lợi thế.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để quy hoạch, phát triển sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo phát triển bền vững.

Thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Tuyên Quang. Hình thành 2 vùng sản xuất lâm nghiệp: Vùng cây nguyên liệu gỗ cho chế biến phục vụ xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy giấy trên địa bàn; duy trì tỷ lệ che phủ và nâng cao chất lượng rừng.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; đổi mới thể chế tài chính, tín dụng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận cho nông dân và doanh nghiệp.

4.5. Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng vùng DTTS&MN

Đưa danh mục dự án đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; rà soát, tập trung thực hiện các dự án đã thẩm định nguồn vốn và thông báo vốn trung hạn 2021 - 2025 để được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA...

Tăng cường chức năng quản lý Nhà nước đồng bộ ở tất cả các khâu quy hoạch, kế hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hệ thống hạ tầng.

Mở rộng, nâng cấp hệ thống điện đảm bảo cung ứng nguồn điện ổn định, chất lượng, an toàn; Tăng cường quản lý chất lượng dịch vụ, phục vụ và việc cung ứng các sản phẩm viễn thông trên địa bàn tỉnh.

4.6. Kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với phát triển du lịch

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; xây dựng, phục dựng, nhân rộng sản phẩm văn hóa phục vụ phát triển du lịch tại địa phương.

Khai thác tiềm năng về du lịch lịch sử cách mạng, văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc.

Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách; hỗ trợ người dân trực tiếp tham gia kinh doanh du lịch; chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch, nhất là du lịch cộng đồng.

4.7. củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo vùng đồng bào DTTS&MN

Phát triển hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú.

Duy trì tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, từng bước nâng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp cấp trung học phổ thông (phổ thông, Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học nghề) và tỷ lệ lao động qua đào tạo. Thực hiện tốt việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ bậc trung học cơ sở.

Tiếp tục thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người dạy, người học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng (giáo dục định hướng) để thanh niên dân tộc thiểu số tìm kiếm việc làm ở khu công nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đào tạo, tiếp nhận tạo việc làm mới cho người dân tộc thiểu số.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất lớp học, nhà

công vụ giáo viên; nhà bán trú; các phòng học chức năng ... cho các trường học trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

4.8. Thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã; nâng cao tỷ lệ người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn tham gia bảo hiểm y tế; triển khai các chương trình hỗ trợ dinh dưỡng và chăm sóc đối với trẻ em và bà mẹ trẻ em ở vùng DTTS&MN.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy ngành y tế từ tỉnh đến xã, phường theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; triển khai thực hiện có hiệu

quả các chiến lược, chương trình quốc gia, các đề án, dự án, nguồn vốn, đặc biệt là vốn ODA ... phát triển hệ thống y tế.

4.9. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững

Cụ thể hóa thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người DTTS lao động tại các địa phương thuộc phạm vi của Đề án.

Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số từ đó tạo việc làm ổn định tại chỗ cho lao động tại địa phương.

Quản lý chặt chẽ lao động tại các địa phương. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho người lao động tại các xã, thôn thuộc phạm vi của Đề án.

5. Vốn và nguồn vốn

Tổng vốn giai đoạn 2021 - 2025: 4.423.492,5 triệu đồng. Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 3.254.268 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn đầu tư: 1.819.315 triệu đồng.

- + Vốn sự nghiệp: 1.434.953 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 162.777 triệu đồng.

Trong đó:

- + Vốn đầu tư: 108.269 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 54.508 triệu đồng.
- Vốn tín dụng: 974.550,5 triệu đồng.
- Vốn huy động khác: 31.897 triệu đồng.

6- Phân công tổ chức thực hiện Đề án

Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa, chỉ đạo, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả và điều phối chung việc triển khai thực hiện Đề án này trên phạm vi toàn tỉnh.

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, tham mưu, phối hợp thực hiện Đề án.

MỤC LỤC

Lời ban biên tập	7
1 Đề án số 02-ĐA/TU ngày 23/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	9
2 Đề án số 03-ĐA/TU ngày 12/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	49
3 Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2021 - 2025	113
4 Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh	131

- 5 Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh 155
- 6 Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 16/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh 173
- 7 Nghị quyết số 56-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, giai đoạn 2021 - 2025 185
- 8 Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh) 211
- 9 Đề án phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh) 239

- 10 Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh
Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 (Quyết định
số 474/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của
UBND tỉnh) 295
- 11 Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên
Quang giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết
định số 377/QĐ-UBND ngày 20/6/2022
của UBND tỉnh) 335
- 12 Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu
Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 (Quyết định
số 423/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của
UBND tỉnh) 419

*In 3.800 cuốn, khổ 13,5*19,5 cm. Tại Công ty TNHH In Vũ Liên
Đ/c: Số 03, đường Trường Chinh, P. Phan Thiết, TP. Tuyên Quang
Giấy phép xuất bản số: 117/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông
tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 22/11/2022.*